

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

HÀ VIỆT HOÀNG

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN
SÁCH CẤP HUYỆN Ở TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Thái Nguyên, năm 2007

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

HÀ VIỆT HOÀNG

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN
SÁCH CẤP HUYỆN Ở TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: Kinh tế Nông nghiệp
Mã số: 60.31.10

LUẬN VĂN THẠC SỸ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. Đoàn Quang Thiệu

Thái Nguyên, năm 2007

Lời cam đoan

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực, và chưa hề được sử dụng để bảo vệ một học vị nào. Mọi sự giúp đỡ cho việc hoàn thành luận văn đều đã được cảm ơn. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Hà Việt Hoàng

Lời cảm ơn

Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài, tôi đã nhận được sự giúp đỡ quý báu của tập thể và các cá nhân. Trước hết tôi xin chân thành cảm ơn các giảng viên khoa Kinh tế, khoa Sau Đại học trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên, Khoa kinh tế trường Đại học Nông nghiệpI, đặc biệt là sự hướng dẫn của Tiến sỹ Đoàn Quang Thiệu trong suốt thời gian thực hiện đề tài.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và tạo điều kiện của các đồng chí lãnh đạo và chuyên viên Cục Thuế; Cục Thống kê; sở Kế hoạch và Đầu tư; sở Tài chính; sở Tài nguyên và Môi trường; UBND, Phòng Tài chính huyện Định Hoá; UBND, Phòng Tài chính Giá cả Thành phố Thái Nguyên đã góp ý và giúp đỡ tôi hoàn thành đề tài này.

Xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo sở Tài chính, lãnh đạo các phòng, ban trong sở cùng các đồng nghiệp, bạn bè đã cổ vũ động viên và tạo điều kiện cho tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện Luận văn này.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Hà Việt Hoàng

MỤC LỤC

	Trang
Trang phụ bìa .	
Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục.....	iii
Danh mục các chữ viết tắt.....	vi
Danh mục các bảng trong Luận văn.....	vii
Danh mục các biểu đồ trong Luận văn.....	viii
Mở đầu	
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Đóng góp mới của Luận văn.....	3
5. Bố cục của Luận văn.....	3
Chương 1: Cơ sở khoa học và Phương pháp nghiên cứu	4
1.1. Cơ sở khoa học của ngân sách cấp Huyện và quản lý ngân sách cấp Huyện.....	4
1.1.1. Ngân sách nhà nước, ngân sách cấp huyện.....	4
1.1.1.1. Ngân sách nhà nước và hệ thống ngân sách nhà nước	4
1.1.1.2. Ngân sách cấp huyện.....	7
1.1.2. Quản lý ngân sách cấp huyện.....	11
1.1.2.1. Nguyên tắc cơ bản về quản lý ngân sách nhà nước.....	11
1.1.2.2. Nội dung quản lý ngân sách cấp huyện.....	12
1.1.2.3. Cân đối thu chi ngân sách cấp huyện.....	15
1.1.2.4. Điều chỉnh dự toán ngân sách cấp huyện.....	16

1.1.2.5. Quyết toán ngân sách cấp huyện.....	17
1.1.3. Câu hỏi nghiên cứu.....	20
1.2. Phương pháp nghiên cứu.....	20
1.2.1. Chọn địa điểm nghiên cứu.....	20
1.2.2. Các phương pháp nghiên cứu.....	21
1.2.3. Kinh nghiệm quản lý ngân sách nhà nước, ngân sách cấp huyện trên thế giới và ở Việt Nam.....	23
Chương 2: Thực trạng công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên.....	34
2.1. Đặc điểm của tỉnh Thái Nguyên	34
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên	34
2.1.2. Đặc điểm kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên	34
2.2. Thực trạng công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên	39
2.2.1. Tình hình thu, chi, lập dự toán, quyết toán ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên	39
2.2.1.1. Tình hình thu ngân sách	39
2.2.1.2. Về chi ngân sách	47
2.2.1.3. Về công tác lập dự toán, tình hình thực hiện thu chi, quyết toán ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên	55
2.2.2. Thực trạng công tác quản lý ngân sách ở các huyện chọn điển hình nghiên cứu.....	56
2.2.2.1. Thành phố Thái Nguyên	56
2.2.2.2. Huyện Định Hoá	65
2.3. Một số kết quả đã đạt được và những tồn tại trong công tác quản lý ngân sách huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	72
2.3.1. Kết quả đạt được	72
2.3.2. Những hạn chế	76

2.3.3. Nguyên nhân hạn chế	85
Chương 3: Một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên	87
3.1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội các huyện, thành phố, thị xã ở tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010	87
3.2. Quan điểm về công tác quản lý ngân sách cấp Huyện ở Tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010	89
3.3. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên	90
3.3.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán	90
3.3.2. Tăng cường kiểm tra kiểm soát các khoản thu ngân sách.....	92
3.3.3. Tăng cường kiểm soát chi ngân sách	94
3.3.4. Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản	96
3.3.5. Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ quản lý ngân sách.....	98
3.3.6. Một số giải pháp khác	99
Kết luận và kiến nghị	103
1. Kết luận	103
2.. Một số đề nghị	104
2.1. Đối với Trung ương	105
2.2. Đối với tỉnh Thái Nguyên.....	107
Danh mục tài liệu tham khảo.....	108

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
CTN	Công thương nghiệp
CHLB Đức	Cộng hoà liên bang Đức
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
DT	Dự toán
HĐND	Hội đồng Nhân dân
HTX	Hợp tác xã
NQD	Ngoài quốc doanh
NS	Ngân sách
QSD	Quyền sử dụng
SHNN	Sở hữu Nhà Nước
TĐTT	Tốc độ tăng thu
TDTT	Thể dục thể thao
TH	Thực hiện
TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Tỉ trọng
TTATXH	Trật tự an toàn xã hội
UBND	Ủy ban Nhân Dân
VAT	Thuế giá trị gia tăng
VHTT	Văn hoá thông tin
XNQD	Xí nghiệp quốc doanh

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 2.1. Đơn vị hành chính, diện tích và dân số tỉnh Thái Nguyên thời điểm 31/12/2006	35
Bảng 2.2. Một số chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên qua 3 năm	37
Bảng 2.3. Tổng hợp thu ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2004- 2006.	43
Bảng 2.4. Tình hình thu ngân sách nhà nước cấp Huyện năm 2004	45
Bảng 2.5. Tình hình thu ngân sách nhà nước cấp Huyện năm 2005	46
Bảng 2.6. Tình hình thu ngân sách nhà nước cấp Huyện năm 2006	47
Bảng 2.7. Tổng hợp chi ngân sách nhà nước cấp Huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2004 - 2006	51
Bảng 2.8. Tình hình chi ngân sách cấp Huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2004	52
Bảng 2.9. Tình hình chi ngân sách cấp Huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2005	53
Bảng 2.10. Tình hình chi ngân sách cấp Huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2006	54
Bảng 2.11. Tổng hợp thu ngân sách thành phố Thái Nguyên	57
Bảng 2.12. Tổng hợp chi ngân sách thành phố Thái Nguyên	61
Bảng 2.13. Tổng hợp thu ngân sách Huyện Định Hoá	68
Bảng 2.14. Tổng hợp chi ngân sách Huyện Định Hoá	71
Bảng 2.15. Dự toán giao chi năm 2006 của các phường xã thuộc Huyện Định Hoá và thành phố Thái Nguyên	77
Bảng 2.16. Tổng hợp dự toán và quyết toán thu chi năm 2005	83

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

	Trang
Biểu đồ 2.1. Giá trị tổng sản phẩm Tỉnh Thái Nguyên năm 2004 - 2006	38
Biểu đồ 2.2. Cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên năm 2004 - 2006	38
Biểu đồ 2.3. Tổng hợp thu ngân sách nhà nước cấp Huyện tỉnh Thái Nguyên	40
Biểu đồ 2.4. Tỷ trọng các nguồn thu NSNN cấp huyện năm 2006	41

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, cùng với sự đổi mới chung của đất nước và thực hiện chương trình tổng thể về cải cách hành chính nhà nước, quản lý ngân sách nhà nước cũng đã có những bước cải cách, đổi mới và đạt được một số thành tựu đáng kể; Đặc biệt là từ khi Luật ngân sách nhà nước được Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16/12/2002 và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2004 với mục tiêu và ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc quản lý và điều hành ngân sách nhà nước, phát triển kinh tế- xã hội; Tăng cường tiềm lực tài chính đất nước; quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia; xây dựng ngân sách nhà nước lành mạnh, thúc đẩy vốn và tài sản nhà nước tiết kiệm, hiệu quả; Tăng tích lũy để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Đảm bảo các nhiệm vụ quốc phòng an ninh và đối ngoại.

Ngân sách nhà nước là một khâu quan trọng trong điều tiết kinh tế vĩ mô. Ngân sách huyện, thành phố là một bộ phận cấu thành ngân sách nhà nước, là công cụ để chính quyền cấp huyện, thành phố thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong quá trình quản lý kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng. Luật ngân sách nhà nước năm 2002 là cơ sở pháp lý cơ bản để tổ chức quản lý ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách cấp huyện nói riêng nhằm phục vụ cho công cuộc đổi mới đất nước. Song thực tế hiện nay những yếu tố, điều kiện tiền đề chưa được tạo lập đồng bộ, làm cho quá trình quản lý ngân sách các cấp đạt hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu mà luật ngân sách đặt ra.

Trong hoàn cảnh đó, tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, đổi mới quản lý thu, chi ngân sách sẽ tạo điều kiện tăng thu ngân sách và sử dụng ngân sách quốc gia tiết kiệm, có hiệu quả hơn; giúp chúng ta sớm đạt được

mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Thực tế tại thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện tại tỉnh Thái Nguyên, công tác quản lý ngân sách còn nhiều bất cập, thu ngân sách hàng năm không đủ chi, tỉnh phải trợ cấp cân đối thì vấn đề tăng cường quản lý ngân sách càng trở nên cấp bách. Cụ thể năm 2004: Thu ngân sách trên địa bàn được hưởng là 221.063 triệu đồng, chi là 739.312 triệu đồng, trợ cấp của tỉnh là 547.817 triệu đồng; Năm 2005 Thu ngân sách trên địa bàn được hưởng là 258.469 triệu đồng, chi là 609.917 triệu đồng, trợ cấp của tỉnh là 354.872 triệu đồng; Năm 2006 Thu ngân sách trên địa bàn được hưởng là 301.116 triệu đồng, chi là 776.150 triệu đồng, trợ cấp của tỉnh là 437.320 triệu đồng, do vậy trong bối cảnh đó việc nghiên cứu ***“Thực trạng và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên”*** là thực sự cần thiết về cả mặt lý luận cũng như thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

* Mục tiêu chung: Trên cơ sở làm rõ những lý luận cơ bản, đánh giá đúng thực trạng tình hình quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên từ đó đề xuất giải pháp chủ yếu hoàn thiện công tác quản lý ngân sách nhà nước cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

* Mục tiêu cụ thể :

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý ngân sách cấp huyện.
- Đánh giá thực trạng tình hình quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên.
- Đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu là: Công tác quản lý ngân sách nhà nước cấp huyện bao gồm Thành phố, thị xã và các huyện ở tỉnh Thái Nguyên.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Nghiên cứu trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.
- Về thời gian: Tài liệu tổng quan được thu thập trong khoảng thời gian từ những tài liệu đã công bố từ năm 2000 đến nay; Số liệu điều tra thực trạng chủ yếu trong 3 năm 2004 - 2006.

* Về Nội dung: Tập trung nghiên cứu những vấn đề về quản lý ngân sách cấp huyện ở Tỉnh Thái Nguyên. Trong đó đại diện là thành phố Thái Nguyên, huyện Định Hoá.

4. Đóng góp mới của luận văn

Hệ thống hoá các vấn đề lý luận cơ bản về ngân sách huyện và quản lý ngân sách nhà nước cấp huyện.

Phân tích rõ thực trạng của công tác quản lý ngân sách cấp huyện, điển hình là thành phố Thái Nguyên, Huyện Định Hoá.

Kiến nghị với các cấp các ngành bổ sung sửa đổi chính sách chế độ, chế tài, nhằm quản lý tốt hơn đối với ngân sách nhà nước cấp huyện.

5. Bố cục của luận văn: Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn bao gồm ba chương.

Chương I . Cơ sở khoa học và phương pháp nghiên cứu.

Chương II. Thực trạng công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên.

Chương III. Một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên.

Chương 1

CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

1.1.1. Ngân sách nhà nước, ngân sách cấp huyện

1.1.1.1. Ngân sách nhà nước và hệ thống ngân sách nhà nước

* *Khái niệm*: Ngân sách nhà nước là một phạm trù kinh tế lịch sử gắn liền với sự ra đời của Nhà nước, gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của kinh tế hàng hoá tiền tệ[10]. Nói cách khác, sự ra đời của nhà nước, sự tồn tại của kinh tế hàng hoá là những điều kiện cần và đủ cho sự phát sinh tồn tại và phát triển của ngân sách nhà nước. Hai tiền đề nói trên xuất hiện rất sớm trong lịch sử, những thuật ngữ ngân sách Nhà nước lại xuất hiện muộn hơn, vào buổi bình minh của phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa. Thuật ngữ này chỉ các khoản thu và các khoản chi của Nhà nước được thể chế hoá bằng phương pháp luật do cơ quan lập pháp quyết định còn việc điều hành ngân sách nhà nước trong thực tiễn do cơ quan hành pháp thực hiện. Trong thực tế, vai trò điều hành ngân sách nhà nước của Chính phủ ta rất lớn nên còn thuật ngữ " Ngân sách Chính phủ" mà thực ra là nói tới ngân sách nhà nước.

Biểu hiện bên ngoài, ngân sách nhà nước là một bảng dự toán thu chi bằng tiền của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định thường là một năm. Chính phủ dự toán các nguồn thu vào quỹ ngân sách nhà nước, đồng thời dự toán các khoản chi cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng, từ quỹ ngân sách nhà nước, và bảng dự toán này phải được Quốc hội phê chuẩn. Như vậy, đặc trưng chủ yếu của ngân sách nhà nước là tính dự toán các khoản thu chi bằng tiền của Nhà nước trong một thời gian nhất định, thường là một năm.

Trong thực tiễn hoạt động Ngân sách nhà nước là hoạt động thu (tạo thu) và chi tiêu (sử dụng) quỹ tiền tệ của Nhà Nước, làm cho nguồn tài chính vận động giữa một bên là Nhà nước với một bên là các chủ thể kinh tế, xã hội trong quá trình phân phối tổng sản phẩm quốc dân dưới hình thức giá trị. Đằng sau các hoạt động thu chi đó chứa đựng các mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với chủ thể khác. Nói cách khác, ngân sách nhà nước phản ánh mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế - Xã hội và trong phân phối tổng sản phẩm xã hội. Thông qua việc tạo lập, sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước chuyển dịch một bộ phận thu nhập bằng tiền của các chủ thể thành thu nhập của Nhà nước và nhà nước chuyển dịch thu nhập đó đến các chủ thể được thụ hưởng nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà Nước.

Thứ nhất, ngân sách nhà nước là kế hoạch tài chính vĩ mô trong các kế hoạch tài chính của Nhà nước để quản lý các hoạt động Kinh tế - Xã hội.

Thứ hai, xét về mặt thực thể, ngân sách nhà nước là quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của Nhà nước.

Thứ ba, ngân sách nhà nước là khâu chủ đạo trong hệ thống các khâu tài chính.

Các nguồn tài chính được tập trung vào ngân sách nhà nước nhờ vào việc nhà nước tham gia vào quá trình phân phối và phân phối lại các nguồn tài chính quốc gia dưới hình thức thuế và các hình thức thu khác. Toàn bộ các nguồn tài chính trong ngân sách nhà nước của chính quyền nhà nước các cấp là nguồn tài chính mà Nhà Nước trực tiếp nắm giữ, chi phối. Nó là nguồn tài chính cơ bản để nhà nước thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Nguồn tài chính này giữ vị trí chủ đạo trong tổng nguồn tài chính của xã hội và là công cụ để Nhà Nước kiểm soát vĩ mô và cân đối vĩ mô.

Từ sự phân tích biểu hiện bên ngoài và thực chất bên trong của ngân sách nhà nước, ta có thể đưa ra quan niệm chung về ngân sách nhà nước như sau:

Xét theo hình thức biểu hiện bên ngoài và ở trạng thái tĩnh, ngân sách nhà nước là một bảng dự toán thu chi bằng tiền của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.

Xét về thực chất và ở trạng thái động, ngân sách nhà nước là kế hoạch tài chính vĩ mô và là khâu tài chính chủ đạo của hệ thống tài chính nhà nước, được Nhà nước sử dụng để phân phối một bộ phận của cải xã hội dưới hình thức giá trị nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Ngân sách nhà nước phản ánh các quan hệ kinh tế giữa nhà nước và các chủ thể trong xã hội, phát sinh khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu.

Theo Luật ngân sách nhà nước năm 2002, Ngân sách Nhà nước được đề cập như sau: "Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà Nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà Nước".[13]

* *Hệ thống ngân sách nhà nước*: Hệ thống các cấp ngân sách nhà nước là tổng thể các cấp ngân sách gắn bó hữu cơ với nhau, có mối quan hệ ràng buộc chặt chẽ với nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu chi của từng cấp ngân sách.[10]

Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước luôn gắn liền với việc tổ chức bộ máy nhà nước và vai trò, vị trí bộ máy đó trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, trên cơ sở hiến pháp, mỗi cấp chính quyền có một cấp ngân sách riêng cung cấp phương tiện vật chất cho cấp chính quyền đó thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trên vùng lãnh thổ. Việc hình thành hệ thống chính quyền nhà nước các cấp là một tất yếu khách quan nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước trên mọi vùng của đất nước. Sự ra đời của hệ thống chính quyền nhà nước là tiền đề để tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước nhiều cấp.

1.1.1.2. Ngân sách cấp huyện

* *Khái niệm*: Ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân. Theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân hiện hành bao gồm:

- Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách tỉnh) bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là ngân sách huyện) Bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã, phường, thị trấn.

- Ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách xã).[12]

* *Nội dung thu chi ngân sách huyện theo luật ngân sách*

Theo luật ngân sách 2002, nội dung phân định nhiệm vụ thu chi của ngân sách huyện bao gồm những nội dung sau:[13]

Nguồn thu ngân sách

- Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%: Thuế nhà đất; Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu khí; Thuế muôn bài; Thuế chuyển quyền sử dụng đất; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiền sử dụng đất; Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước không kể thuê mặt nước từ hoạt động dầu khí; Tiền đền bù thiệt hại đất; Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; Lệ phí trước bạ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; Thu từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại cơ sở kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh theo quy định; Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật; Phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật từ các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu, không kể phí xăng, dầu và lệ phí

trước bạ; Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh; Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định.

Nhiệm vụ chi ngân sách

- Chi đầu tư phát triển: Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi do địa phương quản lý; Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật; Phân chi đầu tư phát triển trong các chương trình quốc gia do địa phương thực hiện; Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật;

- Chi thường xuyên:

+ Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hoá, thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do địa phương quản lý: Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác; Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác; Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động khác; Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hoá khác; Phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác; Bồi dưỡng, huấn luyện, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do địa phương quản lý:

+ Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biểu báo cáo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường.

+ Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp, lâm nghiệp, Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư, khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

+ Sự nghiệp thị chính: Duy tu bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

+ Đo đạc, lập bản đồ và lưu giữ hồ sơ địa chính và các hoạt động địa chính khác; Điều tra cơ bản; Các hoạt động về sự nghiệp môi trường; Các sự nghiệp kinh tế khác.

+ Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Chính phủ.

+ Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam ở địa phương.

+ Hoạt động của các cơ quan địa phương của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn thanh niên.

+ Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của Pháp luật.

+ Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý.

+ Phần chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện.

+ Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.

+ Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của Pháp luật.

+ Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

+ Chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau.

1.1.2. Quản lý ngân sách cấp huyện

1.1.2.1. Nguyên tắc cơ bản về quản lý ngân sách nhà nước

*** Nguyên tắc đầy đủ, trọn vẹn**

Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của quản lý ngân sách nhà nước. Nội dung của nguyên tắc này là: Mọi khoản thu, chi phải được ghi đầy đủ vào kế hoạch ngân sách nhà nước, mọi khoản chi phải được vào sổ và quyết toán rành mạch. Chỉ có kế hoạch ngân sách đầy đủ, trọn vẹn mới phản ánh đúng mục đích chính sách và đảm bảo tính minh bạch của các tài khoản thu, chi.

Nguyên tắc quản lý này nghiêm cấm các cấp, các tổ chức nhà nước lập và sử dụng quỹ đen. Điều này có ý nghĩa rằng mọi khoản thu chi của ngân sách nhà nước đều phải đưa vào kế hoạch ngân sách để Quốc hội phê chuẩn, nếu không việc phê chuẩn ngân sách của Quốc hội sẽ không có căn cứ đầy đủ, không có giá trị.

*** Nguyên tắc thống nhất trong quản lý ngân sách nhà nước**

Nguyên tắc thống nhất trong quản lý ngân sách nhà nước bắt nguồn từ yêu cầu tăng cường sức mạnh vật chất của Nhà nước. Biểu hiện cụ thể sức mạnh vật chất của Nhà nước là thông qua hoạt động thu - chi của ngân sách nhà nước. Nguyên tắc thống nhất trong quản lý ngân sách nhà nước được thể hiện:

Mọi khoản thu - chi của ngân sách nhà nước phải tuân thủ theo những quy định của Luật ngân sách nhà nước và phải được dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tất cả các khâu trong chu trình ngân sách nhà nước khi triển khai thực hiện phải đặt dưới sự kiểm tra giám sát của cơ quan quyền lực, ở trung ương là Quốc hội, ở địa phương là Hội đồng nhân dân.

- Hoạt động ngân sách nhà nước đòi hỏi phải có sự thống nhất với hoạt động kinh tế, xã hội của quốc gia. Hoạt động kinh tế, xã hội của quốc gia là nền tảng của hoạt động ngân sách nhà nước. Hoạt động ngân sách nhà nước phục vụ cho hoạt động kinh tế, xã hội, đồng thời là hoạt động mang tính chất kiểm chứng đối với hoạt động kinh tế, xã hội.

*** Nguyên tắc cân đối ngân sách**

Ngân sách nhà nước được lập và thu chi ngân sách phải được cân đối. Nguyên tắc này đòi hỏi các khoản chi chỉ được phép thực hiện khi đã có đủ các nguồn thu bù đắp. Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân luôn cố gắng để đảm bảo cân đối nguồn ngân sách nhà nước bằng cách đưa ra các quyết định liên quan tới các khoản chi để thảo luận và cắt giảm những khoản chi chưa thực sự cần thiết, đồng thời nỗ lực khai thác mọi nguồn thu hợp lý mà nền kinh tế có khả năng đáp ứng.

*** Nguyên tắc công khai hoá ngân sách nhà nước**

Về mặt chính sách, thu chi ngân sách nhà nước là một chương trình hoạt động của Chính phủ được cụ thể hoá bằng số liệu. Ngân sách nhà nước phải được quản lý rành mạch, công khai để mọi người dân có thể biết nếu họ quan tâm. Nguyên tắc công khai của ngân sách nhà nước được thể hiện trong suốt chu trình ngân sách nhà nước và phải được áp dụng cho tất cả các cơ quan tham gia vào chu trình ngân sách nhà nước.

*** Nguyên tắc rõ ràng, trung thực và chính xác**

Nguyên tắc này là cơ sở, tạo tiền đề cho mỗi người dân có thể nhìn nhận được chương trình hoạt động của Chính quyền địa phương và chương trình này phải được phản ánh ở việc thực hiện chính sách tài chính Địa phương.

Nguyên tắc này đòi hỏi: Ngân sách nhà nước được xây dựng rành mạch, có hệ thống; Các dự toán thu, chi phải được tính toán một cách chính xác và phải đưa vào kế hoạch ngân sách; Không được che đậy và bào chữa đối với

tất cả các khoản thu, chi ngân sách nhà nước; Không được phép lập quỹ đen, ngân sách phụ.[8]

1.1.2.2. Nội dung quản lý ngân sách cấp huyện

*** Lập dự toán ngân sách huyện**

Mục tiêu cơ bản của việc lập dự toán ngân sách là nhằm tính toán đúng đắn ngân sách trong kỳ kế hoạch, có căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn các chỉ tiêu thu, chi của ngân sách trong kỳ kế hoạch.

Yêu cầu trong quá trình lập ngân sách phải đảm bảo:

+ Kế hoạch ngân sách nhà nước phải bám sát kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và có tác động tích cực đối với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội: Kế hoạch ngân sách chỉ mang tính hiện thực khi nó bám sát kế hoạch phát triển, xã hội. Có tác động tích cực đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, cũng chính là thực hiện kế hoạch ngân sách nhà nước. Trong điều kiện kinh tế thị trường, Nhà nước thực hiện cơ chế quản lý vĩ mô, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu mang tính định hướng.

+ Kế hoạch ngân sách nhà nước phải đảm bảo thực hiện đầy đủ và đúng đắn các quan điểm của chính sách tài chính địa phương trong thời kỳ và yêu cầu của Luật ngân sách nhà nước. Hoạt động ngân sách nhà nước là nội dung cơ bản của chính sách tài chính. Do vậy, lập ngân sách nhà nước phải thể hiện được đầy đủ và đúng đắn các quan điểm chủ yếu của chính sách tài chính địa phương như: Trật tự và cơ cấu động viên các nguồn thu, thứ tự và cơ cấu bố trí các nội dung chi tiêu. Bên cạnh đó, ngân sách nhà nước hoạt động luôn phải tuân thủ các yêu cầu của Luật ngân sách nhà nước, nên ngay từ khâu lập ngân sách cũng phải thể hiện đầy đủ các yêu cầu của Luật ngân sách nhà nước như: Xác định phạm vi, mức độ của nội dung các khoản thu, chi phân định thu, chi giữa các cấp ngân sách, cân đối ngân sách nhà nước.

- Căn cứ lập ngân sách nhà nước:

+ Nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Văn hoá - Xã hội đảm bảo quốc phòng, An ninh của Đảng và Chính quyền địa phương trong năm kế hoạch và những năm tiếp theo.

+ Lập ngân sách nhà nước phải dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong năm kế hoạch. Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội là sở sở, căn cứ để đảm bảo các nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, cũng là nơi sử dụng các khoản chi tiêu của ngân sách nhà nước.

+ Lập ngân sách nhà nước phải tính đến các kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách của các năm trước, đặc biệt là của năm báo cáo.

+ Lập ngân sách nhà nước phải dựa trên các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn định mức cụ thể về thu, chi tài chính nhà nước. Lập ngân sách nhà nước là xây dựng các chỉ tiêu thu chi cho năm kế hoạch, các chỉ tiêu đó chỉ có thể được xây dựng sát, đúng, ngoài dựa vào căn cứ nói trên phải đặc biệt tuân thủ theo các chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu chi tài chính nhà nước thông qua hệ thống pháp luật (đặc biệt là hệ thống các Luật thuế) và các văn bản pháp lý khác của nhà nước.

* Chấp hành ngân sách huyện

- Chấp hành thu ngân sách huyện[13]: Theo Luật ngân sách nhà nước, chấp hành thu ngân sách có nội dung như sau:

+ Chỉ có cơ quan tài chính, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan khác được giao nhiệm vụ thu ngân sách (gọi chung là cơ quan thu) được tổ chức thu ngân sách nhà nước.

+ Cơ quan thu có nhiệm vụ, quyền hạn như sau: Phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan tổ chức thu đúng pháp luật; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Ủy ban nhân dân và sự giám sát của Hội đồng nhân dân về công tác thu ngân sách tại địa phương; Phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ

chức thành viên tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp ngân sách theo quy định của Luật ngân sách và các quy định khác của Pháp luật.

+ Cơ quan thu các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách phải nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp vào ngân sách nhà nước.

- Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách: Sau khi Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc theo các nguyên tắc được quy định tại Điểm a khoản 1 điều 44 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ. Dự toán chi thường xuyên giao cho đơn vị sử dụng ngân sách được phân bổ theo từng loại của Mục lục ngân sách nhà nước, theo các nhóm mục[6]: Chi thanh toán cá nhân; Chi nghiệp vụ, chuyên môn; Chi mua sắm, sửa chữa; Các khoản chi khác.

+ Nội dung cơ bản của chi thường xuyên ngân sách huyện (xét theo lĩnh vực chi): Chi cho các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, văn hoá xã hội; Chi cho các hoạt động sự nghiệp kinh tế của Nhà nước; Chi cho hoạt động hành chính nhà nước; Chi cho Quốc phòng - An ninh và trật tự an toàn xã hội; Chi khác.

Nguyên tắc quản lý chi thường xuyên của ngân sách huyện bao gồm: Nguyên tắc quản lý theo dự toán; Nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả; Nguyên tắc chi trực tiếp qua Kho bạc nhà nước.

+ Nội dung cơ bản của chi đầu tư phát triển: Trên nguyên tắc quản lý cấp phát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản như cấp phát vốn trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh trình tự đầu tư và xây dựng, đảm bảo đầy đủ các tài liệu thiết kế, dự toán; Việc cấp phát thanh toán vốn đầu tư và xây dựng cơ bản phải đảm bảo đúng mục đích, đúng kế hoạch; Cấp phát vốn đầu tư xây dựng

cơ bản chỉ được thực hiện theo đúng mức độ thực tế hoàn thành kế hoạch, trong phạm vi giá dự toán được duyệt; Việc cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện bằng hai phương pháp cấp phát không hoàn trả và có hoàn trả; Cấp phát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải thực hiện giám đốc bằng đồng tiền với việc sử dụng vốn đúng mục đích có hiệu quả vốn đầu tư.

1.1.2.3. Cân đối thu chi ngân sách cấp huyện

*** Trong lập dự toán ngân sách nhà nước**

- Phải được xác định trên cơ sở tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng an ninh.
- Phải được xây dựng theo chế độ tiêu chuẩn, định mức và lập chi tiết theo mục lục ngân sách.
- Để chủ động cân đối ngân sách nhà nước, dự toán chi ngân sách địa phương được bố trí khoản dự phòng từ 2% đến 5% tổng chi nhằm đáp ứng các nhu cầu chi phát sinh đột xuất trong năm ngân sách.[2]

Trường hợp có biến động lớn về ngân sách địa phương so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, Ủy ban nhân dân lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân theo quy trình được quy định tại Luật ngân sách nhà nước năm 2002.

*** Trong chấp hành ngân sách nhà nước**

Trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước, khi có sự thay đổi về thu, chi, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thực hiện như sau:

- Nếu tăng thu hoặc tiết kiệm chi so với dự toán được duyệt thì số tăng thu hoặc tiết kiệm chi được dùng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ hoặc để bổ sung quỹ dự trữ tài chính, hoặc chi một số khoản cần thiết khác, nhưng không cho phép chi về quỹ tiền lương, trừ trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Nếu giảm thu so với dự toán thì phải sắp xếp lại để giảm một số khoản chi tương ứng; Nếu có nhu cầu chi đột xuất ngoài dự toán nhưng không thể trì hoãn được mà nguồn dự phòng không đủ đáp ứng thì phải sắp xếp lại các khoản chi; Khi thực hiện việc tăng, giảm thu chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp vào kỳ họp gần nhất.

- Trong công tác cân đối ngân sách nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước phải đảm bảo các nguyên tắc theo luật định.

1.1.2.4. Điều chỉnh dự toán ngân sách cấp huyện

Điều chỉnh ngân sách của chính quyền địa phương cấp dưới trong trường hợp dự toán ngân sách của các cấp chính quyền địa phương chưa phù hợp với dự toán ngân sách nhà nước, hoặc chưa phù hợp với dự toán ngân sách cấp trên như sau:

Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân, yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh dự toán ngân sách sau khi nhận được báo cáo quyết định dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, sở Tài chính, sở Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách điều chỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, phòng Tài chính cấp huyện về dự toán ngân sách điều chỉnh đã được Hội đồng nhân dân thông qua.

Trong trường hợp có biến động lớn về ngân sách địa phương so với dự toán đã phân phối cần phải điều chỉnh tổng thể, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương; Trường hợp có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số cơ quan trực thuộc hoặc của ngân sách cấp dưới, nhưng không có biến động lớn đến tổng

thẻ ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương.[1]

1.1.2.5. Quyết toán ngân sách cấp huyện

Theo Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ, quyết toán ngân sách phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Số liệu quyết toán ngân sách nhà nước
- + Số quyết toán ngân sách nhà nước là số thu đã được thực nộp hoặc hạch toán thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.
- + Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán hoặc đã hạch toán chi theo quy định tại điều 62 của Luật ngân sách nhà nước và các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau để chi tiếp theo quy định tại khoản 2 điều 66 của Nghị định này.
- Ngân sách cấp dưới không được quyết toán các khoản kinh phí uỷ quyền của Ngân sách cấp trên vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình. Cuối năm, cơ quan Tài chính được uỷ quyền lập báo cáo quyết toán kinh phí uỷ quyền theo quy định gửi cơ quan Tài chính uỷ quyền và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp uỷ quyền.
- Kho bạc nhà nước các cấp có trách nhiệm tổng hợp số liệu quyết toán gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để cơ quan Tài chính lập báo cáo quyết toán. Kho bạc nhà nước xác nhận số liệu thu, chi ngân sách trên báo cáo quyết toán của ngân sách các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách.[6]

**** Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản***

Hết năm kế hoạch, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm theo biểu mẫu quy định trong chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Nội dung báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành: Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán; Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán, chi tiết theo cơ cấu xây lắp, thiết bị, chi phí khác, chi tiết theo

từng hạng mục, khoản mục chi phí đầu tư; Xác định chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.

*** Quyết toán các khoản chi thường xuyên**

- Yêu cầu: Phải lập đầy đủ các loại báo cáo tài chính và gửi kịp thời các loại báo cáo đó đến các cơ quan có thẩm quyền; Số liệu trong báo cáo quyết toán phải đảm bảo tính trung thực, chính xác; Báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán các cấp và của ngân sách các cấp chính quyền trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn và phải có sự xác nhận của Kho bạc nhà nước đồng cấp; Báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán không được để xảy ra tình trạng quyết toán chi lớn hơn thu; Cơ quan kiểm toán nhà nước thực hiện kế hoạch kiểm toán, xác định tính đúng đắn, hợp pháp của báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước các cấp, cơ quan đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Hồ sơ: Đối với đơn vị xây dựng dự toán (hay còn gọi là đơn vị sử dụng ngân sách) cuối mỗi kỳ báo cáo các đơn vị dự toán phải lập các loại báo cáo quyết toán như sau [13]: Bản cân đối tài khoản; Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng; Chi tiết kinh phí hoạt động đề nghị quyết toán; Bảng đối chiếu hạn mức kinh phí -Phụ biểu F02-3H; Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định- Mẫu B03-H; Báo cáo kết quả hoạt động sự nghiệp có thu- Mẫu B04-H; Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B05-H.

*** Xét duyệt, phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện**

- Trình tự lập, gửi, xét duyệt và thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán được quy định như sau:

+ Đơn vị dự toán cấp xã lập báo cáo quyết toán theo chế độ quy định và gửi đơn vị dự toán cấp trên.

+ Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt cho các đơn vị cấp dưới trực thuộc. Các đơn vị dự toán cấp trên là đơn vị dự toán cấp I, phải tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm của đơn vị

minh và báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

+ Cơ quan Tài chính cấp huyện thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp huyện, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm trong quyết toán của đơn vị dự toán cấp huyện, ra thông báo thẩm định quyết toán gửi đơn vị dự toán cấp huyện. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp I.

- Trình tự lập, gửi, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của ngân sách cấp huyện được quy định như sau:

+ Mẫu, biểu báo cáo quyết toán năm của ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách huyện nói riêng thực hiện theo chế độ kế toán nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban Tài chính xã lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã trình Ủy ban nhân dân xã xem xét gửi phòng Tài chính cấp huyện; Đồng thời Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn. Sau khi được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, Ủy ban nhân dân xã báo cáo bổ xung, quyết toán ngân sách gửi phòng Tài chính cấp huyện.

+ Phòng Tài chính cấp huyện thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã; Lập quyết toán thu chi ngân sách cấp huyện; Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã và quyết toán thu, chi ngân sách huyện (Bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã) trình Ủy ban nhân dân đồng cấp xem xét gửi sở Tài chính; Đồng thời Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn. Sau khi được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, Ủy ban nhân dân báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi sở Tài chính.

- Nội dung duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán: Xét duyệt từng khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị, các khoản thu phải đúng pháp luật, pháp lệnh thuế, pháp lệnh phí, lệ phí và các chế độ thu khác của Nhà nước; Các khoản chi phải đảm bảo các điều kiện chi quy định, thu chi phải hạch toán theo đúng chế độ kế toán, đúng mục lục ngân sách nhà nước, đúng niên độ ngân sách; Chứng từ thu, chi phải hợp pháp. Sổ sách và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của Kho bạc nhà nước.

1.1.3 Câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng công tác quản lý ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay như thế nào? có thực hiện đúng Luật Ngân sách năm 2002 không?
- Các giải pháp nào góp phần hoàn thiện công tác quản lý ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên?
- Qua thực trạng đó cần kiến nghị gì đối với các cấp Trung ương, Địa phương để thực hiện tốt Luật Ngân sách 2002?

1.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.2.1. Chọn địa điểm nghiên cứu

Với vị trí địa lý của tỉnh Thái Nguyên cho thấy Thành phố Thái Nguyên là trung tâm kinh tế, văn hoá của tỉnh nên mọi hoạt động có ảnh lớn đến tình hình kinh tế chính trị – xã hội của tỉnh, các hoạt động kinh tế phát sinh của Thành phố rất đa dạng và phong phú mang nhiều nét đặc trưng; Thu, chi ngân sách của Thành phố chiếm tỉ trọng lớn trong tổng thu, chi toàn tỉnh nên công tác quản lý ngân sách thành phố Thái Nguyên có nhiều điểm chung của nhóm các huyện có kinh tế phát triển.

Huyện Định Hoá là đơn vị nghiên cứu đại diện cho các huyện miền núi với kinh tế chậm phát triển, giao thông đi lại khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách, hàng năm trên 90% ngân sách được trợ cấp từ ngân sách tỉnh để phục vụ chi thường xuyên, nguồn thu lớn nhất là thu quản lý qua ngân sách

của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn, ngoài ra một số đặc điểm khác như nhân tố con người, công tác quản lý cán bộ...vv, cũng mang nhiều nét chung của các huyện miền núi.

Chính vì vậy Thành phố Thái Nguyên, Huyện Định Hoá mang đủ các yếu tố, điều kiện để đại diện và nói nên đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế-xã hội, hoạt động kinh tế phát sinh, các nét đặc trưng nhất của công tác quản lý ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1.2.2. Các phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp thu thập thông tin**

- Thu thập thông tin thứ cấp: Thu thập thông tin thứ cấp được chọn lọc và tổng hợp từ các tài liệu Luật ngân sách nhà nước năm 2002; Các Nghị định hướng dẫn thực hiện luật ngân sách năm 2002; Báo cáo khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm quản lý tài chính- ngân sách của cộng hoà liên bang Đức và Thụy Sĩ - Bộ Tài Chính; Báo cáo kết quả khảo sát kinh nghiệm của Trung Quốc về quản lý tài chính- Ngân sách- Bộ Tài Chính; Báo cáo kết quả khảo sát kinh nghiệm của Hàn Quốc về quản lý tài chính và ngân sách- Bộ Tài chính; Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên-Trung tâm thông tin tư vấn phát triển, Viện chiến lược phát triển; Báo cáo dự toán ngân sách năm 2006 và giai đoạn (2006-2010)- UBND tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch phát triển tài chính tỉnh Thái Nguyên 5 năm (2006-2010)- Sở Tài chính Thái Nguyên, Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên các năm 2004-2005-2006; Báo cáo Quyết toán ngân sách nhà nước huyện Định hoá, Thành phố Thái Nguyên các năm 2004,2005,2006. Các số liệu về kinh tế xã hội trong niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2006; Giáo trình lý thuyết tài chính- Học viện tài chính năm 2003, Thông tin từ các Trang Web báo điện tử của Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

- Thu thập thông tin sơ cấp:

+ Được tổng hợp và hệ thống hoá từ phiếu điều tra thực tế của các huyện, thành phố qua các năm 2004,2005,2006.

+ Sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp những người có trách nhiệm các sở, ban ngành của tỉnh, địa phương nghiên cứu, các ý kiến trao đổi của các chuyên gia sở Kế hoạch và đầu tư, Cục Thuế, sở Tài Chính và lấy số liệu trực tiếp từ các báo cáo của các huyện.

- Thể hiện thông tin: Phương pháp thể hiện thông tin chủ yếu thông qua các sơ đồ, bảng biểu và biểu thức toán học.

* Phương pháp phân tích đánh giá

- Phương pháp thống kê mô tả: Dùng các chỉ số để phân tích, đánh giá mức độ biến động và mối quan hệ giữa các hiện tượng.

- Phương pháp thống kê so sánh: Nhằm so sánh, đánh giá và kết luận về tình hình quản lý ngân sách cấp huyện tại các huyện chọn điển hình.

- Phương pháp đối chiếu: Để đánh giá thực trạng khó khăn, thuận lợi từ đó có đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên.

- Phương pháp chuyên gia: Giúp thu thập, chọn lọc những thông tin, ý kiến trao đổi của các chuyên gia trong lĩnh vực quản lý ngân sách.

* Hệ thống các chỉ tiêu phân tích chủ yếu

- Nhóm chỉ tiêu về thu ngân sách.

+Thu ngân sách trên địa bàn: Thu trong cân đối (thu nội địa: Thu từ xí nghiệp quốc doanh trung ương, thu từ xí nghiệp quốc doanh địa phương, thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực công thương nghiệp và ngoài quốc doanh, thu lệ phí trước bạ, thu phí, lệ phí, thu chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu từ ngân sách khác; Thu xuất nhập khẩu).

+ Thu theo sắc thuế: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế nhà đất, thuế thu nhập cá nhân, thu phí và lệ phí, thu tiền sử dụng đất, thu khác.

+ Thu theo ngành kinh tế quốc dân: Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Du lịch, Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Ngư nghiệp.

- Nhóm chỉ tiêu về chi ngân sách:

+ Chi trong cân đối: Chi thường xuyên (chi sự nghiệp kinh tế, chi phát triển nông nghiệp và nông thôn, chi sự nghiệp văn hoá thông tin, chi sự nghiệp giáo dục, chi sự nghiệp y tế, chi sự nghiệp bảo trợ xã hội, chi quản lý hành chính, chi an ninh quốc phòng, chi bổ sung ngân sách xã, chi dự phòng, chi khác); Chi đầu tư phát triển.

+ Chi quản lý qua ngân sách.

+ Tạm ứng chi ngoài ngân sách.

1.2.3. Kinh nghiệm quản lý ngân sách nhà nước, ngân sách cấp huyện trên thế giới và ở Việt Nam

**** Trên thế giới***

- **Kinh nghiệm của Trung Quốc**[3]: (kinh nghiệm tại Sở Tài chính tỉnh Hà Nam, phòng Tài chính Trịnh Châu; Sở Tài chính Quảng Đông)

Cấp ngân sách được chia thành 5 cấp: Cấp trung ương, Cấp tỉnh, cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã (ngân sách không lồng ghép) Điểm khảo sát:

+ Tỉnh Hà Nam: Nằm giữa Trung Quốc, ven sông Hoàng Hà; Diện tích 1,67 triệu Km², dân số 96,87 triệu người, khu vực hành chính có 17 thành phố, 89 huyện, 21 thị trấn (đây là tỉnh phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách Trung Ương).

+ Tỉnh Quảng Đông: Nằm ở phía đông nam Trung Quốc, có đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Quảng Ninh- Việt Nam, diện tích 480 ngàn km², dân số 80

triệu, khu vực hành chính có 21 thành phố 105 huyện (đây là tỉnh tự cân đối thu-chi, ngoài ra còn có đóng góp về Trung Ương để hỗ trợ cho các tỉnh miền tây).

Trước cải cách căn cứ lập dự toán căn cứ chủ yếu vào tình hình thực hiện năm trước, quy trình đơn giản. Các đơn vị dự toán thụ động trong việc lập dự toán, quy định lập dự toán không rõ ràng, ít quyền trong việc đề xuất dự toán của mình. Các đơn vị sự nghiệp có thu phí tự sử dụng và để ngoài ngân sách, không kiểm soát được, các đơn vị dự toán rút kinh phí trực tiếp từ ngân hàng nhân dân Trung Quốc về chi tiêu.

Từ năm 2000, ngân sách của Trung Quốc tiến hành cải cách mạnh mẽ, đặc biệt trên 3 mặt: Cải cách khâu lập dự toán ngân sách, cải cách công tác cán bộ thông qua đào tạo và đào tạo lại, cải cách công tác kho quỹ; Cụ thể:

Đối với lập dự toán và quyết định dự toán: Giao các đơn vị dự toán tiến hành lập dự toán hàng năm, đồng thời lập kế hoạch tài chính ngân sách 3 – 5 năm để làm căn cứ định hướng, nhưng số liệu này không phải thông qua Quốc hội hoặc hội đồng nhân dân các cấp; Việc lập và quyết định dự toán ngân sách hàng năm theo từng cấp: Ủy ban cải cách và phát triển có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo đánh giá tổng thể về GDP, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, kế hoạch trung hạn phát triển đất nước. Quy trình lập dự toán được thực hiện theo hình thức 2 xuống 2 lên, vào tháng 6 hàng năm, cơ quan tài chính ban hành hướng dẫn lập dự toán năm sau, trên cơ sở đó các đơn vị dự toán lập khái toán gửi cho cơ quan tài chính lần thứ nhất. Sau khi nhận được khái toán của đơn vị, khoảng tháng 9-10 hàng năm cơ quan tài chính có văn bản yêu cầu đơn vị lập lại dự toán trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách; Các đơn vị dự toán tiến hành điều chỉnh lại khái toán và gửi lại cơ quan tài chính lần thứ hai trước ngày 15/12 hàng năm sau đó cơ quan tài chính tổng hợp xin ý kiến UBND cuối cùng tỉnh HĐND phê chuẩn dự toán; Sau khi HĐND phê duyệt trong vòng 01 tháng cơ quan tài chính phê chuẩn dự toán chính thức cho các đơn vị, giao số bổ sung cho ngân sách cấp dưới (cơ

quan tài chính không tiến hành thảo luận, làm việc trực tiếp với đơn vị dự toán và ngân sách cấp dưới, không thẩm định dự toán phân bổ chi tiết).

Đối với thu ngân sách: Số thực thu của các đơn vị phải được tổng hợp qua ngân sách để quản lý; Cơ quan thu (cơ quan thuế) được phân định rõ ràng nhiệm vụ quản lý thu giữa Trung ương và địa phương. Cơ quan thuế trung ương trực thuộc Chính phủ thực hiện thu các khoản thu của trung ương và khoản phân chia giữa NSTW và NSDP. Cơ quan thuế địa phương trực thuộc chính quyền địa phương thu các khoản thuộc địa phương và được điều tiết 100% cho ngân sách địa phương. Tỷ lệ phân chia giữa NSTW và NSDP được ghi ngay trong Luật ngân sách, tỷ lệ phân chi giữa các cấp ngân sách địa phương do chính quyền địa phương tự quyết định và được ổn định trong một số năm.

Đối với chi ngân sách: Định mức chi ngân sách được phân bổ theo từng ngành đặc thù khác nhau và quy định khung mức cho từng cấp chính quyền địa phương quyết định cụ thể. Việc phân cấp chi ngân sách được phân rõ ràng, NSTW đảm bảo chi cho lĩnh vực an ninh, quốc phòng, ngoại giao, môi trường và các hoạt động của cơ quan nhà nước cấp trung ương; NSDP Chính quyền nào có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ chi do cấp đó quản lý, ngoài ra còn thực hiện các nhiệm vụ do ngân sách cấp trên giao.

Về bổ sung ngân sách cấp trên cho cấp dưới: Trung quốc có 2 loại bổ sung; Bổ sung cân đối là khoản hỗ trợ căn cứ vào mức độ giàu nghèo của từng địa phương cụ thể; bổ sung có mục tiêu là mục tiêu theo đề xuất cụ thể của các bộ chủ quản đối với các công trình, dự án trên địa bàn địa phương.

Các chính sách đầu tư:

Đối với giáo dục đào tạo: Luật giáo dục đã quy định không phải đóng học phí 9 năm giáo dục phổ thông bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 9; Các trường dân lập, bán công tự thành lập và hoạt động, không phải nộp thuế và tiền thuê đất; Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp được phép vay

vốn tín dụng để đầu tư trang thiết bị giảng dạy, đồng thời chủ động sử dụng nguồn thu học phí, thu từ tiền sử dụng đồ dùng học tập để trả nợ khi đến hạn. Các trường thuộc Bộ, ngành, đơn vị lập thì phải tự lo kinh phí Chính phủ xét thấy cần thiết thì hỗ trợ một phần; Thực hiện khoán chi cho tất cả các trường.

Đối với nông nghiệp: Sau khi có Luật nông nghiệp, các chính sách của chính phủ đã được ban hành bảo hộ hỗ trợ nông dân, nâng cao nhận thức về nông nghiệp đối với nông dân, tạo điều kiện đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, giải quyết nghèo đói cho nông dân bằng cách tạo ra việc làm nâng cao đời sống, thúc đẩy văn hoá phát triển ở nông thôn. Các chính sách được cụ thể hoá như miễn giảm thuế nông nghiệp; Phát triển hệ thống thuỷ lợi, xây dựng vùng chuyên canh, cung cấp thông tin về nông nghiệp cho nông dân, hỗ trợ nhà cho nông dân, cho vay ưu đãi đối với nông dân nghèo có thu nhập dưới 850 tệ để phát triển sản xuất.

- Kinh nghiệm của Hàn Quốc [4]: (Kinh nghiệm quản lý ngân sách tài chính của thành phố Seoul và tỉnh Gyeonggi)

Hàn Quốc có 3 cấp chính quyền hoàn chỉnh: Trung ương; Cấp Thành phố trực thuộc trung ương; Cấp huyện, thành phố trực thuộc tỉnh; riêng Cấp xã, thị trấn chỉ mang tính tự quản, không có hội đồng nhân dân (cấp này không có ngân sách).

Công tác lập dự toán, chấp hành kế toán và quyết toán đối với ngân sách địa phương được thực hiện như sau: Ngày 31/03 hàng năm các đơn vị phải lập dự toán gửi Bộ Nội Chính, cuối tháng 5, Bộ Nội Chính tiến hành kiểm tra các công trình đầu tư với mục đích xem xét lại việc đầu tư có theo đúng dự án ban đầu không, nếu dự án thực hiện đúng theo tiến độ thì đây là cơ sở bố trí cho năm sau; Đến 31/7 Bộ Nội Chính gửi hướng dẫn xây dựng dự toán năm sau cho các địa phương theo nguyên tắc trao quyền chủ động cho địa phương; Tháng 8 Bộ Nội Chính giao số kiểm tra cho các đơn vị, trong đó quy định chi tiết từng hạng mục cần thiết như mục chi lương, chi lễ hội...; Cuối tháng 12 các cơ quan tài chính địa phương lập và phân

bỏ dự toán báo cáo UBND trình HĐND quyết định; Kết thúc năm, 232 đơn vị tỉnh, thành phố, quận, huyện phải nộp quyết toán cho Bộ Nội Chính. Dựa trên tiêu chuẩn quy định, Bộ Nội Chính thực hiện phân tích quyết toán, mỗi địa phương có một bộ phận chuyên môn riêng kiểm tra quyết toán. Việc kiểm tra quyết toán không làm thường xuyên mà tùy thuộc hàng năm, thời gian kiểm toán là 20 ngày.

Đối với công lập kế hoạch trung hạn: Cùng với việc lập dự toán ngân sách hàng năm UBND các cấp phải xây dựng kế hoạch tài chính và chỉ tiêu trung hạn kế hoạch này được gửi HĐND, nhưng HĐND không phê chuẩn kế hoạch này mà sử dụng để làm căn cứ xem xét quyết định dự toán ngân sách hàng năm. Mục tiêu việc xây dựng kế hoạch tài chính và chỉ tiêu trung hạn là để tăng cường hiệu quả trong việc phân bổ nguồn lực ngân sách, gắn kế hoạch hàng năm với kế hoạch trung hạn;

Phân cấp ngân sách cho địa phương:

Nhiệm vụ chi: Ngân sách địa phương thực hiện nhiệm vụ chi còn lại theo nguyên tắc giao quyền tự trị cho địa phương như chi quản lý hành chính địa phương, chi phúc lợi, y tế xã hội, chi phát triển nông nghiệp, thương mại địa phương, quy hoạch thành phố và xây dựng hệ thống cấp nước, của trả nợ vay của ngân sách địa phương.

Nguồn thu: bao gồm thuế đăng ký, thuế chuyển nhượng, thuế dân cư, thuế giáo dục địa phương, thuế tài sản, thuế giao thông, thuế tiêu dùng thuốc lá, thuế xe, phí thu từ các dịch vụ công, dịch vụ quản lý hành chính, thu tiền nước, thu từ hoạt động của tàu điện ngầm do địa phương quản lý. . . với các cơ cấu nguồn thu như trên ngân sách địa phương chỉ chiếm khoảng 20 % trong tổng ngân sách nhà nước.

Đối với chi ngân sách: Chi ngân sách của Hàn Quốc đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực giáo dục và phát triển nhân lực, Xét ở số tương đối chi cho lĩnh vực này chiếm khoảng 13 % tổng chi ngân sách địa phương trong đó giáo dục

phổ thông chiếm 87%, giáo dục trên phổ thông và mầm non là 13% (riêng với giáo dục phổ thông cơ cấu chi lương chiếm 70% tổng chi cho giáo dục).

Bổ xung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương : Bổ sung từ ngân sách địa phương cho ngân sách trung ương chia thành 3 loại.

Loại 1 là trợ cấp cân đối để bù đắp thâm hụt ngân sách nhằm đảm bảo cho các địa phương có đủ nguồn tài chính tối thiểu để thực hiện các nhiệm vụ chi được phân cấp. Trợ cấp cân đối được xác định trên nguyên tắc chênh lệch thu, chi. Nguồn trợ cấp cân đối từ ngân sách trung ương cho địa phương bằng 15% tổng thu nội địa. Tổng thu nội địa được xác định bằng tổng thu thuế quốc gia trừ thuế giao thông, thuế giáo dục, thuế đặc biệt cho phát triển nông thôn và thuế hải quan. Tuy nhiên khi tính trợ cấp cân đối còn trừ thuế rượu, bia và thuế điện thoại vì hai loại thuế này chuyển giao 100% cho địa phương ở trợ cấp loại 2.

Loại 2 là trợ cấp theo mục tiêu và trọn gói cho địa phương nhằm tập trung vào 5 lĩnh vực cần ưu tiên phát triển như : đường giao thông, hệ thống thoát nước, phát triển nông thôn, phát triển kinh tế địa phương và giáo dục thanh thiếu niên, trong 5 lĩnh vực đầu tư này cũng quy định cụ thể tỉ lệ phần trăm(%) dành cho từng lĩnh vực. Cụ thể là 48% cho xây dựng đường giao thông, 25% cho cấp nước, thoát nước, 17% cho phát triển vùng, 8,3 % cho phát triển nông thôn và 0,7 % cho giáo dục thanh thiếu niên. Nguồn để bổ sung trợ cấp loại 2 được xác định trên cơ sở tổng số của 100% tiền thu sử dụng điện thoại và thuế tiêu thụ đặc biệt mặt hàng bia, rượu.

Loại 3 là trợ cấp theo một tỉ lệ nhất định, loại trợ cấp này được sử dụng cho những lĩnh vực về nguyên tắc trung ương phải đảm bảo, nhưng do những dự án này có hiệu quả thiết thực đến người dân địa phương nên nhà nước đã giao cho địa phương làm(như trung tâm văn hoá, thể thao, xây dựng đường tàu điện ngầm). Mức hỗ trợ ngân sách cho từng lĩnh vực được quy định cụ thể, tỷ lệ hỗ trợ cho từng địa phương phụ thuộc vào khả năng ngân sách của từng tỉnh, thành phố.

- **Kinh nghiệm của Cộng hoà liên bang Đức và Thụy Sĩ [5]:** (nghiên cứu tại quân trung Berlin và ban tài chính bang Berlin - Liên bang Đức và Ủy ban xã Jona, cơ quan tài chính Bang StGallen – Thụy Sĩ).

+ *Phân cấp quản lý ngân sách*: Phân cấp quản lý ngân sách của CHLB Đức và Thụy Sĩ được quy định cụ thể nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp, trong đó: đối với CHLB Đức có khoản thu phân chia giữa các cấp như quy định tại Việt Nam; Đối với Thụy Sĩ không có khoản thu phân chia giữa các cấp và từng bang quy định cụ thể thuế suất từng khoản thu ngân sách Bang được hưởng 100%; Việc cân đối cho từng Bang ở CHLB Đức và Thụy Sĩ thực hiện cân đối ngân sách theo chiều dọc và cân đối theo chiều ngang. Đối với cân đối ở CHLB Đức được xác định trên cơ sở nhiệm vụ chi của từng Bang và nguồn thu ngân sách Bang được hưởng để xem xét bổ sung từ ngân sách Liên bang; Đối với Thụy Sĩ việc cân đối ngân sách cho từng Bang không xác định nguồn thu ngân sách của Bang được hưởng 100% mà xác định trên cơ sở GDP bình quân và đối với GDP của các Bang thấp hơn bình quân sẽ được xem xét cân đối đảm bảo đạt 85 – 100% mức bình quân tùy theo khả năng cân đối ngân sách của Liên Bang.

Thụy Sĩ phân cấp cụ thể nhiệm vụ chi cho cấp địa phương như sau: Nhiệm vụ chi giáo dục, y tế, nhiệm vụ chi về giao thông đường bộ, nhiệm vụ chi về thu thuế, nhiệm vụ chi về bảo đảm xã hội, nhiệm vụ chi Công An.

+ *Lập dự toán ngân sách, công tác lập kế hoạch tài chính trung hạn và công tác lập dự toán ngân sách theo kết quả đầu ra*: Công tác lập dự toán ngân sách của CHLB Đức và Thụy Sĩ được xây dựng từng năm và thực hiện năm ngân sách từ 01/1 đến 31/12 hàng năm. Căn cứ xây dựng dự toán trên cơ sở kế hoạch tài chính trung hạn và định mức phân bổ ngân sách, đồng thời có thảo luận ngân sách với cơ quan tài chính.

Cơ quan địa phương ở các bang– CHLB Đức thực hiện công tác xây dựng dự toán ngân sách dựa theo kết quả đầu ra, việc xây dựng dự toán ngân

sách đảm bảo tính minh bạch, cụ thể xác định dịch vụ của cơ quan hành chính nhà nước tính khoảng 400 sản phẩm hoạt động dịch vụ và được áp dụng chung cho các quận; mỗi sản phẩm có 01 mã số và xác định rõ sản phẩm và đường đi tạo ra sản phẩm; khi đó xác định từng nội dung và chi phí sản phẩm theo từng năm; cơ quan trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xác định cụ thể chi phí của sản phẩm để tham gia đóng góp khi cơ quan tài chính Bang xây dựng ; đối với những hoạt động không tính được trực tiếp sẽ thực hiện phân bổ; Cứ hai năm sẽ điều tra lại các tiêu chí xác định lại sản phẩm để điều chỉnh cho phù hợp.

Lập kế hoạch tài chính trung hạn là công cụ được thực hiện phổ biến ở các nước phát triển và coi đây là một chuẩn mực cần thiết; Kế hoạch này được lập cho từng bang và từng địa phương; Ở CHLB Đức kế hoạch tài chính trung hạn được lập cho 3 năm tiếp theo của năm lập dự toán, kế hoạch tài chính trung hạn là công cụ đưa ra các Quyết định, đảm bảo tính thực tế, khả thi của dự toán ngân sách hàng năm, là cơ sở quan trọng xây dựng chính sách phát triển kinh tế – xã hội từng địa phương; Số liệu trong kế hoạch tài chính trung hạn là mức trần ngân sách cho năm sau lập dự toán ngân sách hàng năm; Kế hoạch tài chính trung hạn đảm bảo thực hiện nguyên tắc bố trí ngân sách đối với những khoản cho có tính chất “ cam kết “.

*** Tại Việt Nam**

- **Kinh nghiệm Quản lý thu Ngân sách nhà nước huyện Kiến Xương**
 - **Tỉnh Thái Bình:** Thực hiện chủ trương của Tổng cục Thuế và sự chỉ đạo của Cục Thuế Thái Bình về thí điểm uỷ nhiệm thu thuế cho UBND xã, Chi cục Thuế huyện Kiến Xương triển khai tổ chức thực hiện từ quý 4 năm 2004, đến hết quý I năm 2005 đã có 14 xã trong số 38 xã của huyện được uỷ nhiệm thu thuế. Kết quả bước đầu cho thấy các xã được uỷ nhiệm thu thuế đều hoàn thành vượt mức kế hoạch thu, riêng quý I năm 2005 hầu hết các xã đều tăng thu so với cùng kỳ năm 2004 về số hộ và số thuế thực thu từ 10 đến 15%, có 14

xã tăng số hộ, 11 xã tăng số thu thuế, tiêu biểu như: Xã Vũ Tây, Vũ Hoà, tăng 9%, Nam Bình, Minh Tân tăng 6% số hộ. Xã Hoà Bình tăng 40% số thuế, Bình Nguyên tăng 60%, Vũ Lễ tăng 50%, Nam Bình, Thanh Tân tăng 30 - 33%.

Chi cục Thuế huyện Kiến Xương đã sơ kết công tác uỷ nhiệm thu thuế cho xã bước đầu rút ra một số kinh nghiệm. Việc quan trọng là làm tốt công tác tuyên truyền có bài bản và trình tự, phổ biến chủ trương uỷ nhiệm thu thuế, hợp đồng tuyển chọn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ đảm nhiệm. Cùng với phân cấp, điều tiết nguồn thu cho ngân sách xã làm cho cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể quán triệt coi công tác thuế thực sự là trách nhiệm và quyền lợi thiết thực của xã, không còn tình trạng chính quyền đứng ngoài cuộc, thậm chí có nơi phóng tay xin ngân sách cấp trên miễn giảm thuế tùy tiện, hoặc hạ mức thuế để ban ơn cho dân. Nay mọi nguồn thu đã được cân đối vào ngân sách xã, miễn giảm sai, bỏ sót nguồn thu là tự cắt vào ngân quỹ của xã mình, từ đó chính quyền xã có trách nhiệm cao hơn, tăng cường quản lý thu đúng, thu đủ.

Tất cả các xã đều thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở UBND, phát trên đài truyền thanh xã về số hộ kinh doanh, mức thuế để dân biết tham gia giám sát bảo đảm đóng góp công bằng, động viên kịp thời những hộ nộp thuế sòng phẳng, nhắc nhở các hộ chấp hành chưa tốt. Coi đó là tiêu chuẩn thi đua ghi nhận khen thưởng danh hiệu đơn vị, thôn làng, đoàn thể và gia đình văn hoá. Nhờ có dân chủ, công khai mà dân đã phát hiện không ít các hộ kinh doanh buôn bán, vận tải, chủ thầu xây dựng, các hộ chuyển quyền sử dụng nhà đất dây dưa trốn thuế để xã có biện pháp truy thu được số thuế đáng kể. Thể hiện sức mạnh của dân khi được phát động vào cuộc đấu tranh đảm bảo thực hiện công bằng xã hội.

Cơ quan Thuế và chính quyền các xã phối hợp với các cơ quan chức năng giám sát chặt chẽ việc nộp thuế của các đối tượng sản xuất kinh doanh. Cụ thể là: Phối hợp với cơ quan công an và giao thông đăng ký phương tiện,

thu thuế trước bạ để nắm chắc được các hộ kinh doanh vận tải đưa vào diện nộp thuế tăng thu đáng kể. Phối hợp với cơ quan Địa chính nắm chắc các hộ chuyển quyền sử dụng đất để thu thuế sát đúng và kịp thời. Phối hợp với cơ quan Tài chính cân đối các khoản thu thuế, phí... Thực hiện quy chế thu thuế bằng giấy nộp tiền vào KBNN để ngăn chặn kẻ hở cán bộ thuế quan hệ trực tiếp thu tiền mặt của các hộ nộp thuế. Cán bộ uỷ nhiệm thu của xã thay trưởng thôn đảm nhiệm thu thuế nhà đất bảo đảm quản lý chặt chẽ, thu đúng, thu đủ nộp kịp thời vào ngân sách. Nhờ có uỷ nhiệm thu cho xã nên đã khắc phục tình trạng một cán bộ thuế đảm nhiệm thu 2 - 3 xã vừa không sâu sát dẫn đến bỏ nguồn thu, từ đó giảm được biên chế hoặc chuyển cán bộ chuyên quản đảm nhiệm công tác khác như hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra. Có thể khẳng định uỷ nhiệm thu thuế cho xã là chủ trương đúng đắn có hiệu quả nhiều mặt .

Trên cơ sở rút kinh nghiệm thí điểm, Chi cục Thuế huyện Kiến Xương phân đầu năm 2005 có 50% số xã đủ điều kiện được uỷ nhiệm thu thuế, tạo thành sức mạnh đồng bộ, rộng khắp, phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2005.[20]

- Kinh nghiệm quản lý Thu, chi ngân sách tại huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình: Với Luật NSNN được sửa đổi về đẩy mạnh phân cấp, tăng nguồn lực cho địa phương và đơn vị cơ sở khai thác nội lực nâng cao hiệu quả tiết kiệm, giảm bớt thủ tục hành chính, Hưng Hà tổ chức thực hiện khá tốt đáp ứng được các hoạt động phát triển kinh tế- xã hội. Sáu tháng đầu năm 2007 thu ngân sách ước thực hiện 101,7 tỷ đồng, một số chỉ tiêu vượt dự toán đầu năm, như thu thuế ngoài quốc doanh đạt 69%, lệ phí trước bạ 66%, xổ số đạt 58%, thuế nhà đất 77%, thu biện pháp tài chính đạt 168% dự toán. Tổng chi ngân sách thực hiện 59.164 triệu đồng, trong đó chi phát triển kinh tế 9.617 triệu đồng, chi tiêu dùng thường xuyên 49.476 triệu đồng.

Trong điều hành chi ngân sách, cấp uỷ, chính quyền các cấp ở Hưng Hà đã chỉ đạo sát sao, chặt chẽ và các cơ quan chuyên môn tăng cường hướng dẫn, kiểm

tra, giám sát ngay từ đầu năm nên việc chi tiêu được bám sát dự toán, bảo đảm cân đối tích cực. Chi đầu tư phát triển kinh tế- xã hội được bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, chi tiêu dùng tiết kiệm, phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của huyện và cơ sở. Ngoài ra Hưng Hà còn đáp ứng kinh phí phục vụ các khoản chi đột xuất của huyện, xã, thị trấn, đã tạo điều kiện cho các cấp, ngành hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Công tác quản lý tài chính ngân sách xã luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Kho bạc huyện đã tích cực kết hợp với các ngành thuộc khối Tài chính quản lý chặt chẽ thu, chi, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách và quỹ quốc gia trên địa bàn huyện. Đồng thời phòng tài chính đã triển khai chương trình tin học kế toán ngân sách xã, nhằm đưa ứng dụng công nghệ vào việc hạch toán kế toán quản lý thu, chi, đáp ứng nhu cầu quản lý ngân sách xã trong giai đoạn hiện nay. Năm 2007, tổng thu NSNN dự kiến là 188.456.000 nghìn đồng, tăng 13% so với dự toán đầu năm; ngân sách huyện, xã dự kiến thu 182.424.519 nghìn đồng, tăng 15% so với dự toán đầu năm. Đối với chi ngân sách Hưng Hà đã ổn định theo dự toán mà HĐND huyện đã phê duyệt; Trên cơ sở một số nguồn thu tăng, huyện sẽ bổ xung thêm nhiệm vụ chi là 24.421.519 nghìn đồng, như bổ xung tăng vốn đầu tư XD CB 9.385.000 nghìn đồng, chi sự nghiệp kinh tế 1.649 triệu đồng, chi thường xuyên 7.461 triệu đồng. Để chủ động quản lý về điều hành ngân sách những tháng cuối năm, Hưng Hà tập trung khắc phục những yếu kém, đề ra các biện pháp thực hiện, phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu, bảo đảm nhiệm vụ chi. Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, phấn đấu thực hiện đạt, vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2007. Các cấp chính quyền, ngành thuế và một số ngành chức năng làm rõ nguyên nhân thất thu đối với từng chỉ tiêu thu ở từng lĩnh vực, từng địa bàn. Tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng. Hưng Hà thực hiện nghiêm các quy định để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục củng cố công tác quản lý tài chính, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý điều hành của bộ máy chính quyền cấp xã. [21]

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. ĐẶC ĐIỂM CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

- *Vị trí địa lý*: Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, cách thủ đô Hà Nội 80km về phía Bắc, nằm trong vùng trung du và miền núi Bắc bộ. Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Cạn, phía tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên quang, phía đông giáp tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, phía nam giáp thủ đô Hà Nội.

Thái Nguyên nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, một năm có hai vùng rõ rệt, mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9 mùa khô từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Đặc điểm này đã tạo cho các vùng trong tỉnh sự đa dạng và phong phú về các loại cây trồng đặc biệt là cây nhiệt đới. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cây trồng thì sự khác biệt về thời tiết ở đây cũng gây những bất lợi không nhỏ ảnh hưởng đến sự phát triển của nông nghiệp. Vào mùa hè nóng ẩm mưa nhiều, tập trung vào các tháng 6 đến tháng 9 thường xuyên gây úng lụt trên diện rộng đã tác động không tốt đến việc chăn nuôi trồng trọt.

- *Tình hình đất đai*: Thái Nguyên có diện tích tự nhiên 353.265,53 ha, trong đó đất nông nghiệp là 96.673,37 ha chiếm 27,37%, đất lâm nghiệp là 165.106,51 ha chiếm 46,74% trong đó cây hàng năm là 117,9 ha còn lại là đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản là 3.606,77 ha chiếm 1.02%, đất phi nông nghiệp là 39.713,9 ha chiếm 11,24%, đất chưa sử dụng là 48.164,98 ha chiếm 13,63 %. Thái Nguyên có tiềm năng về đất đai, tài nguyên khoáng sản lớn như than mỡ, than đá, quặng thiếc, quặng đồng, quặng chì, titan, vàng, vonfram, ... có trữ lượng lớn.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên

- *Tình hình dân số các dân tộc*: Dân số Thái nguyên năm 2006 khoảng 1,127 triệu người với 8 dân tộc chính là Kinh, Tày, Nùng, Sán diu, H'mông,

Sán Chí, Hoa và Dao. Dân số phân bố không đồng đều, mật độ dân số cao nhất là thành phố Thái Nguyên và thấp nhất là huyện Võ Nhai.

- *Đặc điểm cơ sở hạ tầng*: Hệ thống cấu trúc hạ tầng cơ sở đã và đang được đầu tư song còn chậm, chất lượng chưa cao không chỉ ở nông thôn, miền núi mà cả khu vực thành thị miền xuôi. Tuy nhiên Thái Nguyên Có tuyến đường Quốc lộ 3 đi từ Hà Nội qua Thái nguyên đi Cao Bằng, quốc lộ 1B từ Thái Nguyên đi Lạng Sơn và quốc lộ 37 đi Tuyên Quang cũng là một trong những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.

- Cơ cấu kinh tế xã hội:

+ Cơ cấu hành chính: với 9 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và 7 huyện.

Bảng 2.1 Đơn vị hành chính, diện tích và dân số tỉnh Thái Nguyên

Thời điểm: 31/12/2006

Huyện, thành	Số xã	số phường thị trấn	Diện tích (Km ²)	Dân số trung bình năm 2006 (người)		Mật độ dân số (Người /km ²)
				Tổng số	Trong đó: ở nông thôn	
TỔNG SỐ	144	36	3.532,65	1.127.170	857.829	319,07
TP Thái Nguyên	8	18	177.07	242.017	62.017	1.366,79
TX Sông Công	4	5	83.64	49.012	24.365	585,99
Định Hoá	23	1	511.09	89.634	83.566	175,38
Võ Nhai	14	1	840.10	63.928	60.455	76,10
Phú Lương	14	2	368.88	106.257	98.563	288,05
Đồng Hỷ	17	3	470,38	124.722	107.630	265,15
Đại Từ	29	2	575,45	167.323	158.961	290,77
Phú Bình	20	1	249.36	144.316	135.816	558,75
Phổ Yên	15	3	256.68	139.961	126.456	545,27

[Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2006]

- Dân số khu vực nông thôn chiếm 76.1% trên tổng dân số toàn tỉnh, ở các huyện tỷ lệ dân số khu vực nông thôn chiếm khoảng 90%- 95% dân số.[7] Hiện đến 31/12/2006 dân số trong độ tuổi lao động khoảng 751.857 người (chiếm 66,7% dân số); trừ số học sinh trong độ tuổi lao động (đang theo học) và số người không có khả năng lao động.

- Thái Nguyên cũng là một tỉnh có nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường đào tạo nghề - với 6 trường đại học, cao đẳng, 8 trường cao đẳng trung học chuyên nghiệp, 6 trường đào tạo công nhân kỹ thuật (hệ trung cấp). Tổng số sinh viên thường xuyên tham gia học tập khoảng 32.000 người. Đây là lực lượng hùng hậu bổ sung trí tuệ, sức lao động có giá trị cao cho tỉnh và các ngành kinh tế quốc dân trong toàn quốc.

- Có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp lớn như khu Gang thép, khu công nghiệp Sông Công, các nhà máy Diezen sản xuất phụ tùng ô tô xe máy và động cơ phục vụ các ngành sản xuất.

+ Cơ cấu kinh tế: Kinh tế tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng Công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển tương đối ổn định và toàn diện, giá trị Nông Lâm nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,3% - 5%. Trong đó đã có sự thay đổi cơ bản về cơ cấu cây trồng vật nuôi và đã có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá. Tỉnh xác định cây chè là cây chủ lực của tỉnh nên những năm gần đây có chủ trương, chính sách phát triển diện tích trồng chè và chế biến chè tại địa phương.

Hoạt động thương mại - dịch vụ: Tăng bình quân 11,23%/năm. Trong hoạt động thương mại, dịch vụ có những chuyển biến cơ cấu tích cực, đến năm 2006 chiếm tỉ lệ 36,06% GDP, nhưng chủ yếu vẫn ở khu vực dịch vụ xã hội. Tỉ trọng của khu vực dịch vụ kinh tế còn thấp.

Sản xuất công nghiệp: Đây là lĩnh vực giữ vai trò chủ đạo chiếm tỉ trọng cao trong GDP của tỉnh. Với một cơ cấu tương đối ổn định đầy đủ sự có mặt của các

ngành: Năng lượng, luyện kim, hoá chất, công nghiệp nhẹ... công nghiệp địa phương sau khi sắp xếp, củng cố đã từng bước ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm, hình thành nên một số mặt hàng mới như hàng may mặc, xi măng, ván ép... tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2004- 2006 là 10,84%. Tuy nhiên tình hình sản xuất vẫn còn gặp nhiều khó khăn về thiết bị, công nghệ lạc hậu, thiếu vốn và thị trường tiêu thụ dẫn đến sức cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế. Chứng minh vấn đề này ta xem bảng tổng hợp tăng trưởng và cơ cấu kinh tế tỉnh 3 năm 2004-2006.

**Bảng 2.2 Một số chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu kinh tế
của tỉnh Thái Nguyên qua 3 năm**

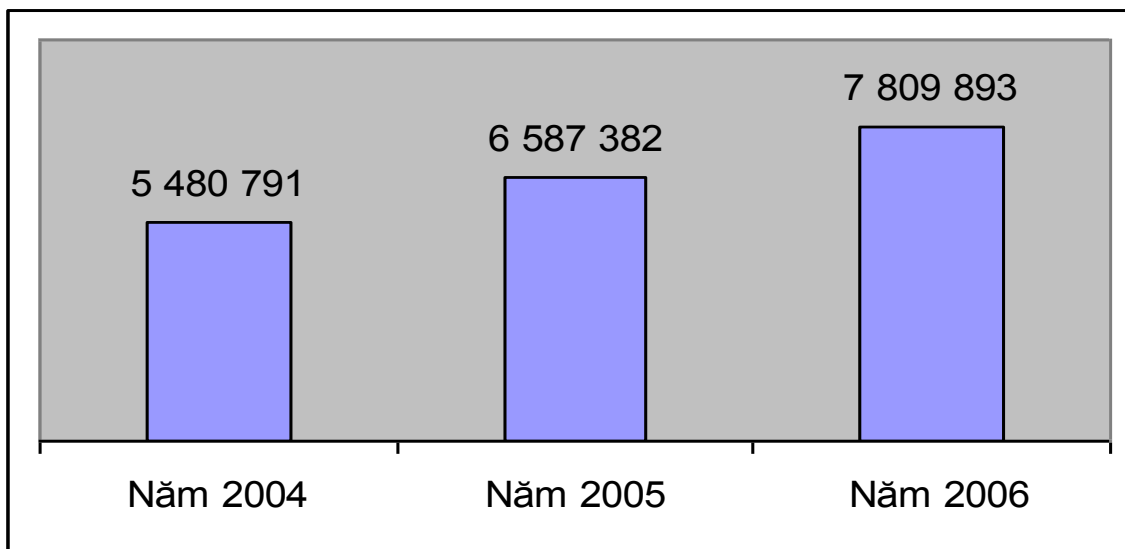
Ngành kinh tế	Đ.vị tính	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	B.quân /năm
Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá hiện hành	Triệu Đồng	5.480.791	6.587.382	7.809.893	6.626.022
Tốc độ tăng GDP	(%)	9,3	8,53	8,74	8,85
- NLN – Thuỷ sản	“	3,24	5,24	4,48	4,32
- Công nghiệp - Xây dựng	“	9,63	10,88	12,01	10,84
- Thương mại - Dịch vụ	“	15,62	9,09	8,99	11,23
Cơ cấu kinh tế (%)	“	100%	100%	100%	100%
- NLN – Thuỷ sản	“	26,58	25,51	27,14	26,41
- Công nghiệp - Xây dựng	“	37,27	37,92	36,8	37,33
- Thương mại - Dịch vụ	“	36,15	36,57	36,06	36,26
* Tổng thu ngân sách toàn tỉnh	triệu đồng	428 015	547 156	661 366	545 512
- Trong do thu cân đối	“	314 465	418 416	471 366	401 416
* Thu ngân sách cấp huyện	“	214 716	263 735	308 851	262 434
- Trong do thu cân đối	“	159 864	192 293	239 433	197 197
Huy động GDP vào NS		9,7%	10,6%	11,4%	10,56%

[Nguồn: Sở Tài chính Thái Nguyên]

Với những nỗ lực tỉnh Thái Nguyên đã từng bước đưa giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tăng đều qua các năm 2004 – 2005 -2006, giá trị được thể hiện qua sơ đồ sau :

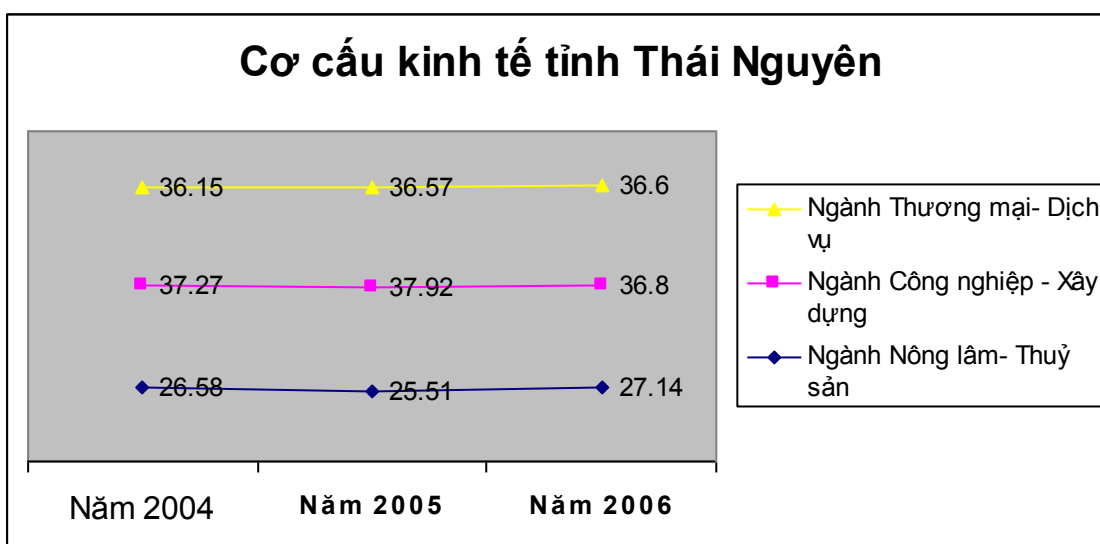
Biểu đồ 2.1 Giá trị tổng sản phẩm tỉnh Thái Nguyên năm 2004-2006

Đơn vị tính: triệu đồng



[Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2006]

Biểu đồ 2.2 Cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên năm 2004-2006



[Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên- 2006]

Qua biểu đồ 2.2 cho ta thấy rõ hơn tỉ trọng các ngành luôn giữ thế ổn định riêng ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng thất nhất những vẫn luân giữ được thế ổn định, năm 2006 đã chiếm 27,14 %; Ngành công nghiệp- xây dựng cơ cấu giảm song không đáng kể nguyên nhân chủ yếu do thị trường giá hàng nhập khẩu có tăng cao; Ngành thương mại- Dịch vụ luôn giữ ở mức trung bình là 36,26%.

Nhìn chung hai năm cuối của giai đoạn kế hoạch 2000-2005 và năm đầu tiên của giai đoạn 2006-2010 nền kinh tế của tỉnh Thái Nguyên vẫn duy trì khả năng tăng trưởng khá và tương đối ổn định, hầu hết các chỉ tiêu phát triển kinh tế được thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra. Một số kết quả đạt được trong lĩnh vực kinh tế như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) duy trì được mức cao hơn so với bình quân cả nước. Các nguồn lực tập trung cho đầu tư phát triển được huy động trong những năm qua khá tốt, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển cả về lượng và chất, nguồn vốn đầu tư toàn xã hội hàng năm tăng, hoạt động văn hoá xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, các lĩnh vực giáo dục đào tạo, xoá đói giảm nghèo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được ổn định. Đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân tiếp tục được cải thiện [19].

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

2.2.1. Tình hình thu, chi, lập dự toán, quyết toán ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên

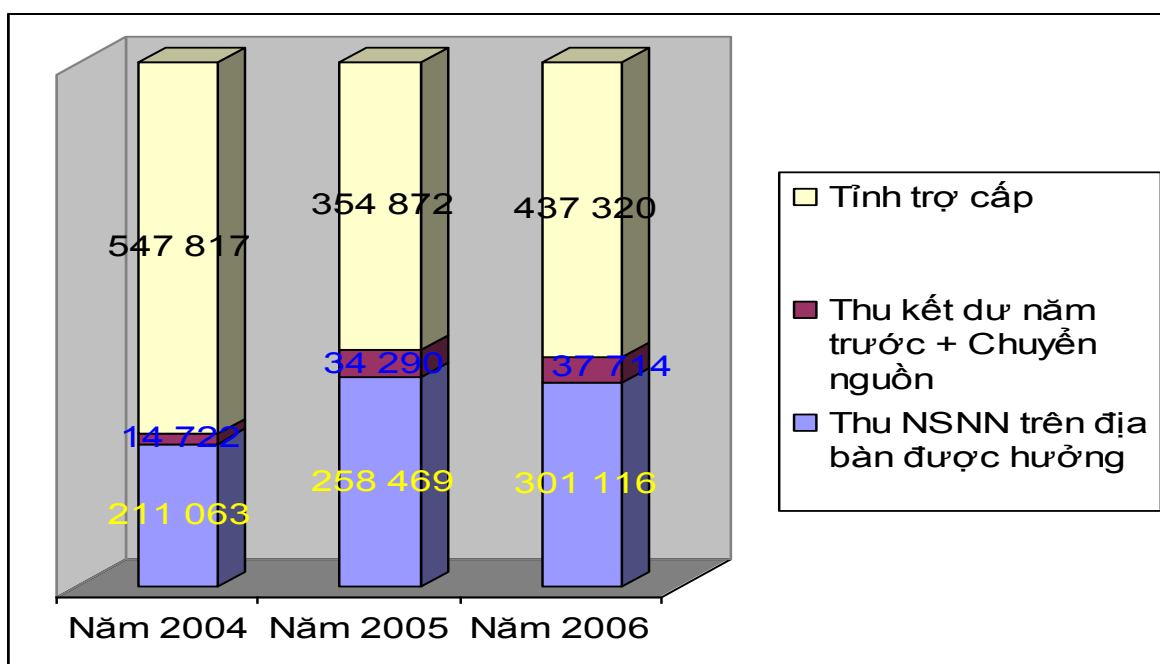
2.2.1.1. Tình hình thu ngân sách

- Thu ngân sách các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn những năm gần đây có nhiều cố gắng, kế hoạch tỉnh giao luôn hoàn thành và hoàn thành với tỷ lệ cao. Năm 2004 đạt 174,4%, năm 2005 đạt 148,9%, năm 2006 đạt 127,1% kế hoạch; Số thu trong cân đối vượt kế hoạch cao nhất là năm 2004 đạt 176% kế hoạch và năm thấp nhất là năm 2006 cũng đạt 113,8%

- Tốc độ tăng thu năm sau so với năm trước tương đối cao, năm 2006 tăng thu là 117 %, Năm 2005 tăng thu 122,8%, Chỉ có huyện Võ Nhai là ở mức thấp nhất cũng đạt 103% năm 2005 và 106 % năm 2006.

- Tuy nhiên thu trong cân đối của các huyện, thành phố, thị xã còn hẹp, chưa đáp ứng chi thường xuyên trên địa bàn phải nhờ vào trợ cấp cân đối của tỉnh tương đối lớn; Năm 2004 trợ cấp cân đối là 547.817 triệu đồng, năm 2005 là 354.872 triệu đồng, năm 2006 là 437.320 triệu đồng; Cụ thể Thành phố Thái Nguyên năm 2006 là 65.281 triệu đồng chiếm 14,9% tổng số tiền trợ cấp và bằng 26,7% tổng thu ngân sách Thành Phố, huyện Định Hoá là 58.197 triệu đồng, chiếm 13,3% và bằng 86,73% tổng thu ngân sách Huyện. Như vậy gần như chi ngân sách của huyện Định Hoá là nhờ vào trợ cấp cân đối của tỉnh thể hiện ở biểu đồ dưới đây.

Biểu đồ 2.3 Tổng hợp thu ngân sách nhà nước cấp huyện- Tỉnh TN



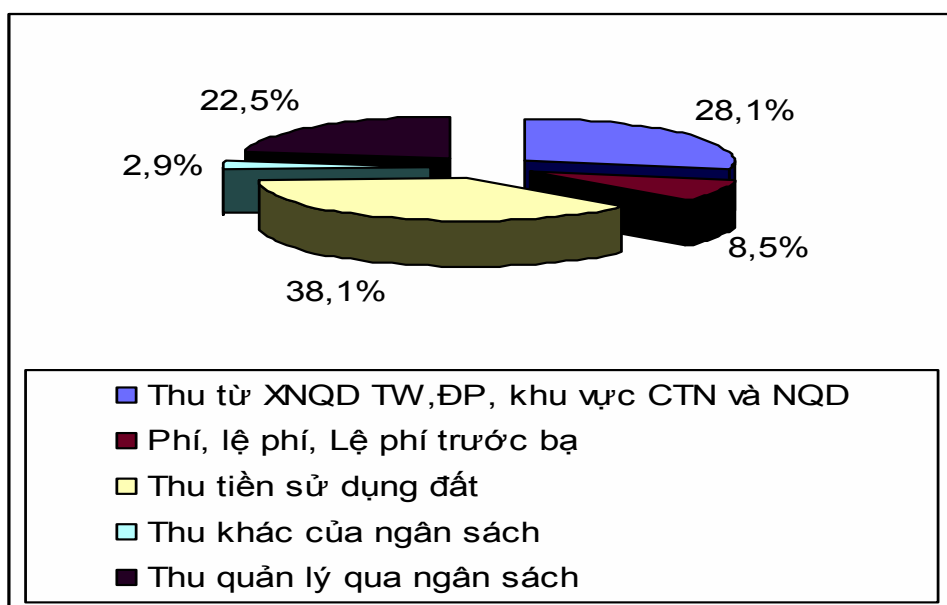
[Nguồn: số liệu Phòng quản lý ngân sách nhà nước Sở Tài chính TN]

Thu ngân sách trên địa bàn để cân đối chiếm tỉ trọng thấp trong tổng thu ngân sách chủ yếu do nền sản xuất kinh doanh, dịch vụ chưa phát triển,

quy mô còn nhỏ, nguồn thu chiếm tỉ trọng lớn nhất trong các nguồn thu của Thành phố, thị xã và các huyện là thu từ nguồn quỹ đất trong tổng thu ngân sách, năm 2006 có số thu lớn nhất là: 117.552 triệu đồng chiếm 38,1% tổng thu NSNN trên địa bàn trong đó Thành phố Thái Nguyên là 71.628 triệu đồng, huyện Định Hóa là 974 triệu đồng. Việc này là một khó khăn lâu dài, bởi quỹ đất thì có hạn, không đồng đều giữa các năm, dẫn đến tình trạng thu ngân sách không được bền vững, điều hành ngân sách sẽ bị động, dễ sinh ra hiện tượng mất cân đối phải điều chỉnh dự toán.

Với biểu đồ sau cho ta thấy tỉ trọng các nguồn thu chiếm trong tổng thu ngân sách cấp huyện trên địa bàn năm 2006

Biểu đồ 2.4 Tỷ trọng các nguồn thu NSNN cấp huyện năm 2006



[Nguồn: số liệu Phòng quản lý ngân sách nhà nước Sở Tài chính TN]

Khoản thu chiếm tỉ trọng thứ hai trong tổng thu NSNN trên địa bàn qua các năm 2004-2006 là nguồn thu từ khu vực CTN và NQD nguồn thu này tăng tương đối cao năm 2004 từ 45.617 triệu đồng đến năm 2006 là 84.417 triệu đồng tốc độ tăng qua các năm 2005 – 2006 là 130,2% -142%, nguồn thu được đánh giá việc quản lý, bồi dưỡng nguồn thu từ khu vực này đã từng bước đổi mới, có hiệu quả.

Phí, lệ phí là nguồn thu cần được đặc biệt quan tâm bởi nó có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, kinh tế xã hội trên địa bàn, một số khoản phí được đầu tư trực tiếp lại nơi thu phí, địa phương thu phí song khoản thu này chưa được các cấp chính quyền chưa quan tâm đúng mức chính vì vậy số thu phí, lệ phí trên địa bàn qua các năm: 2004 là 6.928 triệu đồng, năm 2005 là 3.227 triệu đồng, năm 2006 là 7.807 triệu đồng chưa đánh giá đúng, sát thực với số phải thu.

Cũng từ nội dung thu ngân sách trên địa bàn xét từ góc độ thu theo ngành kinh tế quốc dân cũng cho ta thấy rất rõ một điểm chung đó là các ngành kinh tế trong các năm 2004, 2005, 2006 đều hoàn thành tốt kế hoạch; Về số tuyệt đối năm sau cao hơn năm trước cụ thể thu từ ngành công nghiệp-xây dựng năm 2004 là 79.015 triệu đồng đạt 174 %, năm 2005 là 98.294 triệu đồng tăng thu so với năm 2004 là tăng 124%, năm 2006 với số thu tuyệt đối là 117.116 triệu cao hơn với năm 2005 là 18.822 triệu đồng, tốc độ tăng thu là 119% như vậy ngành công nghiệp - xây dựng cũng là một trong những thế mạnh của nguồn thu từ ngân sách cấp Huyện.

Số thu giữa các ngành tương đối đồng đều, năm 2006 ngành thương mại, dịch vụ có số thu ngân sách vượt trội là 134.050 triệu đồng tăng 37% với nhiều nguyên nhân song nguyên nhân chủ yếu là kích cầu bằng chính sách kinh tế thông qua việc lên hạng từ thành phố loại 3 lên loại 2 đây là một trong những cố gắng nỗ lực lớn của lãnh đạo tỉnh, thành phố và các ngành.

Ngành nông, lâm, ngư nghiệp mặc dù có số thu còn hạn chế nhưng so với kế hoạch thì đây chính là ngành có đạt kế hoạch cao nhất. Năm 2004 đạt 322% kế hoạch giao, năm 2005 đạt 143% kế hoạch giao, năm 2006 đạt 109% kế hoạch giao; Phát huy thế mạnh của tỉnh, trên địa bàn có trường đại học Nông Lâm Thái Nguyên và nhiều trung tâm hỗ trợ về kĩ thuật, giống, cây do vậy việc tăng năng suất, lựa chọn giống cây, con phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng trên từng khu vực trên địa bàn tỉnh đã giúp cho ngành nông nghiệp có nhiều thế mạnh. Thu ngân sách cấp huyện tỉnh Thái Nguyên được thể hiện ở các bảng tổng hợp sau [18]:

Bảng 2.3 Tổng hợp thu ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2004-2006

Đơn vị tính : Triệu đồng

S TT	NỘI DUNG	Năm 2004			Năm 2005			Năm 2006		
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %
I	<u>Thu NSNN trên địa bàn</u>	123 110	214 716	174.4	177 066	263 735	148.9	243 045	308 851	127.1
A	<u>Thu trong cân đối</u>	90 840	159 864	176.0	135 066	192 293	142.4	210 345	239 433	113.8
1	<u>Thu nội địa</u>	90 840	159 864	176.0	135 066	192 293	142.4	210 345	239 433	113.8
1.1	Thu từ XNQD trung ương	1 852	1 100	59.4	1 250	1 851	148.1	1 485	2 335	157.2
1.2	Thu từ XNQD địa phương		173							
1.3	Thu từ XN có vốn đầu tư NN					11				
1.4	Thu từ khu vực CTN và NQD	41 673	45 617	109.5	51 134	59 425	116.2	68 845	84 417	122.6
1.5	Lệ phí trước bạ	1 441	2 168	150.5	2 020	3 277	162.2	3 087	2 979	96.5
1.6	Thuế sử dụng đất NN + đất rừng	25	339	1356.0	145	334	230.3	272	359	132.0
1.7	Thuế nhà đất	3 815	4 552	119.3	4 000	4 900	122.5	4 650	5 248	112.9
1.8	Thuế thu nhập đối với người có TN cao									
1.9	Thu tiền bán nhà, thuê nhà thuộc SHNN	150	217	144.7	200	221	110.5	140	225	160.7
1.10	Thu phí và lệ phí	6 000	6 928	115.5	6 500	3 227	49.6	6 610	7 807	118.1
1.11	Thuế chuyển quyền SD Đất	3 006	3 622	120.5	4 028	5 162	128.2	5 376	5 503	102.4
1.12	Thu tiền sử dụng đất	25 290	83 351	329.6	56 220	98 400	175.0	110 000	117 552	106.9
1.13	Thu tiền thuê đất	3 140	4 700	149.7	3 649	6 059	166.0	3 720	4 116	110.6
1.14	Thu khác của ngân sách	4 448	7 097	159.6	5 780	9 426	163.1	6 160	8 892	144.4
1.15	Thu đất rừng trồng				140					
2	<u>Thu hoạt động xuất nhập khẩu</u>									
B	<u>Thu quản lý qua ngân sách</u>	32 270	54 852	170.0	42 000	71 442	170.1	32 700	69 418	212.3

II	Thu theo sắc thuế	90 840	159 864	176.0	135 066	192 293	142.4	210 345	239 432	113.8
1	Thuế giá trị gia tăng	25 800	28 681	111.2	33 849	39 001	115.2	42 200	51 047	121.0
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7 800	7 851	100.7	11 515	13 658	118.6	20 600	26 299	127.7
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3 850	3 942	102.4	403	478	118.6	350	397	113.4
4	Thuế tài nguyên	875	1 156	132.1	1 061	1 258	118.6	1 200	1 372	114.3
5	Thuế môn bài	5 200	5 260	101.2	5 696	6 756	118.6	5 980	7 186	120.2
6	Thu lệ phí trước bạ	1 441	2 168	150.5	2 020	3 277	162.2	3 087	2 979	96.5
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	25	339	1356.0	145	334	230.3	272	359	132.0
8	Thuế nhà đất	3 815	4 552	119.3	4 000	4 900	122.5	4 650	5 248	112.9
9	Thuế thu nhập cá nhân									
10	Thu phí và lệ phí	6 000	6 928	115.5	6 500	3 227	49.6	6 610	7 807	118.1
11	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	3 006	3 622	120.5	4 028	5 162	128.2	5 376	5 503	102.4
12	Thu tiền sử dụng đất	25 290	83 351	329.6	56 220	98 400	175.0	110 000	117 552	106.9
13	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	3 140	4 700	149.7	3 649	6 059	166.0	3 720	4 116	110.6
14	Thu tiền thuê nhà ở thuộc sở hữu NN	150	217	144.7	200	221	110.5	140	225	160.7
15	Thu khác	4 448	7 097	159.6	5 780	9 426	163.1	6 160	8 892	144.4
16	Thu vi phạm HC trong lĩnh vực thuế					136			450	
III	Thu theo ngành kinh tế	123 110	214 716	174.4	177 066	263 735	148.9	243 045	308 851	127.1
1	Công nghiệp - Xây dựng	45 304	79 015	174.4	65 992	98 294	148.9	92 163	117 116	127.1
3	Thương mại - dịch vụ	63 032	88 162	139.9	64 009	97 951	153.0	98 603	134 505	136.4
5	Nông nghiệp - Lâm nghiệp- ngư nghiệp	14 773	47 538	321.8	47 064	67 490	143.4	52 279	57 230	109.5
IV	Tổng thu ngân sách huyện	599 750	773 602	129.0	495 138	647 631	130.8	652 484	776 150	119.0
1	Thu NSNN trên địa bàn được hưởng	119 750	211 063	176.3	172 530	258 469	149.8	236 765	301 116	127.2
2	Thu kết dư năm trước + Chuyển nguồn		14 722			34 290		6 897	37 714	
3	Tĩnh trợ cấp	480 000	547 817	114.1	322 608	354 872	110.0	408 822	437 320	107.0

[Nguồn : Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

Bảng 2.4 Tình hình thu Ngân sách Nhà Nước cấp huyện năm 2004

ĐVT: Triệu

đồng

T T	NỘI DUNG	Cấp huyện toàn tỉnh				Huyện Định Hoá				Thành phố TN			
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %
I	<u>Thu NSNN trên địa bàn</u>	123 110	214 716	174.0	100.0	3 338	4 193	126.0	100.0	75 000	123 918	165.0	100.0
A	<u>Thu trong cân đối</u>	90 840	159 864	176.0	74.5	1 638	1 929	118	46.0	68 000	107 284	158.0	86.6
1	<u>Thu nội địa</u>	90 840	159 864	176.0	74.5	1 638	1 929	118	46.0	68 000	107 284	158.0	86.6
	Thu từ XNQD trung ương	1 852	1 100	59.0	0.5	15				1 300	667	51.0	0.5
	Thu từ XNQD địa phương		173		0.1						14		
	Thu từ XN có vốn đầu tư NN												
	Thu từ khu vực CTN và NQD	41 673	45 617	109.0	21.2	850	1 006	118.0	24.0	30 000	30 077	100.0	24.3
	Lệ phí trước bạ	1 441	2 168	150.0	1.0	12	18	148.0	0.4	1 100	1 651	150.0	1.3
	Thuế sử dụng đất NN + đất rừng	25	339	1 356	0.2		33		0.8		55		
	Thuế nhà đất	3 815	4 552	119.0	2.1	50	55	111.0	1.3	2 500	2 724	109.0	2.2
	Thuế TN đối với người có TN cao												
	Thu tiền bán nhà, thuê nhà thuộc SHNN	150	217	145.0	0.1	300	285	95.0	6.8	2 500	2 547	102.0	2.1
	Thu phí và lệ phí	6 000	6 928	115.0	3.2	30	41	138	1.0	2 800	2 856	102.0	2.3
	Thuế chuyển quyền SD Đất	3 006	3 622	120.0	1.7	120	282	235.0	6.7	23 000	61 239	266.0	49.4
	Thu tiền sử dụng đất	25 290	83 351	330.0	38.8	21	22	106.0	0.5	3 000	3 271	109.0	2.6
	Thu tiền thuê đất	3 140	4 700	150.0	2.2	240	186	78.0	4.4	1 800	2 001	111.0	1.6
	Thu khác của ngân sách	4 448	7 097	160.0	3.3								
	Thu đất rừng trồng												
2	<u>Thu hoạt động xuất nhập khẩu</u>												
B	<u>Thu quản lý qua ngân sách</u>	32 270	54 852	170.0	25.5	1 700	2 264	133.0	54.0	7 000	16 634	238.0	13.4
II	<u>Thu kết dư năm trước + chuyển nguồn</u>		14 722				1 336				2 526		2.0
III	<u>Thu tỉnh trợ cấp</u>	480 000	547 817	114.0		42 000	46 656	111.0		112 700	134 852	120.0	

Tổng cộng :	599 750	773 602	129.0		45 338	52 185	115.0		187 700	261 296	139.0	
--------------------	----------------	----------------	--------------	--	---------------	---------------	--------------	--	----------------	----------------	--------------	--

[Nguồn : Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

Bảng 2.5 Tình hình thu Ngân sách Nhà Nước cấp huyện năm 2005

ĐVT: Triệu

đồng

T T	NỘI DUNG	Cấp huyện toàn tỉnh				Huyện Định Hoá				Thành phố TN			
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %
I	<u>Thu NSNN trên địa bàn</u>	177 066	263 735	148.9	100.0	4 871	6 349	130.3	100.0	104 625	177 304	169.5	100.0
<i>A</i>	<i><u>Thu trong cân đối</u></i>	<i>135 066</i>	<i>192 293</i>	<i>142.4</i>	<i>72.9</i>	<i>2 071</i>	<i>2 985</i>	<i>144.1</i>	<i>47.0</i>	<i>93 425</i>	<i>143 480</i>	<i>153.6</i>	<i>80.9</i>
1	<u>Thu nội địa</u>	135 066	192 293	142.4	72.9	2 071	2 985	144.1	47.0	93 425	143 480	153.6	80.9
	Thu từ XNQD trung ương	1 250	1 851	148.1	0.7	20	25	123.7	0.4	800	742	92.8	0.4
	Thu từ XNQD địa phương										127		0.1
	Thu từ XN có vốn đầu tư NN		11										
	Thu từ khu vực CTN và NQD	51 134	59 425	116.2	22.5	1 030	1 380	134.0	21.7	32 370	38 226	118.1	21.6
	Lệ phí trước bạ	2 020	3 277	162.2	1.2	17	28	163.6	0.4	1 600	2 077	129.8	1.2
	Thuế sử dụng đất NN + đất rừng	145	334	230.3	0.1	30	34	113.7	0.5	55	67		0.0
	Thuế nhà đất	4 000	4 900	122.5	1.9	41	49	120.2	0.8	2 500	2 957	118.3	1.7
	Thuế thu nhập đối với người có TN cao												
	Thu tiền bán nhà, thuê nhà thuộc SHNN	200	221	110.5	0.1						151		0.1
	Thu phí và lệ phí	6 500	3 227	49.6	1.2	325	367	112.9	5.8	2 600	2 848	109.5	1.6
	Thuế chuyển quyền SD Đất	4 028	5 162	128.2	2.0	39	71	182.1	1.1	3 300	3 548	107.5	2.0
	Thu tiền sử dụng đất	56 220	98 400	175.0	37.3	310	452	145.7	7.1	45 000	83 497	185.5	47.1
	Thu tiền thuê đất	3 649	6 059	166.0	2.3	29	24	83.8	0.4	2 900	5 028	173.4	2.8
	Thu khác của ngân sách	5 780	9 426	163.1	3.6	230	555	241.5	8.7	2 300	4 212	183.1	2.4
	Thu đất rừng trồng	140											
2	<u>Thu hoạt động xuất nhập khẩu</u>												

B	<u>Thu quản lý qua ngân sách</u>	42 000	71 442	170.1	27.1	2 800	3 364	120.1	53.0	11 200	33 824	302.0	19.1
II	<u>Thu kết dư năm trước + chuyển nguồn</u>		34 290		13.0		2 223		35.0		11 112		6.3
III	<u>Thu tỉnh trợ cấp</u>	322 608	354 872	110.0		44 362	46 710	105.3		81 285	72 658	89.4	
-	<u>Tổng cộng :</u>	495 138	647 631	130.8		49 233	55 282	112.3		185 910	261 074	140.4	

[Nguồn : Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

Bảng 2.6 Tình hình thu Ngân sách Nhà Nước cấp huyện năm 2006

ĐVT: Triệu

đồng

T T	NỘI DUNG	Cấp huyện toàn tỉnh				Huyện Định Hoá				Thành phố TN			
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH %	TT %
I	<u>Thu NSNN trên địa bàn</u>	243 045	308 851	127.1	100.0	5 535	6 810	123.0	100.0	140 185	175 728	125.4	100.0
A	<u>Thu trong cân đối</u>	210 345	239 433	113.8	77.5	3 035	3 772	124.3	55.4	133 185	149 497	112.2	85.1
1	<u>Thu nội địa</u>	210 345	239 433	113.8	77.5	3 035	3 772	124.3	55.4	133 185	149 497	112.2	85.1
	Thu từ XNQD trung ương	1 485	2 335	157.2	0.8	30	146	486.9	2.1	600	581	96.8	0.3
	Thu từ XNQD địa phương										408		0.2
	Thu từ XN có vốn đầu tư NN												
	Thu từ khu vực CTN và NQD	68 845	84 417	122.6	27.3	1 540	1 585	102.9	23.3	46 000	58 137	126.4	33.1
	Lệ phí trước bạ	3 087	2 979	96.5	1.0	32	22	67.4	0.3	1 955	1 755	89.8	1.0
	Thuế sử dụng đất NN + đất rừng	272	359	132.0	0.1	30	61	204.0	0.9	55	64		0.0
	Thuế nhà đất	4 650	5 248	112.9	1.7	60	47	77.5	0.7	2 800	3 164	113.0	1.8
	Thu tiền bán nhà, thuê nhà thuộc SHNN	140	225	160.7	0.1								0.0
	Thu phí và lệ phí	6 610	7 807	118.1	2.5	230	412	179.1	6.0	2 980	3 388	113.7	1.9
	Thuế chuyển quyền SD Đất	5 376	5 503	102.4	1.8	80	57	71.0	0.8	3 795	4 012	105.7	2.3
	Thu tiền sử dụng đất	110 000	117 552	106.9	38.1	600	974	162.3	14.3	70 000	71 628	102.3	40.8
	Thu tiền thuê đất	3 720	4 116	110.6	1.3	20	24	120.3	0.4	3 000	3 182	106.1	1.8

	Thu khác của ngân sách	6 160	8 892	144.4	2.9	413	445	107.8	6.5	2 000	3 178	158.9	1.8
	Thu đất rừng trồng												
2	<u>Thu hoạt động xuất nhập khẩu</u>												
B	<u>Thu quản lý qua ngân sách</u>	32 700	69 418	212.3	22.5	2 500	3 038	121.5	44.6	7 000	26 231	374.7	14.9
II	<u>Thu kết dư năm trước+chuyển nguồn</u>	6 897	37 714				2 097				3 339		
III	<u>Thu tỉnh trợ cấp</u>	408 822	437 320	107.0		45 700	58 197	127.3		60 000	65 281	108.8	
.	<u>Tổng cộng :</u>	652 484	776 150	119.0		51 235	67 104	131.0		200 185	244 348	122.1	

[Nguồn: Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

2.2.1.2. Về chi ngân sách

Chi ngân sách cơ bản thực hiện theo dự toán được duyệt vào đầu năm, ngoài ra còn tăng chi trên cơ sở tăng chi để cân đối. Nhờ vậy, đã đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - Xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

- Chi cân đối ngân sách:

+ Đối với chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư phát triển năm 2006 là 110.686 triệu đồng, năm 2005 là 94.336 triệu đồng năm 2004 là 41.959 triệu đồng nên tốc độ tăng qua các năm 2005 là 124,82%, năm 2006 là 17,33 % (cụ thể Thành phố Thái Nguyên năm 2005 tốc độ tăng 42%, năm 2006 tốc độ tăng 6%; huyện Định Hoá năm 2005 thực hiện so với kế hoạch đạt 146% năm 2006 tăng 497% so với năm 2005) nhờ khai thác tốt từ thu cấp quyền sử dụng đất, đã góp phần nâng cấp cơ sở hạ tầng cho đô thị: Thành phố Thái Nguyên, huyện Định Hoá cũng được cơ bản từng bước thay đổi bộ mặt.

+ Đối với chi thường xuyên:

Với những nỗ lực trong công tác kiểm soát chi, hạn chế các nội chi chưa phải là cấp thiết, Qua các năm 2004 - 2006 công tác chi thường xuyên ngân sách cấp huyện về cơ bản hoàn thành kế hoạch giao; Năm chi vượt kế hoạch cao nhất là năm 2005 là 111 % và năm thấp nhất là 93%, các khoản chi cơ bản đã thực hiện tốt.

Khoản chi chiếm tỉ trọng cao nhất là chi cho giáo dục đào tạo năm 2004 chiếm 55%, năm 2005 chiếm 63%, năm 2006 chiếm 54% trong tổng chi thường xuyên ngân sách cấp huyện, đặc biệt tốc độ chi cho giáo dục đào tạo tăng đều nếu lấy năm 2004 làm mốc thì năm 2005 tốc độ

tăng chi là 110% và năm 2006 là 114 % với giá trị tuyệt đối thực chi qua các năm là 230.756 triệu đồng, 253.289 triệu đồng và 289.017 triệu đồng như vậy cho thấy công tác quản lý ngân sách đã thực hiện đúng chính sách của Đảng và Nhà nước là tăng cường đầu tư cho giáo dục, đào tạo, bởi giáo dục đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Khoản chi chiếm tỉ trọng đứng thứ hai trong tổng chi thường xuyên là chi bổ sung ngân sách xã, khoản chi này nhìn chung qua các năm thường là không ổn định, nội dung chi phát sinh theo kế hoạch chi của từng năm, cụ thể thực chi năm 2004 là 102.633 triệu đồng, năm 2005 là 43.408 triệu đồng, năm 2006 là 135.970 triệu đồng.

Nội dung chi đáng quan tâm nhất trong giai đoạn này là chi cho quản lý hành chính, nội dung này đã được tập trung chỉ đạo sát sao của các cấp Ủy đảng cho thấy đã có tác dụng trong thực tiễn năm 2004 tổng thực chi cho công tác quản lý hành chính là 43.060 triệu đồng bằng 96% kế hoạch giao; Số chi cho nội dung này cao nhất là năm 2006 là 55.050 triệu đồng bằng 104% kế hoạch; Như vậy về cơ bản ngân sách cấp huyện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chi ngân sách nội dung này.

Chi cho sự nghiệp văn hoá thông tin chiếm tỉ trọng thấp, lĩnh vực này tỉnh phân cấp ít, chi cho thành phố và huyện, chủ yếu đầu tư thông qua đài Phát thanh truyền hình của tỉnh. Tương tự như vậy chi cho sự nghiệp y tế, chi phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng chiếm tỉ trọng thấp, trong lĩnh vực này tỉnh đã phân cấp cho sở Y tế, sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nên thuộc đơn vị cấp tỉnh quản lý.

Nội dung chi vượt cao nhất so với dự toán là chi quản lý qua ngân sách năm 2004 vượt 170% năm 2005 vượt 167% và năm 2006 vượt 114% dự toán khoản chi này vượt với nhiều nguyên nhân song nguyên nhân chủ yếu vẫn là do khâu xây dựng dự toán chưa tính đến yếu tố tăng lương và các khoản phụ cấp theo lương, ngoài ra còn có nguyên nhân khác như chi phí đầu vào vật tư, vật liệu, dịch vụ tăng do giá cả thị trường biến động.

- Chi quản lý qua ngân sách các năm 2004-2006 luôn đảm bảo cân đối tuy nhiên việc xây dựng dự toán thu, chi chưa bám sát định hướng của tỉnh cụ thể như kế hoạch viện trợ đối với từng huyện. . . chính vì vậy số giao chi và thực hiện chi qua các năm vượt kế hoạch tương đối cao, năm 2004 là 170%, năm 2005 là 167%, năm 2006 là 114%.

- Khoản chi có tỉ trọng tương đối lớn trong tổng chi ngân sách cấp huyện đó là chi tạm ứng ngoài ngân sách nó bao gồm các khoản tạm ứng như tạm ứng chi xây dựng cơ bản, chi tạm ứng hành chính sự nghiệp, chi tạm ứng ngân sách cấp dưới, chi tạm ứng khác, đây chính là những biểu hiện tồn tại của cơ chế xin- cho, xây dựng kế hoạch không sát với thực tế, phân giao dự toán thu, nhiệm vụ chi cho đơn vị dự toán cấp dưới; năm 2004 tổng chi cho nội dung này là 225.058 triệu đồng, năm 2005 là 45.095 triệu đồng, và năm 2006 là 57.100 triệu đồng, như vậy khoản chi ngoài cân đối này về cơ bản năm 2005 và năm 2006 đã được hạn chế đáng kể, thể hiện sự cố gắng thay đổi cách làm, nếp nghĩ bấy lâu nay[18]. Tình hình thực hiện chi ngân sách cấp huyện được thể hiện ở các bảng tổng hợp sau:

Bảng 2.7 Tổng hợp chi ngân sách cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2004-2006**ĐVT: Triệu đồng**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2004				Năm 2005				Năm 2006			
		Dự toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)
	TỔNG CHI	599 750	739 312	123	100	488 241	609 917	125	100	652 484	776 150	119	100
<i>A</i>	<i>Tổng chi cân đối</i>	<i>567 480</i>	<i>459 369</i>	<i>81</i>	<i>62.1</i>	<i>446 241</i>	<i>494 717</i>	<i>111</i>	<i>81.1</i>	<i>591 584</i>	<i>649 632</i>	<i>110</i>	<i>83.7</i>
I	Chi thường xuyên	446 640	417 410	93	56.5	377 241	400 381	106	65.6	486 636	538 946	111	69.4
1	Chi sự nghiệp kinh tế	16 500	16 060	97	2.2	16 800	22 800	136	3.7	20 500	22 599	110	2.9
2	Chi phát triển N2 - nông thôn	6 300	6 751	107	0.9	7 500	8 551	114	1.4	11 500	11 950	104	1.5
3	Chi sự nghiệp giáo dục	235 000	230 756	98	31.2	253 098	253 189	100	41.5	280 662	289 017	103	37.2
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	2 000	1 892	95	0.3	2 000	6 825	341	1.1	2 300	2 130	93	0.3
5	Chi sự nghiệp y tế					300	368		0.1	420	410		0.1
6	Chi sự nghiệp bảo trợ xã hội	6 000	7 825	130	1.1	6 000	6 071	101	1.0	9 000	8 750	97	1.1
7	Chi quản lý hành chính	45 500	43 606	96	5.9	45 000	50 000	111	8.2	53 000	55 050	104	7.1
8	Chi quốc phòng an ninh	3 500	3 589	103	0.5	3 500	6 700	191	1.1	3 500	7 700	220	1.0
9	Chi khác	3 000	4 268	142	0.6	2 079	2 469	119	0.4	5 350	5 370	100	0.7
10	Chi bổ sung ngân sách xã	126 640	102 663	81	13.9	38 464	43 408	113	7.1	93 663	135 970	145	17.5
11	Dự phòng ngân sách	2 200		0		2 500		0	0.0	6 741		0	
II	Chi đầu tư phát triển	120 840	41 959	35	5.7	69 000	94 336	137	15.5	104 948	110 686	105	14.3
B	Chi quản lý qua ngân sách	32 270	54 885	170	7.4	42 000	70 105	167	11.5	60 900	69 418	114	8.9
C	Tạm ứng chi ngoài ngân sách		225 058		30.4		45 095		7.4		57 100		7.4

[Nguồn : Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

Bảng 2.8 Tình hình chi ngân sách cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2004**ĐVT: Triệu đồng**

S TT	Chỉ tiêu	Cấp huyện toàn tỉnh				Huyện Định Hoá				Thành phố TN			
		Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)
	TỔNG CHI	599 750	739 312	123.3	100.0	45 252	49 861	110.2	100.0	186 135	248 647	133.6	100.0
A	Tổng chi cân đối	567 480	459 369	80.9	62.1	40 984	47 401	115.7	95.1	140 877	136 439	96.8	54.9
I	Chi thường xuyên	446 640	417 410	93.5	56.5	40 984	47 401	115.7	95.1	73 877	77 100	104.4	31.0
1	Chi sự nghiệp kinh tế	16 500	16 060	97.3	2.2	1 600	1 629	101.8	3.3	7 000	7 120	101.7	2.9
2	Chi phát triển N2 - nông thôn	6 300	6 751	107.2	0.9	200	255	127.5	0.5	4 000	4 200	105.0	1.7
3	Chi sự nghiệp giáo dục	235 000	230 756	98.2	31.2	26 471	26 231	99.1	52.6	43 350	43 466	100.3	17.5
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	2 000	1 892	94.6	0.3	250	407	162.8	0.8	1 300	4 385	337.3	1.8
5	Chi sự nghiệp y tế												
6	Chi sự nghiệp bảo trợ xã hội	6 000	7 825	130.4	1.1	250	405	162.0	0.8	1 700	1 681	98.9	0.7
7	Chi quản lý hành chính	45 500	43 606	95.8	5.9	2 619	4 018	153.4	8.1	6 820	7 846	115.0	3.2
8	Chi quốc phòng an ninh	3 500	3 589	102.5	0.5	260	583	224.2	1.2	400	405	101.3	0.2
9	Chi khác	3 000	4 268	142.3	0.6	200	511	255.5	1.0	400	401	100.3	0.2
10	Chi bổ sung ngân sách xã	126 640	102 663	81.1	13.9	8 704	13 362	153.5	26.8	7 907	7 596	96.1	3.1
11	Dự phòng ngân sách	2 200		0.0		430				1 000			
II	Chi đầu tư phát triển	120 840	41 959	34.7	5.7					67 000	59 339	88.6	23.9
B	Chi quản lý qua ngân sách	32 270	54 885	170.1	7.4	1 320	2 208	167.3	4.4	7 000	16 634	237.6	6.7
C	Tạm ứng chi ngoài ngân sách		225 058		30.4	2 948	252	8.5	0.5	38 258	95 574	249.8	38.4

[Nguồn : Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

Bảng 2.9 Tình hình chi ngân sách cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2005**ĐVT: Triệu đồng**

S TT	Chỉ tiêu	Cấp huyện toàn tỉnh				Huyện Định Hoá				Thành phố TN			
		Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)
	TỔNG CHI	488 241	609 917	124.9	100.0	49 128	53 045	108.0	100.0	184 252	255 787	138.8	100.0
<i>A</i>	<i>Tổng chi cân đối</i>	<i>446 241</i>	<i>494 717</i>	<i>110.9</i>	<i>81.1</i>	<i>46 328</i>	<i>49 555</i>	<i>107.0</i>	<i>93.4</i>	<i>173 052</i>	<i>177 810</i>	<i>102.7</i>	<i>69.5</i>
I	Chi thường xuyên	377 241	400 381	106.1	65.6	46 018	49 103	106.7	92.6	90 752	93 510	103.0	36.6
1	Chi sự nghiệp kinh tế	16 800	22 800	135.7	3.7	1 866	2 852	152.8	5.4	10 500	10 850	103.3	4.2
2	Chi phát triển N2 - nông thôn	7 500	8 551	114.0	1.4	243	516	212.3	1.0	4 500	4 800	106.7	1.9
3	Chi sự nghiệp giáo dục	253 098	253 189	100.0	41.5	27 123	27 346	100.8	51.6	44 700	44 700	100.0	17.5
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	2 000	6 825	341.3	1.1	435	519	119.3	1.0	2 700	2 800	103.7	1.1
5	Chi sự nghiệp y tế	300	368		0.1	77	77	100.0	0.1				
6	Chi sự nghiệp bảo trợ xã hội	6 000	6 071	101.2	1.0	322	626	194.4	1.2	1 700	1 700	100.0	0.7
7	Chi quản lý hành chính	45 000	50 000	111.1	8.2	4 354	5 208	119.6	9.8	11 590	12 360	106.6	4.8
8	Chi quốc phòng an ninh	3 500	6 700	191.4	1.1	262	322	122.9	0.6	600	600	100.0	0.2
9	Chi khác	2 079	2 469	118.8	0.4	176	350	198.9	0.7	820	700	85.4	0.3
10	Chi bổ sung ngân sách xã	38 464	43 408	112.9	7.1	10 453	11 287	108.0	21.3	13 292	15 000	112.8	5.9
11	Dự phòng ngân sách	2 500			0.0	707				350			
II	Chi đầu tư phát triển	69 000	94 336	136.7	15.5	310	452	145.8	0.9	82 300	84 300	102.4	33.0
<i>B</i>	<i>Chi quản lý qua ngân sách</i>	<i>42 000</i>	<i>70 105</i>	<i>166.9</i>	<i>11.5</i>	<i>2 800</i>	<i>3 315</i>	<i>118.4</i>	<i>6.2</i>	<i>11 200</i>	<i>33 824</i>	<i>302.0</i>	<i>13.2</i>
<i>C</i>	<i>Tạm ứng chi ngoài ngân sách</i>		<i>45 095</i>		<i>7.4</i>		<i>175</i>		<i>0.3</i>	<i>460 909</i>	<i>44 153</i>	<i>9.6</i>	<i>17.3</i>

[Nguồn : Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

Bảng 2.10 Tình hình chi ngân sách cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2006**ĐVT: Triệu đồng**

S TT	Chỉ tiêu	Cấp huyện toàn tỉnh				Huyện Định Hoá				Thành phố TN			
		Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)
	TỔNG CHI	652 484	776 150	119.0	100.0	51 078	66 931	131.0	100.0	197 855	241 412	122.0	100.0
A	Tổng chi cân đối	591 584	649 632	109.8	83.7	48 578	63 893	131.5	95.5	184 910	205 037	110.9	84.9
I	Chi thường xuyên	486 636	538 946	110.7	69.4	47 778	63 290	132.5	94.6	105 710	116 037	109.8	48.1
1	Chi sự nghiệp kinh tế	20 500	22 599	110.2	2.9	2 281	3 008	131.9	4.5	14 710	15 100	102.7	6.3
2	Chi phát triển N2 - nông thôn	11 500	11 950	103.9	1.5	251	317	126.3	0.5	5 100	5 200	102.0	2.2
3	Chi sự nghiệp giáo dục	280 662	289 017	103.0	37.2	27 918	32 949	118.0	49.2	46 800	58 007	123.9	24.0
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	2 300	2 130	92.6	0.3	258	488	189.1	0.7	3 050	3 050	100.0	1.3
5	Chi sự nghiệp y tế	420	410		0.1	80	80	100.0	0.1				
6	Chi sự nghiệp bảo trợ xã hội	9 000	8 750	97.2	1.1	850	911	107.2	1.4	2 500	2 500	100.0	1.0
7	Chi quản lý hành chính	53 000	55 050	103.9	7.1	4 691	8 615	183.6	12.9	13 000	14 230	109.5	5.9
8	Chi quốc phòng an ninh	3 500	7 700	220.0	1.0	280	374	133.6	0.6	750	750	100.0	0.3
9	Chi khác	5 350	5 370	100.4	0.7	200	258	129.0	0.4	1 700	1 700	100.0	0.7
10	Chi bổ sung ngân sách xã	93 663	135 970	145.2	17.5	10 249	16 290	158.9	24.3	15 350	15 500	101.0	6.4
11	Dự phòng ngân sách	6 741		0.0	0.0	720		0.0	0.0	2 750			
II	Chi đầu tư phát triển	104 948	110 686	105.5	14.3	800	603	75.4	0.9	79 200	89 000	112.4	36.9
B	Chi quản lý qua ngân sách	60 900	69 418	114.0	8.9	2 500	3 038	121.5	4.5	7 000	26 231	374.7	10.9
C	Tạm ứng chi ngoài ngân sách		57 100		7.4	609 636		0.0	0.0	5 945	10 144	170.6	4.2

[Nguồn : Phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Thái Nguyên]

2.2.1.3. Về công tác lập dự toán, tình hình thực hiện thu chi, quyết toán ngân sách cấp huyện ở tỉnh Thái Nguyên

Cùng với việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội hàng năm, việc lập dự toán ngân sách năm cũng được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách. Phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị thuộc các huyện, thành phố, thị xã quản lý, dự toán thu do cơ quan thuế lập được xác định trên cơ sở tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu có liên quan, dự toán thu chi của ngân sách các xã, phường, thị trấn; Lập dự toán thu chi ngân sách huyện, dự toán các khoản kinh phí uỷ quyền trình UBND huyện, thành phố, thị xã để báo cáo thường trực HĐND cấp huyện gửi sở Tài chính. Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu chi của UBND tỉnh, phòng tài chính các huyện, thành phố, thị xã thực hiện tham mưu cho UBND đồng cấp trình HĐND đồng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách. Căn cứ Nghị quyết của HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã quyết định giao nhiệm vụ thu, chi cho từng cơ quan trực thuộc.

Hàng năm, theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, trình tự lập, gửi, thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách các huyện, thành phố, thị xã ở Thái Nguyên được thực hiện như sau: Mẫu biểu báo cáo quyết toán năm của ngân sách nhà nước và ngân sách các cấp thực hiện theo đúng mẫu biểu của chế độ kế toán nhà nước; Ban tài chính phường, xã, thị trấn lập quyết toán thu chi ngân sách cấp xã trình HĐND phường, xã, thị trấn phê duyệt. Sau khi được HĐND xã phường, thị trấn phê chuẩn, UBND xã, phường, thị trấn báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã.

Phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách phường, xã, thị trấn; Lập quyết toán thu chi ngân sách các huyện, thành phố, thị xã; Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã (bao gồm quyết toán các

cấp) báo cáo UBND các huyện, thành phố, thị xã trình HĐND đồng cấp phê chuẩn, UBND báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi sở Tài Chính.

2.2.2. Thực trạng công tác quản lý ngân sách ở các huyện chọn điển hình nghiên cứu

2.2.2.1. Thành phố Thái Nguyên

*** Về thu ngân sách**

Nội dung thu ngân sách

Căn cứ các nguồn thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố và theo quy định của luật ngân sách, thành phố Thái Nguyên được phân cấp các nguồn thu cụ thể như sau:

+ Các nguồn thu ngân sách được hưởng 100%: Thuế Nhà đất; Thuế môn bài; Thuế chuyển QSD đất; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Lệ phí trước bạ nhà đất; Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước; Tiền đền bù thiệt hại đất; Thu từ nguồn vốn đóng góp của ngân sách địa phương; Các khoản phí, lệ phí theo pháp luật quy định do các cơ quan đơn vị thuộc Thành phố tổ chức thu; Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; Thu sự nghiệp phân nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do địa phương quản lý; Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước; Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu theo quy định; Thu kết dư ngân sách địa phương; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; Các khoản thu khác của ngân sách thành phố theo quy định của Pháp luật.

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách tỉnh và ngân sách Thành phố: Thu thuế VAT-TNDN của các hộ kinh doanh vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh tập thể, các doanh nghiệp tư nhân, HTX; Thu tiền cấp quyền sử dụng đất (ngân sách Thành phố không được hưởng tỷ lệ điều tiết, UBND Thành phố được sử dụng đầu tư xây dựng trên địa bàn- UBND Thành phố lập kế hoạch trình UBND Tỉnh quyết định). **Bảng 2.11 Thu ngân sách thành phố Thái Nguyên các năm 2004 - 2006**

Bảng 2.11 Tổng hợp thu ngân sách thành phố Thái Nguyên**ĐVT: Triệu đồng**

S T T	NỘI DUNG	NĂM 2004			NĂM 2005				NĂM 2006			
		Kế Hoạch	Thực Hiện	TH/KH %	Kế Hoạch	Thực Hiện	TH/KH %	TĐTT %	Kế Hoạch	Thực Hiện	TH/KH %	TĐTT %
I	<u>Thu NSNN trên địa bàn</u>	75 000	123 918	165.2	104 625	177 304	169.5	143.1	140 185	175 728	125.4	99.1
A	<u>Thu trong cân đối</u>	68 000	107 284	157.8	93 425	143 480	153.6	133.7	133 185	149 497	112.2	104.2
1	<u>Thu nội địa</u>	68 000	107 284	157.8	93 425	143 480	153.6	133.7	133 185	149 497	112.2	104.2
1.1	Thu từ XNQD trung ương	1 300	667	51.3	800	742	92.8	111.2	600	581	96.8	78.3
1.2	Thu từ XNQD địa phương		14			127		927.0		408		
1.3	Thu từ XN có vốn đầu tư NN											
1.4	Thu từ khu vực CTN và NQD	30 000	30 077	100.3	32 370	38 226	118.1	127.1	46 000	58 137	126.4	152.1
1.5	Lệ phí trước bạ	1 100	1 651	150.1	1 600	2 077	129.8	125.8	1 955	1 755	89.8	84.5
1.6	Thuế sử dụng đất NN + đất rừng		55		55	67		121.8	55	64		95.5
1.7	Thuế nhà đất	2 500	2 724	109.0	2 500	2 957	118.3	108.6	2 800	3 164	113.0	107.0
1.8	Thuế TN đối với người có TN cao											
1.10	Thu tiền bán nhà, thuê nhà thuộc SHNN		182			151		83.0				
1.11	Thu phí và lệ phí	2 500	2 547	101.9	2 600	2 848	109.5	111.8	2 980	3 388	113.7	119.0
1.12	Thuế chuyển quyền SD Đất	2 800	2 856	102.0	3 300	3 548	107.5	124.2	3 795	4 012	105.7	113.1
1.13	Thu tiền sử dụng đất	23 000	61 239	266.3	45 000	83 497	185.5	136.3	70 000	71 628	102.3	85.8
1.14	Thu tiền thuê đất	3 000	3 271	109.0	2 900	5 028	173.4	153.7	3 000	3 182	106.1	63.3
1.15	Thu khác của ngân sách	1 800	2 001	111.2	2 300	4 212	183.1	210.5	2 000	3 178	158.9	75.5
2	<u>Thu hoạt động xuất nhập khẩu</u>											
B	<u>Thu quản lý qua ngân sách</u>	7 000	16 634	237.6	11 200	33 824	302.0	203.3	7 000	26 231	374.7	77.6
II	<u>Thu kết dư năm trước+chuyển nguồn</u>		2 526			11 112		439.9		3 339		30.0
III	<u>Thu tỉnh trợ cấp</u>	112 700	134 852	119.7	81 285	72 658	89.4	53.9	60 000	65 281	108.8	89.8
	<u>Tổng cộng :</u>	187 700	261 296	139.2	185 910	261 074	140.4	99.9	200 185	244 348	122.1	93.6

[Nguồn: Phòng Tài chính - Thành phố Thái Nguyên]

Thực hiện thu ngân sách

+ Về thu ngân sách trên địa bàn: Thành phố luôn là đơn vị đạt kế hoạch và hoàn thành kế hoạch ở mức cao và ổn định năm 2004 đạt 165% kế hoạch, năm 2005 đạt 169% kế hoạch, năm 2006 đạt 125% kế hoạch được giao như vậy có thể nói về cơ bản thu ngân sách thành phố Thái Nguyên đã đạt kế hoạch tính giao tuy nhiên xét ở góc độ về tốc độ tăng thu, nếu lấy năm 2004 làm mốc về giá trị tuyệt đối năm sau so với năm trước cơ bản mức thu không ổn định, năm 2005 tăng cao với mức 43%, năm 2006 mức thu giảm không đáng kể ở mức 99%. Với giá trị tuyệt đối tăng qua các năm 2004 là 123.918 triệu năm 2005 là 177.304 triệu đồng năm 2006 là 175.728 triệu đồng điều đó chứng tỏ nền kinh tế của thành phố Thái Nguyên từ năm 2004 - 2006 cơ bản đó giữ được mức tăng trưởng.

+ Thu trong cân đối: Khoản thu từ nội địa, thuế thu từ xí nghiệp quốc doanh trung ương là khoản thu không ổn định có xu hướng giảm, chiếm tỉ trọng thấp trong các khoản thu khoản thu này chủ yếu là thu từ thuế xây dựng của đơn vị ngoài tỉnh việc thực hiện kế hoạch qua các năm cho thấy không đảm bảo được kế hoạch đề ra song nó cũng thể hiện đúng quy luật cạnh tranh của thị trường giữa các đơn vị trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Khoản thu được coi là ổn định và có tỉ trọng cao đó là khoản thu từ công thương nghiệp và ngoài quốc doanh năm 2004 chiếm 24,3%, năm 2005 chiếm 21,6%, năm 2006 chiếm 33,1% tổng thu trên địa bàn cho thấy phần thu ngân sách của thành phố Thái Nguyên chủ yếu phát triển nền kinh tế nội tỉnh còn phần thu ngoài tỉnh có xu hướng giảm cả về cơ cấu và tốc độ qua các năm.

Khoản thu chiếm tỉ trọng lớn nhất trong thu ngân sách thành phố đó là thu từ nguồn quỹ đất đây là khoản thu lớn của thành phố trong những năm gần đây. Nguồn thu này không phải là khoản thu ổn định, tuy nhiên trong các năm 2004, 2005, 2006 luôn giữ được mức thu tương đối cao song về tỉ trọng

có xu hướng giảm dần từ 49,4% xuống 47,1% và năm 2006 còn 40,8% như vậy cho ta thấy việc khai thác nguồn thu từ quỹ đất trong tương lai sẽ gặp nhiều khó khăn, nếu việc quản lý, sử dụng và quy hoạch tổng thể quỹ đất không tốt và không phù hợp với vị trí địa lý địa phương.

+ Thu quản lý qua ngân sách: Đây cũng là khoản thu lớn của thành phố Thái Nguyên. Nhưng khoản thu này không mang tính ổn định nó mang nhiều màu sắc của cơ chế, phụ thuộc vào cơ chế chính sách quản lý, bình quân thu quản lý qua ngân sách các năm 2004-2006 là 25.563 triệu đồng.

Qua phân tích trên ta thấy thu ngân sách của thành phố Thái Nguyên từ năm 2004-2006 về giá trị tuyệt đối có tăng nhưng về tốc độ tăng có chiều hướng giảm. Phần thu chủ yếu của ngân sách là thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh và thu từ tiền sử dụng đất, như vậy nền kinh tế thị trường của Thành phố trên đã phát triển cùng với sự chuyển mình về cách nhìn tổng quan của một thành phố mang tính quy hoạch tổng thể, hiện đại.[17]

*** Về chi ngân sách**

Nội dung chi ngân sách

Chi thường xuyên: là các khoản chi duy trì hoạt động bộ máy quản lý Nhà nước, chi cho bảo trợ xã hội, an ninh quốc phòng, chi hoạt động sự nghiệp y tế giáo dục, văn hoá thể thao, chi cho truyền thanh truyền hình, chi cho trả nợ, cho cho viện trợ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật Cụ thể như sau:

- Chi sự nghiệp kiến thiết đô thị.(dịch vụ đô thị, đèn đường chiếu sáng, quản lý công viên nghĩa trang, nạo vét cống rãnh đô thị và các khu công cộng khác thuộc thành phố quản lý). .
- Chi sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn.
- Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo- nghiên cứu khoa học, y tế, xã hội, văn hoá thông tin, thể thao và các sự nghiệp khác do Nhà nước quản lý (Cho công

tác Đảng), Chi quản lý hành chính, Chi cho Đoàn thể, hội (Đoàn thanh niên, Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh)

- Chi cho an ninh, quốc phòng Chi thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý.

- Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường

Chi xây dựng cơ bản: Từ năm 2004 được bổ xung nhiệm vụ chi từ nguồn cấp QSD đất cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Thành phố.

*** Tỷ lệ phân chia:** Việc xác định tỷ lệ % phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách Thành phố được xác định trên cơ sở tổng số chi ngân sách thành phố được giao sau khi trừ đi số thu được hưởng 100% số chênh lệch được xác định (%) của nguồn thu phân chia (thuế VAT, TNDN) ổn định trong ba năm 2004, 2005, 2006 là 50%.

Chi ngân sách: Trên cơ sở các nguồn thu được hưởng bảo đảm cân đối ngân sách. Đối với các khoản chi thường xuyên, việc lập dự toán được dựa trên cơ sở các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ và UBND tỉnh quy định. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển trên cơ sở bố trí kế hoạch cho các dự án có đủ điều kiện, bố trí vốn phù hợp khả năng ngân sách đồng thời ưu tiên bố trí đủ vốn để trả nợ và các dự án đang thực hiện; Biểu số 2.12 cho thấy dự toán, thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách của Thành phố từ năm 2004 đến năm 2006 như sau[17]:

Bảng 2.12 Tổng hợp chi ngân sách thành phố Thái Nguyên năm 2004-2006**ĐVT: Triệu đồng**

S TT	Chỉ tiêu	Năm 2004				Năm 2005				Năm 2006			
		Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)
	TỔNG CHI	186 135	248 647	133.6	100.0	184 252	255 787	138.8	100.0	197 855	241 412	122.0	100.0
<i>A</i>	<i>Tổng chi cân đối</i>	<i>140 877</i>	<i>136 439</i>	<i>96.8</i>	<i>54.9</i>	<i>173 052</i>	<i>177 810</i>	<i>102.7</i>	<i>69.5</i>	<i>184 910</i>	<i>205 037</i>	<i>110.9</i>	<i>84.9</i>
I	Chi thường xuyên	73 877	77 100	104.4	31.0	90 752	93 510	103.0	36.6	105 710	116 037	109.8	48.1
1	Chi sự nghiệp kinh tế	7 000	7 120	101.7	2.9	10 500	10 850	103.3	4.2	14 710	15 100	102.7	6.3
2	Chi phát triển N2 - nông thôn	4 000	4 200	105.0	1.7	4 500	4 800	106.7	1.9	5 100	5 200	102.0	2.2
3	Chi sự nghiệp giáo dục	43 350	43 466	100.3	17.5	44 700	44 700	100.0	17.5	46 800	58 007	123.9	24.0
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1 300	4 385	337.3	1.8	2 700	2 800	103.7	1.1	3 050	3 050	100.0	1.3
5	Chi sự nghiệp bảo trợ xã hội	1 700	1 681	98.9	0.7	1 700	1 700	100.0	0.7	2 500	2 500	100.0	1.0
6	Chi quản lý hành chính	6 820	7 846	115.0	3.2	11 590	12 360	106.6	4.8	13 000	14 230	109.5	5.9
7	Chi quốc phòng an ninh	400	405	101.3	0.2	600	600	100.0	0.2	750	750	100.0	0.3
8	Chi khác	400	401	100.3	0.2	820	700	85.4	0.3	1 700	1 700	100.0	0.7
9	Chi bổ sung ngân sách xã	7 907	7 596	96.1	3.1	13 292	15 000	112.8	5.9	15 350	15 500	101.0	6.4
10	Dự phòng ngân sách	1 000				350		0.0	0.0	2 750		0.0	0.0
II	Chi đầu tư phát triển	67 000	59 339	88.6	23.9	82 300	84 300	102.4	33.0	79 200	89 000	112.4	36.9
<i>B</i>	<i>Chi quản lý qua ngân sách</i>	<i>7 000</i>	<i>16 634</i>	<i>237.6</i>	<i>6.7</i>	<i>11 200</i>	<i>33 824</i>	<i>302.0</i>	<i>13.2</i>	<i>7 000</i>	<i>26 231</i>	<i>374.7</i>	<i>10.9</i>
<i>C</i>	<i>Tạm ứng chi ngoài ngân sách</i>	<i>38 258</i>	<i>95 574</i>	<i>249.8</i>	<i>38.4</i>	<i>1 658</i>	<i>44 153</i>	<i>2663.0</i>	<i>17.3</i>	<i>5 945</i>	<i>10 144</i>	<i>170.6</i>	<i>4.2</i>

[Nguồn: Phòng Tài chính - Thành phố Thái Nguyên]

Thực hiện chi ngân sách

Qua số liệu bảng số 2.12 trên phản ánh tình hình thực hiện chi ngân sách thành phố từ năm 2004 đến năm 2006; Kinh phí sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nói chung giữ được mức ổn định, thể hiện qua tốc độ tăng năm 2005 so với năm 2004 là 103%, năm 2006 tăng 94%, điều đó chứng tỏ thành phố đã vận dụng chính sách huy động nội lực tạo sức mạnh tổng hợp để giảm chi, tiết kiệm chi, chi có định hướng, có kế hoạch từng bước đưa nền kinh tế - xã hội của thành phố không ngừng phát triển. Tuy nhiên về số tuyệt đối tổng chi trên địa bàn vẫn tương đối lớn so với tổng thu, đặc biệt năm 2004 tổng thu của ngân sách trên địa bàn chỉ có 123.918 triệu đồng, dự toán chi 186.135 triệu đồng, nhưng trên thực tế chi lên đến 248.647 triệu đồng tăng 133,6% kế hoạch.

Trong tổng chi thành phố đã tập trung vào chi thường xuyên phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế xã hội chiếm phần lớn trong cơ cấu chi năm cao nhất là năm 2006 chiếm 48,9% trong cơ cấu chi năm thấp nhất là năm 2004 cũng chiếm 31% trong cơ cấu. Về tốc độ tăng đã giảm dần song năm 2005 so với năm 2004 vẫn tăng 30% năm 2005 so với 2004 là 15%. Trong các khoản mục chi thường xuyên thành phố đã tập trung vào phát triển ngành giáo dục và đào tạo không ngừng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật để phát triển nền kinh tế, đặc biệt năm 2006 kinh phí dành cho ngành giáo dục đào tạo chiếm 24% trong tổng chi ngân sách trên địa bàn và bằng 49,9% chi thường xuyên; Các năm 2004 - 2006 tỷ lệ không cao song kinh phí dành cho ngành giáo dục cũng chiếm trên 17,5% trong tổng chi ngân sách trên địa bàn.

Khoản mục ưu tiên thứ hai đó là để tăng cường cơ sở hạ tầng nông thôn thành phố, đầu tư phát triển cấp xã và đầu tư phát triển nông thôn chi cho bổ sung ngân sách xã năm cao nhất là năm 2005 chiếm 16,04% năm thấp nhất là 9,85%, Chi cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và kiến thiết đô thị của thành phố cũng là một trong những khoản chi được chú trọng năm cao nhất

chiếm 13,1%, năm thấp nhất cũng chiếm hơn 9,23%, tiếp theo là quản lý hành chính năm cao nhất là 13,22%, năm thấp nhất cũng hơn 10,18%. Cụ thể bổ sung ngân sách năm cao nhất chiếm 21,3% năm thấp nhất cũng hơn 9% trong cơ cấu chi thường xuyên. Đây là những khoản chi lớn, cơ bản trong chi thường xuyên ngân sách thành phố.

Trong phân chi của ngân sách thành phố đã dành một khoản tiền không nhỏ cho công tác quản lý qua ngân sách, đặc biệt trong hai năm 2005 và năm 2006 thành phố đã dành 13,22%, 10,87% tổng chi ngân sách cho lĩnh vực này. Đây là khoản tiền khá lớn với số tuyệt đối là 33.824 và 26.231 triệu đồng, đây là khoản chi mà thực tế chưa đạt được mong muốn, giảm biên chế có chủ trương từ lâu nhưng kết quả thực hiện chưa được bao nhiêu. Cải cách hành chính kết quả còn mang tính hình thức. Tuy nhiên qua số liệu bảng trên cũng cho thấy việc quản lý chi ngân sách theo dự toán chưa chặt chẽ, còn tăng nhiều, chi ngân sách cho một số khoản mục chi nhất là khoản chi quản lý hành chính, nguyên nhân là do:

+ Yếu tố khách quan: Do Nhà nước thay đổi chính sách tiền lương cho CBCC nhiều lần, mức lương tối thiểu từ 180.000đ/tháng đến nay là 450.000đ/tháng, bổ sung sinh hoạt phí cho cán bộ xã, phường, trợ cấp cứu đói, thiên tai ... và đặc biệt là từ năm 2004 do UBND tỉnh phân cấp 100% tiền cấp QSD đất cho thành phố để xây dựng cơ sở hạ tầng và trả nợ một số công trình XDCHB khác.

+ Yếu tố chủ quan: Do công tác lập dự toán chưa chính xác, Thành phố thực hiện cơ chế khoán thu, khoán chi của tỉnh trong quá trình điều hành ngân sách, phần thu vượt chỉ tiêu giao thì chính quyền thành phố được phép bổ sung và sử dụng số kinh phí đó, nên làm tăng số chi hàng năm. Hơn nữa quá trình lập dự toán các đơn vị không nắm bắt được hết nhiệm vụ phải thực hiện trong năm, vì vậy việc bố trí chi không đồng đều, thường sử dụng vượt dự toán vào

quý III do đó trong quý IV muốn hoàn thành nhiệm vụ phải bổ sung dự toán. Vì vậy, làm tăng chi ngân sách. Bên cạnh đây tư tưởng, cách nghĩ bao cấp vẫn còn tồn tại, chi hết sẽ được bổ sung cũng tác động làm tăng chi ngân sách.

Trong tổng chi ngân sách Thành phố còn có một khoản chi có tỉ trọng tương đối lớn đó là chi tạm ứng ngoài ngân sách đây là khoản chi được coi là ngoài mong muốn nó bao gồm các khoản tạm ứng như tạm ứng chi xây dựng cơ bản, chi tạm ứng hành chính sự nghiệp, chi tạm ứng ngân sách cấp dưới, chi tạm ứng khác; Khoản chi này đã được hạn chế giảm dần số chi thực hiện qua các năm như sau: Năm 2004 là 95.574 triệu đồng, năm 2005 là 44.153 triệu đồng tốc độ tăng đã giảm 44 % năm 2006 số chi tạm ứng còn 10.144 triệu đồng tốc độ tăng giảm còn 23% như vậy thành phố đã từng bước nỗ lực hạn chế tốt khoản chi này.

*** Công tác lập dự toán, tình hình thực hiện thu chi, quyết toán ngân sách**

Căn cứ vào chỉ thị của UBND tỉnh, hướng dẫn của sở Tài Chính và thông báo kiểm tra về dự toán ngân sách của sở Tài Chính cho UBND Thành phố. Căn cứ vào chủ trương cấp uỷ, Nghị quyết HĐND Thành phố, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách của các đơn vị, phòng ban, các xã, phường. Phòng Tài chính Thành phố phối hợp với Chi cục thuế, Phòng kinh tế kế hoạch tổng hợp dự toán ngân sách thành phố để UBND Thành phố báo cáo UBND tỉnh và các ngành chức năng. Căn cứ báo cáo của Thành phố, sở Tài chính, Sở Kế hoạch, Cục thuế tỉnh thảo luận dự toán ngân sách và thống nhất với UBND Thành phố về dự toán thu, chi ngân sách năm của thành phố trình UBND Tỉnh phê duyệt và UBND Tỉnh quyết định giao dự toán thu chi cho ngân sách Thành phố.

Để lập dự toán ngân sách được sát thực, Thành phố đã chỉ đạo công tác lập dự toán ngân sách cụ thể:

+ Về thu ngân sách Nhà nước: Trên cơ sở số thực hiện thu ngân sách Nhà nước năm đó đối với các nguồn thu được phân cấp cộng khả năng tăng

thu theo mức tăng trưởng kinh tế của thành phố, thường là từ 7% đến 10% và các khoản thu dự báo phát sinh thu ngân sách theo quy định.

+ Về chi ngân sách Nhà nước: Trên cơ sở các nguồn thu được hưởng bảo đảm cân đối ngân sách. Đối với các khoản chi thường xuyên, việc lập dự toán được dựa trên cơ sở các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ và UBND tỉnh quy định. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển trên cơ sở bố trí kế hoạch cho các dự án có đủ điều kiện, bố trí vốn phù hợp khả năng ngân sách đồng thời ưu tiên bố trí đủ vốn để trả nợ và các dự án đang thực hiện.

Nhìn chung công tác lập dự toán hàng năm đã đi vào ổn định, và nề nếp, các nguồn thu, nhiệm vụ chi tương đối ổn định.

Hết năm ngân sách các đơn vị dự toán thuộc ngân sách Thành phố căn cứ số liệu thực hiện sau khi có xác nhận của Kho bạc Nhà nước lập báo cáo quyết toán trình cơ quan tài chính Thành phố thẩm định, sau khi thẩm định phòng Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi ngân sách Thành phố có xác nhận của kho bạc Nhà nước báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt; Đối với ngân sách xã, phường căn cứ báo cáo quyết toán xã, phường gửi lên phòng Tài chính thực hiện thẩm định để UBND phường, xã trình HĐND cùng cấp phê duyệt. Phòng Tài chính tổng hợp quyết toán ngân sách xã báo cáo quyết toán ngân sách Thành phố, báo cáo HĐND Thành phố và báo cáo sở Tài chính để tổng hợp vào ngân sách địa phương theo quy định.

2.2.2.2. Huyện Định Hoá

*** Về thu ngân sách**

Nội dung thu ngân sách

Trên cơ sở các nguồn thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Huyện và theo quy định của Luật ngân sách, huyện Định Hoá được phân cấp các nguồn thu cụ thể, các nguồn thu giống như đối với Thành phố Thái Nguyên.

Thực hiện thu ngân sách

+ Về thu ngân sách trên địa bàn: Huyện Định Hoá luôn là đơn vị đạt kế hoạch và hoàn thành kế hoạch và ổn định năm 2004 đạt 126% kế hoạch, năm 2005 đạt 130 % kế hoạch, năm 2006 đạt 123 % kế hoạch được giao như vậy có thể nói về cơ bản thu ngân sách huyện Định Hoá đã đạt kế hoạch tỉnh giao, số thu thực hiện năm sau cao hơn năm trước với con số tuyệt đối cụ thể qua các năm 2004,2005,2006 là: 4.193 triệu đồng, 6.349 triệu đồng, 6.810 triệu đồng. Nếu nhìn từ góc độ về tốc độ tăng thu, lấy năm 2004 làm mốc thì tốc độ tăng thu qua các năm 2005,2006 là 151 % và 107% điều đó chứng tỏ nền kinh tế của huyện Định hoá đã từng bước ổn định và giữ mức tăng trưởng.

+ Thu trong cân đối: Khoản thu từ nội địa, thuế thu từ xí nghiệp quốc doanh trung ương là khoản thu có tình trạng giống như các huyện khác trên toàn tỉnh số thu không ổn định do vậy việc xây dựng kế hoạch không sát thực tế cụ thể năm 2004 kế hoạch là 15 triệu đồng song thực thu không phát sinh, năm 2005 kế hoạch 20 triệu đồng thực thu là 25 triệu đồng, năm 2006 kế hoạch là 30 triệu đồng thực thu là 146 triệu đồng vượt kế hoạch 487 % tuy nhiên khoản thu này chiếm tỉ trọng thấp trong các khoản thu khoản thu này chủ yếu là thu từ thuế xây dựng của đơn vị ngoài tỉnh nên không ảnh hưởng nhiều đến việc thực hiện kế hoạch tỉnh giao. Qua đó cho thấy việc xây dựng kế hoạch của Định hoá vẫn còn mang tính thụ động, nên số thu do cơ quan cấp trên ép xuống.

Khoản thu lớn nhất, tăng dần và có tỉ trọng cao đó là khoản thu từ công thương nghiệp và ngoài quốc doanh năm 2004 chiếm 23,99%, năm 2005 chiếm 21,73 %, năm 2006 chiếm 23,27% tổng thu trên địa bàn cho thấy phần thu ngân sách của Huyện chủ yếu là từ nguồn thu này nên nhiều năm nay Huyện luôn coi trọng, nuôi dưỡng, kích thích phát triển công thương nghiệp và ngoài quốc doanh trên địa bàn.

+ Thu quản lý qua ngân sách: Đây cũng là khoản thu lớn của Định Hoá. Với đặc điểm vị trí địa lý là một huyện miền núi cách xa trung tâm tỉnh do vậy việc quản lý thu qua ngân sách cũng có những đặc điểm riêng, số thu không có nhiều thay đổi mà nó ổn định cùng với sự phát triển của kinh tế địa phương, ngoài ra huyện cũng được nhiều ưu tiên hơn so với các tỉnh trung du,

tuy nhiên số thu vẫn còn nhiều khiêm tốn, cụ thể các năm 2004-2005-2006 là: 2.264; 3.364; 3.038 triệu đồng.

Khoản thu được coi là vượt kế hoạch cao nhất của huyện Định Hoá là khoản thu từ tiền sử dụng đất năm 2004 được 282 triệu đồng bằng 235 % kế hoạch; Năm 2005 thu được 452 triệu đồng tăng so với năm 2004 là 170 triệu đồng tương ứng với tốc độ tăng là 160%; năm 2006 với kế hoạch đặt ra mạnh dạn là 600 triệu nhưng với sự cố gắng của UBND, các phòng ban chức năng đến 31/12/2006 đã thu được 974 triệu đồng, đã đảm bảo và vượt mức kế hoạch là 162%.

Khoản thu mang chiều hướng triển vọng đó là phí, lệ phí: Thực hiện Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP và các thông tư, hướng dẫn của Bộ Tài Chính, các Quyết định của UBND tỉnh thực hiện Các Nghị quyết 09/2004/NQ-HĐND ngày 06/8/2004 và Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐND ngày 11/8/2005 của HĐND tỉnh Thái Nguyên khoá XI kỳ họp thứ 4 về mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh đã thấy rõ việc thu phí, lệ phí nếu thu triệt để sẽ là một khoản thu đáng kể góp vào tổng thu ngân sách trên địa bàn, năm 2004 số thực hiện là 285 triệu đồng, năm 2005 là 367 triệu đồng, năm 2006 là 412 triệu đồng; Khoản thu này được bổ sung vào ngân sách huyện 100% và được đầu tư trở lại phục vụ chính địa điểm thu phí, lệ phí.

Qua phân tích trên ta thấy thu ngân sách của Huyện Định Hoá từ năm 2004 - 2006 mặc dù về giá trị tuyệt đối còn thấp song với số thu đó cũng thể hiện sự quyết tâm, cố gắng của UBND huyện, các ban, ngành và ý thức chấp hành tốt của nhân dân huyện Định Hoá; Bảng số 2.13 cho thấy dự toán, thực hiện thu ngân sách của huyện Định Hoá từ năm 2004 đến năm 2006 như sau[16]:

Bảng 2.13 Tổng hợp thu ngân sách huyện Định Hoá**ĐVT: Triệu đồng**

S T T	NỘI DUNG	NĂM 2004			NĂM 2005				NĂM 2006			
		Kế Hoạch	Thực Hiện	TH/KH %	Kế Hoạch	Thực Hiện	TH/KH %	TĐTT %	Kế Hoạch	Thực Hiện	TH/KH %	TĐTT %
I	<u>Thu NSNN trên địa bàn</u>	3 338	4 193	125.6	4 871	6 349	130.3	151.4	5 535	6 810	123.0	107.3
A	<u>Thu trong cân đối</u>	1 638	1 929	117.7	2 071	2 985	144.1	154.8	3 035	3 772	124.3	126.4
1	<u>Thu nội địa</u>	1 638	1 929	117.7	2 071	2 985	144.1	154.8	3 035	3 772	124.3	126.4
1.1	Thu từ XNQD trung ương	15			20	25	123.7		30	146	486.9	590.2
1.2	Thu từ XNQD địa phương											
1.3	Thu từ XN có vốn đầu tư NN											
1.4	Thu từ khu vực CTN và NQD	850	1 006	118.4	1 030	1 380	134.0	137.2	1 540	1 585	102.9	114.9
1.5	Lệ phí trước bạ	12	18	148.0	17	28	163.6	156.6	32	22	67.4	77.6
1.6	Thuế sử dụng đất NN + đất rừng		33		30	34	113.7	102.7	30	61	204.0	179.5
1.7	Thuế nhà đất	50	55	110.6	41	49	120.2	89.1	60	47	77.5	94.4
1.8	Thuế thu nhập đối với người có TN cao											
1.9	Thu tiền bán nhà, thuê nhà thuộc SHNN											
1.10	Thu phí và lệ phí	300	285	95.0	325	367	112.9	128.8	230	412	179.1	112.2
1.11	Thuế chuyển quyền SD Đất	30	41	137.7	39	71	182.1	171.9	80	57	71.0	80.0
1.12	Thu tiền sử dụng đất	120	282	234.8	310	452	145.7	160.3	600	974	162.3	215.6
1.13	Thu tiền thuê đất	21	22	106.5	29	24	83.8	108.7	20	24	120.3	99.0
1.14	Thu khác của ngân sách	240	186	77.5	230	555	241.5	298.6	413	445	107.8	80.1
1.15	Thu đất rừng trồng											
2	<u>Thu hoạt động xuất nhập khẩu</u>											
B	<u>Thu quản lý qua ngân sách</u>	1 700	2 264	133.2	2 800	3 364	120.1	148.6	2 500	3 038	121.5	90.3
II	<u>Thu kết dư năm trước+chuyển nguồn</u>		1 336			2 223		166.4		2 097		94.3
III	<u>Thu tỉnh trợ cấp</u>	42 000	46 656	111.1	44 362	46 710	105.3	100.1	45 700	58 197	127.3	124.6
-	<u>Tổng cộng :</u>	45 338	52 185	115.1	49 233	55 282	112.3	105.9	51 235	67 104	131.0	121.4

[Nguồn: Phòng Tài chính - Huyện Định Hoá]

*** Về chi ngân sách**

Nội dung chi ngân sách Nhà nước bao gồm những khoản chi:

- Chi thường xuyên và chi xây dựng cơ bản giống như nội dung chi đối với thành phố Thái Nguyên.

*** Tỷ lệ phân chia:** Tỷ lệ phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách Huyện được xác định trên cơ sở tổng số chi ngân sách Huyện được giao sau khi trừ đi số thu được hưởng 100% số chênh lệch được xác định % của nguồn thu phân chia (thuế VAT, TNDN) ổn định trong ba năm 2004, 2005, 2006 là 70%.

Trên cơ sở các nguồn thu được hưởng bảo đảm cân đối ngân sách. Đối với các khoản chi thường xuyên, việc lập dự toán được dựa trên cơ sở các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ và UBND tỉnh quy định. Đối với các khoản chi đầu tư phát triển trên cơ sở bố trí kế hoạch cho các dự án có đủ điều kiện, bố trí vốn phù hợp khả năng ngân sách đồng thời ưu tiên bố trí đủ vốn để trả nợ và các dự án đang thực hiện.

Thực hiện chi ngân sách

Với số liệu tại bảng 2.14 đã phản ánh tình hình thực hiện chi ngân sách Huyện Định Hoá từ năm 2004 đến năm 2006; Nếu lấy năm 2004 làm gốc thì tốc độ tăng chi tương đối cao năm 2005 là 106% và năm 2006 là 126% tốc độ tăng chủ yếu ở các khoản chi sau:

+ Chi cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội tốc độ tăng năm 2005 so với năm 2004 là 175%, năm 2006 là 105% điều này chứng tỏ Định Hoá đã quan tâm và tập chung chỉ đạo các cơ quan đơn vị thực hiện tốt việc chuẩn bị bộ mặt huyện thị đón chào năm du lịch quốc gia về Thủ đô gió ngàn ATK-Định Hoá.

+ Khoản chi thứ hai có tốc độ tăng cao đó là chi cho quản lý hành chính đây là khoản chi Định hoá thực hiện chưa triển để dẫn đến tình trạng thực hiện nhiệm vụ chi vượt cao cụ thể năm 2005 tăng so với năm 2004 là 130% và năm 2006 là 165% đây là khoản chi cần phải chấn chỉnh ngay mặc dù với những nguyên nhân chủ quan và khách quan có thể thuyết minh được song trong giai đoạn tới cần phải có kế hoạch từng bước quy hoạch lại đội ngũ cán bộ công chức, viên

chức, tinh giảm biên chế theo chỉ thị của Chính Phủ mặt khác giảm các khoản chi khác như chi tiếp khách, hội họp, khách tiết, xăng xe . . . v v.

Trong các khoản chi thường xuyên của Huyện khoản chi có tỉ trọng chiếm lớn nhất đó là chi cho sự nghiệp giáo dục năm 2004 chiếm 52,6 %, năm 2005 chiếm 51,6% năm 2006 chiếm 49,2% tổng chi trên địa bàn; Nguyên nhân chính của số chi lớn cho sự nghiệp giáo dục là: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh đối với việc phân cấp, tự chủ tài chính, giao dự toán cho các trường, đến 31/12/2006 Định Hoá đã có trên 90% số trường có lực lượng kế toán chuyên trách do vậy chi cho đào tạo đội ngũ kế toán chuyên trách, chi lương biên chế kế toán, chi mua dụng cụ, máy vi tính phục vụ công tác kế toán cũng là một khoản chi đáng kể song đây là khoản chi cần thiết. Với số liệu này cho ta thấy tỉnh Thái Nguyên và Huyện đã đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục và đào tạo thực hiện phù hợp và đúng Nghị quyết của tỉnh Đảng bộ, Huyện Đảng bộ đối với giáo dục và đào tạo.

Khoản mục chi chiếm tỷ trọng đứng thứ hai đó là để tăng cường cơ sở hạ tầng nông thôn, đầu tư phát triển cấp xã và đầu tư phát triển nông thôn chi cho bổ sung ngân sách xã năm cao nhất năm 2006 là 16.290 triệu đồng chiếm 25,74% năm thấp nhất là năm 2005 là 11.287 triệu đồng chiếm 22,99% chi thường xuyên.

Chi cho công tác quản lý qua ngân sách là một khoản chi được chính quyền Huyện đặc biệt quan tâm, đãi ngộ đối với lực lượng viên chức này bởi chính sách đãi ngộ thực hiện tốt đồng nghĩa với việc thu hút lực lượng trẻ, có kiến thức, trình độ con, em Định Hoá sau khi học ra trường sẽ về cống hiến cho huyện nhà; Số chi qua các năm 2004, 2005, 2006 tương ứng là 2.208, 3.315, 3.038 triệu đồng. Bảng 2.14 cho thấy dự toán, thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách của huyện Định Hoá từ năm 2004- 2006 như sau [16]:

Bảng 2.14 Tổng hợp chi ngân sách huyện Định Hoá năm 2004-2006

ĐVT: Triệu đồng

S TT	Chỉ tiêu	Năm 2004				Năm 2005				Năm 2006			
		Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)	Dự Toán	Thực hiện	TH/DT (%)	TT (%)
	TỔNG CHI	45 252	49 861	110.2	100.0	49 128	53 045	108.0	100.0	51 078	66 931	131.0	100.0
<i>A</i>	<i>Tổng chi cân đối</i>	<i>40 984</i>	<i>47 401</i>	<i>115.7</i>	<i>95.1</i>	<i>46 328</i>	<i>49 555</i>	<i>107.0</i>	<i>93.4</i>	<i>48 578</i>	<i>63 893</i>	<i>131.5</i>	<i>95.5</i>
I	Chi thường xuyên	40 984	47 401	115.7	95.1	46 018	49 103	106.7	92.6	47 778	63 290	132.5	94.6
1	Chi sự nghiệp kinh tế	1 600	1 629	101.8	3.3	1 866	2 852	152.8	5.4	2 281	3 008	131.9	4.5
2	Chi phát triển N2 - nông thôn	200	255	127.5	0.5	243	516	212.3	1.0	251	317	126.3	0.5
3	Chi sự nghiệp giáo dục	26 471	26 231	99.1	52.6	27 123	27 346	100.8	51.6	27 918	32 949	118.0	49.2
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	250	407	162.8	0.8	435	519	119.3	1.0	258	488	189.1	0.7
5	Chi sự nghiệp Y tế				0.0	77	77	100.0	0.1	80	80	100.0	0.1
6	Chi sự nghiệp bảo trợ xã hội	250	405	162.0	0.8	322	626	194.4	1.2	850	911	107.2	1.4
7	Chi quản lý hành chính	2 619	4 018	153.4	8.1	4 354	5 208	119.6	9.8	4 691	8 615	183.6	12.9
8	Chi quốc phòng an ninh	260	583	224.2	1.2	262	322	122.9	0.6	280	374	133.6	0.6
9	Chi khác	200	511	255.5	1.0	176	350	198.9	0.7	200	258	129.0	0.4
10	Chi bổ sung ngân sách xã	8 704	13 362	153.5	26.8	10 453	11 287	108.0	21.3	10 249	16 290	158.9	24.3
11	Dự phòng ngân sách	430		0.0	0.0	707		0.0	0.0	720		0.0	0.0
II	Chi đầu tư phát triển				0.0	310	452	145.8	0.9	800	603	75.4	0.9
<i>B</i>	<i>Chi quản lý qua ngân sách</i>	<i>1 320</i>	<i>2 208</i>	<i>167.3</i>	<i>4.4</i>	<i>2 800</i>	<i>3 315</i>	<i>118.4</i>	<i>6.2</i>	<i>2 500</i>	<i>3 038</i>	<i>121.5</i>	<i>4.5</i>
<i>C</i>	<i>Tạm ứng chi ngoài ngân sách</i>	<i>2 948</i>	<i>252</i>	<i>8.5</i>	<i>0.5</i>		<i>175</i>		<i>0.3</i>	<i>157</i>		<i>0.0</i>	<i>0.0</i>

[**Nguồn:** *Phòng Tài chính - Huyện Định Hoá*]

*** Công tác lập dự toán, tình hình thực hiện thu chi, quyết toán ngân sách huyện Định Hoá**

Căn cứ vào chỉ thị của UBND tỉnh, hướng dẫn của sở Tài chính và thông báo kiểm tra về dự toán ngân sách của Sở Tài chính cho UBND Huyện. Căn cứ vào chủ trương cấp uỷ, Nghị quyết HĐND Huyện, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách của các đơn vị, phòng ban, các xã, phường. Phòng Tài chính Huyện phối hợp với Chi cục thuế, Phòng kinh tế kế hoạch tổng hợp dự toán ngân sách Huyện để UBND Huyện báo cáo UBND tỉnh và các ngành chức năng. Căn cứ báo cáo của Huyện, sở Tài chính, Sở Kế hoạch, Cục thuế tỉnh thảo luận dự toán ngân sách và thống nhất với UBND Huyện về dự toán thu, chi ngân sách năm của Huyện trình UBND Tỉnh phê duyệt và UBND Tỉnh quyết định giao dự toán thu chi cho ngân sách Huyện.

Nhìn chung công tác lập dự toán hàng năm đã đi vào ổn định, và nề nếp, các nguồn thu, nhiệm vụ chi tương đối ổn định.

Hết năm ngân sách các đơn vị dự toán thuộc ngân sách Huyện căn cứ số liệu thực hiện sau khi có xác nhận của Kho bạc Nhà nước lập báo cáo quyết toán trình cơ quan tài chính Huyện thẩm định, sau khi thẩm định Phòng Tài chính tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi ngân sách Huyện có xác nhận của kho bạc Nhà nước báo cáo UBND Huyện trình HĐND Huyện phê duyệt.

Đối với ngân sách xã, phường căn cứ báo cáo quyết toán xã, phường gửi lên Phòng Tài chính thực hiện thẩm định để UBND xã trình HĐND cùng cấp phê duyệt. Phòng Tài chính tổng hợp quyết toán ngân sách xã báo cáo quyết toán ngân sách Huyện, báo cáo HĐND Huyện và báo cáo sở Tài chính để tổng hợp vào ngân sách địa phương theo quy định.

2.3. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN.

2.3.1. Kết quả đạt được

- Công tác lập dự toán ngân sách nhà nước cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên nhìn chung đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản, bám sát kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương và có tác động tích cực đối với việc thực

hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trong quá trình lập dự toán ngân sách các huyện, thành phố, thị xã luôn căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - Văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng của Đảng và nhà nước trong năm kế hoạch và những năm tiếp theo, đồng thời dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước trong năm kế hoạch, tình hình thực hiện ngân sách của các năm trước, đặc biệt là trong năm báo cáo, và các chính sách chế độ, tiêu chuẩn, định mức cụ thể về thu, chi tài chính.

Công tác lập dự toán ngân sách cấp huyện đã được thực hiện đúng trình tự do Luật ngân sách ban hành, UBND các huyện, thành phố, thị xã luôn có sự chấp hành và phối kết hợp tốt với các đơn vị có liên quan như HĐND đồng cấp, UBND tỉnh, cơ quan thuế, các phường, xã, thị trấn.

Công tác thu ngân sách nhà nước của các huyện, thành phố, thị xã tại tỉnh Thái Nguyên luôn sử dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời; Các biện pháp thu đã được áp dụng một cách linh hoạt và mềm dẻo phù hợp với diễn biến khách quan của quá trình sản xuất kinh doanh ở từng cơ sở trên cơ sở tuân thủ các Luật thuế đã ban hành. Công tác thu thuế đã luôn ý thức hạn chế tối đa các thủ tục hành chính rườm rà gây cản trở cho quá trình sản xuất kinh doanh; Quy trình thu thuế được xây dựng đơn giản để làm tối thiểu hoá các chi phí phát sinh do quá trình thực hiện các biện pháp quản lý thu thuế từ phía người nộp thuế cũng như cơ quan thu thuế.

Việc xây dựng thuế đã dựa trên các văn bản pháp luật hiện hành về thuế, kế hoạch phát triển kinh tế nói chung và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh ở từng cơ sở nộp thuế, các chính sách, chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước đã ban hành, tình hình tài chính ngân sách của Nhà nước trong năm kế hoạch, đặc biệt là yêu cầu động viên nguồn thu vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức các biện pháp hành thu từ khâu đăng ký đối tượng nộp thuế, xử lý tờ khai, theo dõi nộp thuế, xử phạt và xử lý tố tụng. Công tác thanh tra thuế luôn được coi trọng đúng mức.

Công tác quản lý tiền thu thuế trong năm có rất nhiều cố gắng, đảm bảo đúng nguyên tắc chế độ thu nộp tiền và các khoản thu khác đầy đủ kịp thời vào kho bạc nhà nước, không sai sót giữa biên lai và tiền thuế thực nộp. Năm chắc các nguồn thu, duy trì chế độ báo cáo kịp thời theo quy định của ngành và UBND huyện, thành phố, thị xã. Công tác tính thuế và thống kê đã được thực hiện đúng quy trình của ngành đã đề ra, thực hiện tốt chương trình quản lý thuế trên máy vi tính, thường xuyên chấm bộ đúng, đủ, kịp thời để nắm chắc tình hình tồn đọng thuế và thẩm hạch biên lai để báo cáo kịp thời với lãnh đạo, thực hiện chế độ miễn giảm thuế đúng quy trình và nguyên tắc.

- Về chi ngân sách nhà nước:

+ Chi về đầu tư xây dựng cơ bản: Các công trình thuộc các huyện, thành phố, thị xã đã thực hiện tương đối tốt trình tự thủ tục xây dựng cơ bản theo luật xây dựng. Các khâu từ lập dự án khả thi, thẩm định dự toán, giao thầu, tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán công trình được thực hiện tốt theo quy định.

Thông qua chế độ cấp vốn đầu tư trực tiếp cho công trình dự án việc thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã đảm bảo đúng kế hoạch, đúng mục đích. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản được kế hoạch hoá và được cấp trực tiếp cho mỗi chủ đầu tư để xây dựng mới, Cải tạo, trang bị lại kỹ thuật; Quá trình chi phí tiền vốn được thực hiện dưới sự kiểm tra của Kho bạc nhà nước nhằm đảm bảo sử dụng đúng mục đích và hợp lý vốn đầu tư. Việc cấp phát vốn đầu tư đã được thực hiện theo đúng mức độ thực tế hoàn thành kế hoạch, trong phạm vi dự toán được duyệt.

Phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã đã có sự phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan trong đó đặc biệt là phòng quản lý đô thị, phòng công thương, thực hiện xuất toán những khoản thu không đúng thiết kế dự toán góp phần chống thất thoát trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, tiết kiệm chi cho ngân sách.

+ Về chi thường xuyên: Kế hoạch chi thường xuyên là một bộ phận rất quan trọng của kế hoạch chi ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã do đó

khi lập kế hoạch chi thường xuyên các huyện, thành phố thị xã căn cứ chủ trương của Nhà nước về duy trì, phát triển các hoạt động thuộc bộ máy quản lý nhà nước, các hoạt động sự nghiệp, hoạt động quốc phòng an ninh và các hoạt động khác trong từng giai đoạn nhất định; Bởi dựa vào các căn cứ này sẽ giúp cho việc xây dựng kế hoạch chi thường xuyên của ngân sách nhà nước có cách nhìn tổng thể về mục tiêu mà ngân sách nhà nước phải hướng tới.

Kế hoạch chi thường xuyên đã dựa vào các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là các chỉ tiêu có liên quan trực tiếp đến việc cấp phát kinh phí chi phí thường xuyên của ngân sách nhà nước kỳ kế hoạch. Thăm tra tính đúng đắn, hiện thực, tính hiệu quả của các chỉ tiêu thuộc kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội. Trên cơ sở đó, có kiến nghị điều chỉnh lại các chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp.

Xây dựng kế hoạch chi thường xuyên đã dựa vào khả năng nguồn kinh phí có thể đáp ứng cho nhu cầu chi thường xuyên kỳ kế hoạch, các chính sách chế độ chi thường xuyên của ngân sách nhà nước hiện hành và dự đoán những điều chỉnh hoặc thay đổi có thể xảy ra trong kỳ kế hoạch, Kế hoạch chi thường xuyên đã được thực hiện đúng về trình tự và thời gian.

Công tác quyết toán và kiểm toán các khoản chi thường xuyên luôn được thực hiện tốt. Các loại báo cáo tài chính cơ bản được lập đầy đủ và gửi đúng thời gian quy định. Số liệu báo cáo được phản ánh trung thực, chính xác. Nội dung các báo cáo tài chính luôn theo đúng các nội dung ghi trong dự toán được duyệt vào đúng mục lục ngân sách nhà nước đã quy định.

Công tác thanh tra kiểm tra cũng là một công tác hết sức quan trọng, Chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố luôn chú trọng quan tâm chỉ đạo công tác kiểm tra quản lý cán bộ. Trong quá trình kiểm tra đã phát hiện nhiều trường hợp có đơn xin nghỉ kinh doanh nhưng thực tế vẫn kinh doanh, đã lập biên bản xử lý truy thu thuế nộp vào ngân sách nhà nước. Công tác kiểm tra đối tượng

thuế đã được thực hiện kiểm tra thường xuyên và phát hiện ra hàng trăm hộ mới ra kinh doanh, đưa vào quản lý thu thuế. Kiểm tra doanh thu và chế độ sử dụng hoá đơn đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn, phát hiện hàng trăm hộ có doanh thu thực tế cao hơn doanh thu thuế, đã tiến hành điều chỉnh doanh thu với số thuế tăng hàng trăm triệu đồng. Kiểm tra chế độ sử dụng hoá đơn phát hiện trường hợp ghi chép hoá đơn bán hàng không đúng quy định, có tính chất gian lận doanh thu. Chi cục thuế đã kết hợp với phòng tài chính kiểm tra quyết toán tài chính của các xã, phường để kiểm tra tình hình quản lý thu nộp lệ phí và phí, các khoản thu khác. Qua kiểm tra đã phát hiện một số đơn vị sử dụng sai chứng từ thu phí, lệ phí đã kiến nghị nộp vào ngân sách. Công tác kiểm tra nội bộ ngành thực hiện tách ba bộ phận thường xuyên duy trì, nhằm tăng cường nâng cao trình độ, phẩm chất đạo đức của người cán bộ thuế.

2.3.2. Những hạn chế

*** Lập dự toán ngân sách**

Các phường, xã các đơn vị dự toán thuộc các huyện, thành phố, thị xã lập dự toán ngân sách hàng năm còn chậm, dẫn đến tổng hợp ngân sách của một số huyện còn chậm.

Việc lập dự toán ngân sách các huyện, thành phố, thị xã hàng năm chưa thật sự xuất phát từ cơ sở. Nguyên tắc là dự toán ngân sách cấp huyện phải được xây dựng từ dự toán của các đơn vị trực thuộc gửi lên. Trên thực tế việc xây dựng dự toán ngân sách cấp huyện chủ yếu là ấn định dựa theo tính toán của cấp trên là chủ yếu; Các đơn vị sử dụng ngân sách thường xây dựng dự toán chi cao đề nghị bổ sung cân đối, mặt khác nguồn thu lại có hạn, tỉnh lại không chế khoản trợ cấp cân đối. Điều này làm cho dự toán ngân sách được giao chưa sát với đặc điểm tình hình của đơn vị, làm cho một số đơn vị gặp khó khăn, thiếu hụt trong chi tiêu. Một số xã, phường xây dựng nguồn thu không sát với thực tế nên có nơi vượt thu nhiều thì thừa cân đối ngân sách, nơi thu không đạt thì rơi vào tình trạng lúng túng bị động.

Tiêu chí phân bổ ngân sách chưa khoa học, thiếu tính tự chủ và linh hoạt. Cụ thể hiện nay tình phân bổ ngân sách cho công việc của các đơn vị hành chính bình quân theo đầu người: Các cơ quan cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã là 19,5 trđ/người/năm; Các đơn vị sự nghiệp cấp huyện được chia làm hai đối tượng: Các huyện miền núi như Định Hoá, Võ Nhai là 15,5 trđ/người/năm, Các huyện, thị, thành phố còn lại là 15 trđ/người/năm.

Việc phân bổ này không phụ thuộc vào đặc điểm của từng đơn vị cụ thể. Văn phòng UBND các huyện, thành phố, thị xã, Văn phòng huyện uỷ, thành uỷ, thị uỷ do đặc điểm hoạt động, phải chi tiêu lớn hơn nhiều các phòng ban khác trong khi đó lại có cùng một định mức chi tiêu nên cần phải điều chuyển từ nguồn khác để bổ sung.

Khi lập dự toán giao nhiệm vụ chi ngân sách cho các xã, phường, chỉ có các khoản chi lương, đảm bảo xã hội là có định mức rõ ràng còn các khoản chi còn lại: Chi sự nghiệp kinh tế, văn hoá, an ninh, quốc phòng, chi khác; Tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã chưa ban hành định mức chi cho cấp xã, phường, thị trấn nên việc giao nhiệm vụ chi cho các xã phường, thị trấn chủ yếu là ấn định chủ quan. Dẫn đến việc chấp hành dự toán ngân sách của xã, phường bị động, không đạt được hiệu quả cao. Ta xem ví dụ sau:

Bảng 2.15 Dự toán chi giao năm 2006 của một số phường, xã thuộc huyện Định Hoá, thành phố Thái Nguyên

Nội dung	P.Trung Thành TPTN	P.Hương Sơn TPTN	Xã Tân Dương Định Hoá	Xã Quy kỳ Định Hoá
A. Tổng chi	2 035 800	2 350 000	1 870 000	1950 000
- Chi S.nghiệp G.dục đào tạo	15 000	14 000	10 000	11 000
- Sự nghiệp bảo trợ xã hội	7 000	7 000	6 000	6 000
- Sự nghiệp VH TT và TDTT	9 000	9 000	7 000	7 000
- Chi DQ, TV & TTATXH	15 000	15 000	12 500	13 450
- Chi khác	18 000	18 000	15 000	15 000

[Nguồn: Bộ phận quản lý ngân sách xã-phòng Quản lý ngân sách nhà nước]

Qua bảng dự toán trên ta có thể thấy được việc giao nhiệm vụ chi ngân sách cho các phường, xã là chung chung, không có định mức cụ thể.

- Việc phân bổ ngân sách cho các đơn vị sử dụng còn chậm. Theo quy định tại điều 50 Luật ngân sách nhà nước thì “Việc phân bổ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương năm sau cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện trước ngày 31/12 năm trước” nhưng thực tế việc phân bổ ngân sách cho các đơn vị trực thuộc thành phố thường phải chờ kỳ họp HĐND cấp huyện mới thông qua được dự toán ngân sách. Điều này làm cho các đơn vị sử dụng ngân sách bị động trong điều hành công việc.

* Thu ngân sách

Tình hình kinh doanh ở một số địa bàn không ổn định. Hầu hết Chợ trung tâm các huyện do đặc điểm kinh doanh theo thời vụ dẫn đến công tác quản lý thu thuế muộn bài đầu năm gặp khó khăn. Việc quản lý thu về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp nên dẫn đến tình trạng thất thu thuế. Công tác quản lý diện hộ phức tạp, một số hộ kinh doanh không thực hiện đúng thời gian trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế như kinh doanh vận tải, xây dựng và cho thuê nhà. . . vv.

Sự kết hợp giữa đội thuế và hội đồng tư vấn thuế phường, xã chưa cao, có lúc, có nơi còn mang tính chất khoán thu cho đội thuế. Công tác nắm hộ gia đình kinh doanh chưa được quan tâm, chưa có biện pháp hoặc chưa hợp lý trong công tác thu thuế kinh doanh vận tải, kinh doanh thầu xây dựng tư nhân, thuế thuê nhà. Đối với thu thuế cấp quyền, chuyển quyền sử dụng đất và thu lệ phí trước bạ do hộ cá nhân sử dụng đất chưa chấp hành đúng quy định của nhà nước nên thủ tục làm chưa kịp thời.

Tính đến thời điểm năm 2006 trên địa bàn thành phố, các huyện, thị xã có rất nhiều đơn vị sự nghiệp song chỉ nói riêng huyện định hoá và thành phố Thái Nguyên thì hầu hết các Ban quản lý chợ, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Ban quản lý thu phí như phí cầu, phí trông giữ máy, xe đạp, ô tô, phí

Bến bãi, mặt nước...chưa thực hiện chế độ khoán theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP của Chính phủ nên đây cũng là một trong những nguyên nhân làm giảm nguồn thu trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã.

Một số khoản thu khác giao cho các xã, phường thu còn xảy ra tình trạng thất thu: Thu tiền thuê sử dụng ao, hồ mặt nước, đất 5%, một số nơi không thực hiện đấu thầu, làm giảm thu cho ngân sách; Thu nghĩa vụ lao động công ích còn đạt thấp vào khoảng 65% so với số phải thu.

*** Chi ngân sách**

- Chi thường xuyên:

Chi ngân sách ở một số cơ quan, đơn vị, xã phường còn chưa thực hiện đúng chế độ tài chính và chưa có hiệu quả. Một số xã phường chi không theo như dự toán nhưng lại không đề nghị điều chỉnh. Giữa dự toán thực hiện dự toán có sự chênh lệch lớn, nhưng vẫn chưa được sự chấp nhận quyết toán. Điều này là trái với quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chưa thực hiện các chế độ chính sách chỉ tiêu một cách nghiêm túc như công tác phí, chi tiêu hội nghị. . nhiều cuộc hội thảo, hội nghị còn phô trương hình thức, đặc biệt chi hành chính nhiều nội dung không thiết thực. Các khoản chi thường xuyên của nhiều đơn vị chưa thực hiện đúng chế độ chứng từ hoá đơn theo quy định. Nhiều đơn vị chi tiêu với số tiền lớn nhưng chỉ có chứng từ viết tay (không hợp lệ) vẫn được thanh quyết toán (theo quy định mua hàng có giá trị trên 100.000 đồng phải có hoá đơn thuế giá trị gia tăng).

Nguồn thu ngân sách trong năm không đều đặn, tập trung vào cuối năm, lúc cần thì không có tiền để chi làm ảnh hưởng đến triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm kế hoạch. Cuối năm khi có đủ nguồn thu thì cấp cho đủ kế hoạch, dẫn đến chi tiêu không hợp lý, xảy ra tình trạng chạy khối lượng, nghiệp vụ không khối lượng trong xây dựng cơ bản. Trong chi thường xuyên thì tìm mọi cách hợp lý hoá chứng từ để sử dụng hết kinh phí, gây thất thoát ngân sách.

Một số ngành nghề chưa có định mức chi tiêu, định mức kinh tế kỹ thuật hoặc sử dụng định mức của ngành khác có loại hình tương tự nên công việc lập dự toán cấp phát kinh phí, kiểm soát chi tiêu thiếu căn cứ pháp lý. (công ty quản lý đô thị Thái Nguyên, ban quản lý môi trường thị xã Sông Công)

- Chi ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản:

Trong thời gian qua các huyện, thành phố, thị xã đã xác định đúng hướng đề đầu tư, đồng thời đã cân đối được nguồn vốn đầu tư. Tuy nhiên vấn đề còn nhiều bất cập chính là ở việc quy hoạch, bố trí kế hoạch vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư chung của các huyện, thành phố, thị xã và cụ thể hoá cho từng dự án, từng ngành, để sớm đưa dự án vào hoạt động. Đầu tiên là khâu ghi chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư của tỉnh hàng năm mang tính dàn trải “xin cho” quá lớn. Nhiều khoản chi mang tính chất đầu tư xây dựng cơ bản như chi từ nguồn bảo dưỡng đường xá, sửa chữa lớn các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, vẫn chưa được quản lý theo điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản của nhà nước, gây lãng phí và thất thoát. Chi ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản thông qua kênh cấp phát, thường chia nhỏ, dàn trải. Nguyên nhân một phần do sản phẩm xây dựng cơ bản dở dang hàng năm lớn, một phần do chỉ tiêu kế hoạch thông báo chậm, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản phức tạp, dự án và nguồn vốn đầu tư cho dự án không đi song song với nhau dẫn đến kéo dài, đồng nghĩa với lãng phí, thất thoát, vi phạm điều lệ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Nói tóm lại hiệu quả sử dụng vốn ngân sách không cao.

Thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm (nhà nước 80% nhân dân 20%) trong việc thực hiện kiên cố hoá kênh mương tại các địa phương trên địa bàn tỉnh có một tình trạng chung đó là phần vốn của nhân dân đóng góp chậm, dẫn đến khó khăn trong thanh quyết toán vốn đầu tư.

* Về kế toán và quyết toán ngân sách:

- Qua kiểm tra thực tế cho thấy nhìn chung chất lượng kế toán còn yếu. Các đơn vị chưa chấp hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh kế toán thống kê về chế độ chứng

từ, về nguyên tắc ghi sổ, về sử dụng tài khoản kế toán. Cán bộ kế toán chưa thật sự độc lập về chuyên môn nghiệp vụ theo chế độ kế toán, báo cáo kế toán còn gửi chậm; Theo quy định của Bộ Tài chính thì thời gian gửi báo cáo kế toán như sau: Đơn vị dự toán cấp I gửi chậm nhất là ngày 25 sau khi kết thúc quý (đối với báo cáo kế toán hàng quý); chậm nhất là ngày 15/2 năm sau (đối với báo cáo năm), đối với Ban Tài chính xã chậm nhất là ngày 15 sau khi kết thúc quý, và ngày 15/2 năm sau. Nhưng các phường, xã thường gửi báo cáo quý sau hơn một tháng kể từ khi kết thúc quý và sau tháng 3 mới gửi báo cáo năm, điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ lập báo cáo ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã.

Tại điều 6 Luật ngân sách nhà nước quy định “Các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước phải được hạch toán kế toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ” vào ngân sách nhà nước. Nhưng có một số đơn vị đã vi phạm Luật ngân sách nhà nước khi để ngoài sổ sách kế toán các khoản kinh phí ngân sách như thu tiền đất, tiền cho thuê nhà, thu tiền phi, lệ phí... Ngoài ra còn vi phạm pháp lệnh kế toán thống kê.

* Chế độ công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước chưa được thực hiện nghiêm túc; Theo Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước các cấp thì ngân sách các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị dự toán, các xã, phường đều phải thực hiện công khai tài chính[14]. Thực tế trong những năm qua, ngân sách các huyện, thành phố, thị xã chỉ thực hiện công khai trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, chưa thực hiện niêm yết tại trụ sở. Các đơn vị dự toán thì hầu hết chưa thực hiện công khai theo quy định này. Như vậy là chưa thực hiện công khai theo quy định này và chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, cần có biện pháp khắc phục kịp thời.

* Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách nhà nước:

Đối với cán bộ phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã tuy đã được quan tâm đào tạo hầu hết đã có trình độ cử nhân, đã đi sâu về chuyên môn

ng nghiệp vụ quản lý chuyên ngành song đối với kiến thức quản lý kinh tế tổng hợp, kiến thức về quản lý nhà nước vẫn còn hạn chế. Quản lý cơ sở còn mang tính hình thức, chưa đi sâu, sát cơ sở, sử lý công việc có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, đúng tiến độ mặc dù đã đề ra thời gian thụ lý và giải quyết công việc.

Đối với cán bộ ngân sách xã, phường một phần không nhỏ cũng chưa được đào tạo cơ bản, chính quy nên nghiệp vụ một số đơn vị còn yếu theo số liệu thống kê của bộ phận ngân sách huyện, xã - Phòng Ngân sách - Sở Tài chính đến 31/12/2006 số cán bộ làm trưởng ban tài chính, kế toán xã, phường có trình độ đại học là 16,6 % trình độ trung cấp là 25%, còn lại là có trình độ sơ cấp hoặc đào tạo cấp tốc ngắn hạn.

+ Cơ chế quản lý tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên còn nhiều vấn đề chưa hợp lý, cần phải được bổ sung sửa đổi cho phù hợp cụ thể là đối với công ty TNHH một thành viên quản lý một trường và công trình đô thị với nhiệm vụ làm vệ sinh môi trường đô thị, quản lý và vận hành điện chiếu sáng công cộng, nạo vét cống rãnh thoát nước, chăm sóc cây xanh công viên, cây xanh trên dải phân cách trên đường phố. Hiện nay việc xây dựng dự toán, cấp phát kinh phí cho công ty được thực hiện như một đơn vị sự nghiệp có thu. Tất cả các khoản chi hoạt động sự nghiệp sau khi đã trừ đi số tiền mà đơn vị thu được như: (phí vệ sinh, phí lệ đường bến bãi, dịch vụ thu gom rác. . .) thì được ngân sách cấp phát. Hầu hết các khoản chi cho các hoạt động của công ty đều không có định mức của cấp có thẩm quyền, mà chỉ sử dụng, áp dụng các định mức của các ngành khác gần giống nên khi giao dự toán, phần thu chủ yếu là dựa vào số thu thực hiện của năm trước. Phần chi cho con người của công ty dựa vào số lao động thực có và nhu cầu dự kiến tăng thêm theo ý muốn chủ quan chứ chưa căn cứ vào khối lượng công việc, định mức lao động để tính ra nhu cầu lao động, xác định quỹ lương. Khi duyệt dự toán thì cấp trên căn cứ vào khả năng kinh phí mà cắt bớt một phần nhu cầu nào đó của đơn vị. Như vậy dự toán

thiếu khách quan và thiếu tính pháp lý. Để minh họa nội dung này xem bảng dự toán, quyết toán thu, chi của công ty năm 2005.

Bảng 2.16 Bảng tổng hợp dự toán và quyết toán thu, chi năm 2005

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Giá trị	
		Dự toán	Quyết toán
I	Tổng thu sự nghiệp và dịch vụ	2.250	2.688
1	Thu phí vệ sinh	250	269
2	Thu dịch vụ công cộng	150	221
3	Thu phí bến bãi	110	123
4	Thu dịch vụ tang lễ	150	210
5	Thu môi trường	460	432
6	Thu dịch vụ khác	120	166
7	Thu từ dịch vụ xử lý rác thải	300	368
8
II	Tổng chi	5.350	5.788
1	Chi tiền lương, tiền công	550	555
2	Chi điện chiếu sáng công cộng	1550	1668
3	Chi quản lý cây xanh	70	88
4	Chi sửa chữa lớn	80	50
5	Chi quản lý	300	310
6
7	Chi khác	70	85
III	Số ngân sách cấp	3.100	3.100

[Nguồn: Phòng Tài chính Doanh Nghiệp Sở Tài chính Thái Nguyên]

Sau khi dự toán năm được UBND Thành phố duyệt, căn cứ vào dự toán được duyệt, phòng Tài chính cấp số tiền kinh phí cho công ty theo kế hoạch. Số tiền được cấp phát theo dự toán luôn được đơn vị sử dụng triệt để nên số cấp phát dự toán luôn bằng số quyết toán. Như vậy cơ chế cấp phát ngân sách cho doanh

nghiệp như trên tạo ra sự bao cấp cho doanh nghiệp. Xuất phát từ việc không nghiệm thu được khối lượng công việc dẫn đến không kiểm soát được đầu ra, tiết kiệm chi phí không được xác định mặc dù có tiết kiệm cũng không được khen thưởng. . . vậy khi có nguồn thì việc tìm cách để sử dụng hết nguồn đó là không tránh khỏi, không tính đến tính hiệu quả và tiết kiệm nên toàn bộ số tiền cấp theo dự toán luôn được thanh quyết toán. Với cơ chế như vậy ngân sách nhà nước không được quản chặt chẽ, mặt khác không khuyến khích người lao động.

Cơ chế “xin cho” luôn tồn tại trong việc cấp phát ngân sách; Cụ thể đối với việc cấp phát cho ngành giáo dục huyện, thành phố, thị xã: Phòng Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí cho phòng Giáo dục, phòng Giáo dục cấp phát kinh phí cho các trường, việc cấp phát cho các trường là bao nhiêu do phòng Giáo dục phân bổ, qua nhiều khâu, thủ tục nên các trường nhận kinh phí thường chậm dẫn đến có kinh phí kịp thời chi cho hoạt động của trường, ảnh hưởng đến đời sống, tinh thần và chất lượng giáo dục.

+ Việc triển khai tin học hóa công tác kế toán theo dự án của Bộ Tài chính chưa được triển khai đúng tầm, triển khai còn chậm, số lượng đơn vị áp dụng phần mềm kế toán ngân sách xã, phường, phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm quản lý tài sản tại các huyện, thành phố chưa cao, hầu hết các đơn vị dự toán cấp II cả cơ quan chỉ có một chiếc máy vi tính do vậy việc quản lý tương đối khó khăn, nguy cơ hỏng hóc thiết bị, lây nhiễm virus tương đối cao, không đảm bảo cho việc sử dụng phần mềm quản lý.

+ Công tác quản lý tài sản công tại cơ quan hành chính sự nghiệp, xã, phường còn nhiều vướng mắc như theo dõi hồ sơ, danh mục tài sản không liên tục; Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản chưa được làm đúng quy định; Cơ quan tổng hợp, quản lý việc sử dụng tài sản công chưa theo dõi và tổng hợp đầy đủ tình hình tài sản các đơn vị dự toán cấp dưới, việc mua sắm tài sản còn tùy tiện, không sát với nhu cầu thực tế, còn có tình trạng mua sắm vượt định mức quy định của Bộ Tài chính.

+ Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách tại các đơn vị dự toán, xã phường, thị trấn chưa được quan tâm đúng mức, công tác thanh kiểm tra, chấn chỉnh việc thực hiện không thường xuyên mà mang tính vụ việc.

2.3.3. Nguyên nhân hạn chế

** Nguyên nhân khách quan*

Tình trạng thiếu năng động, sáng tạo trong quản lý ngân sách nhà nước bộc lộ rất rõ ràng của cơ chế bao cấp còn rơi rớt lại đối với ngành Tài chính. Đối với chính sách quản lý vĩ mô cũng có những bất cập nhất là trong việc lập, quyết định và phân bổ ngân sách. Phân bổ ngân sách cấp dưới phải phù hợp với ngân sách cấp trên theo từng lĩnh vực và khi được tổng hợp chung phải đảm bảo mức Hội đồng nhân dân thông qua, không được bố trí tăng giảm các khoản chi trái với định mức được giao. Chính điều này đã không khuyến khích địa phương ban hành các chính sách, chế độ, biện pháp nhằm thực hiện tốt dự toán. Các định mức, chế độ, tiêu chuẩn nhà nước ban hành chưa đầy đủ, lại chậm thay đổi nên không phù hợp với tình hình thực tế, có lúc không thực hiện được.

Chính sách tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách chưa được cụ thể hoá đầy đủ để có căn cứ thực hiện có hiệu quả nguồn kinh phí.

Sau khi luật ngân sách ra đời và tổ chức triển khai thực hiện, ngân sách cấp xã đã được xác định là một cấp ngân sách trong hệ thống ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, giữa yêu cầu quản lý theo Luật và trình độ đội ngũ kế toán còn nhiều bất cập chưa đáp ứng được nhiệm vụ đề ra. Mặt khác, cán bộ tài chính xã chưa được quan tâm đúng mức về thu nhập và đào tạo nghiệp vụ chuyên môn.

Do nguồn thu được phân cấp, điều tiết thì nhỏ và tăng chậm mà nhu cầu chi cho việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương lại lớn dẫn đến căng thẳng trong cân đối ngân sách.

** Nguyên nhân chủ quan.*

Sự chỉ đạo điều hành của UBND các Huyện, thành phố, thị xã, của các cấp, các ngành trên địa bàn chưa tập trung và hiệu quả còn thấp, giao việc cho phòng Tài chính song lại không quan tâm, sát sao chỉ đạo và chưa có sự hỗ trợ

giúp đỡ phòng Tài chính thực hiện tốt chức năng của mình. Mặt khác phòng Tài chính chưa thực hiện tốt chức năng tham mưu cho UBND các huyện, thành phố, thị xã trong quản lý ngân sách. Các ngành có liên quan như thanh tra, tổ chức chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý ngân sách.

Sự chỉ đạo của sở Tài chính trong một số lĩnh vực thiếu kiên quyết. ví dụ hàng năng sở Tài chính vẫn tham gia duyệt dự toán, quyết toán ngân sách cho Công ty quản lý đô thị Thành phố mặc dù chưa có định mức chế độ tiêu chuẩn làm căn cứ nhưng vẫn để cho tình trạng trên kéo dài mà chưa có biện pháp hữu hiệu. Quản lý tài sản công của toàn tỉnh tuy có đề ra chương trình hành động, tập huấn nghiệp vụ, tập huấn phần mềm Quản lý tài sản song vẫn buông lỏng trong chỉ đạo do vậy, đến nay việc nắm tình hình tài sản công của các đơn vị một cách không kịp thời và chưa thu được kết quả mong muốn.

Trình độ phẩm chất năng lực của cán bộ quản lý ngân sách nhà nước chưa theo kịp được yêu cầu nhiệm vụ mới. Đội ngũ công chức làm công tác ngân sách ở các huyện thành phố, thị xã chưa được đào tạo bồi dưỡng định kỳ, chưa tổ chức đúc rút được kinh nghiệm trong công tác chuyên môn.

Một số xã, phường còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của ngân sách tỉnh thông qua việc trợ cấp từ nguồn dự phòng của tỉnh, nên xảy ra tình trạng làm trước xin sau làm cho một số công trình xây dựng cơ bản không tuân thủ trình tự và kéo theo nợ phải trả của các phường xã dây dưa kéo dài. Đây chính là một trong những nguyên nhân làm cho việc quản lý chi ngân sách lúng túng và đạt hiệu quả thấp.

Việc quản lý ngân sách còn thiếu kiên quyết, nghiêm minh trong xử lý vi phạm chính sách chế độ, chi tiêu lãng phí kém hiệu quả, trong việc mua sắm tài sản công; Ngoài ra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vẫn mang tính hình thức chưa được thực hiện tốt nguyên tắc công khai tài chính; Có lúc, có việc HĐND cấp huyện chưa thực sự hoàn thành chức năng giám sát đối với ngân sách nhà nước.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2010

- Phát triển kinh tế xã hội Thái Nguyên trong thế chủ động hội nhập và cạnh tranh quốc tế, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác với các địa phương ngoài tỉnh đặc biệt là các địa phương trong vùng trung du miền núi Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, liên kết đầu tư phát triển giữa các huyện, đẩy nhanh, mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế đầu tư.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển mạng lưới đô thị và điểm dân cư tập trung kiểu đô thị theo hướng hiện đại, gắn với vành đai nông thôn; nông thôn được phát triển theo hướng văn minh, bảo tồn được các giá trị văn hoá của làng, bản.

- Phát huy sức mạnh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, huy động tối đa các nguồn lực, trung phát triển những ngành hàng tỉnh có lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai, thị trường phát triển phù hợp với quy hoạch công nghiệp của tỉnh, tăng tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp; Không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ; Phát triển gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn tạo sự phát triển nhanh và bền vững, phát đầu đến năm 2010 đưa tỉnh Thái Nguyên ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Một số chỉ tiêu chủ yếu về định hướng phát triển

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP bình quân hàng năm trong giai đoạn 2006 – 2010 từ 10% – 11%/năm. Trong đó Công nghiệp – Xây dựng tăng từ 14%-15%; Nông lâm nghiệp tăng 5%; dịch vụ tăng 10%. GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 9,8 triệu đồng đến 10 triệu đồng/người/năm.

b. Cơ cấu kinh tế đến năm 2010 phấn đấu đạt: Công nghiệp- Xây dựng: 45%; Dịch vụ 37%; Nông lâm nghiệp: 18%. Sản lượng lương thực có hạt đến 2010 đạt 440 000 tấn trở lên.

c. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm 20%.

d. Kinh ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng hàng năm: 15% so với thực hiện năm trước.

e. Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm tăng 15% so với thực hiện năm trước; Đến năm 2010 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt từ 1.100 tỉ đồng trở lên.

f. Thay thế 100% phòng học tạm, xây dựng phòng học thiếu; Hoàn thành phổ cập trung học phổ thông; Phấn đấu trên 50% số trường đạt chuẩn quốc gia về giáo dục .

g. Hàng năm giải quyết thêm việc làm mới cho 15.000 lao động.

h. Giảm tỉ lệ hộ nghèo đến năm 2010 xuống còn dưới 3%.

i. Giảm tỉ lệ sinh bình quân hàng năm 0,015%.

Với chỉ tiêu phát triển kinh tế như trên, định hướng phát triển của các ngành như sau:

+ Đối với ngành công nghiệp: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu gồm Chế biến nông lâm sản; Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; Công nghiệp nặng, cơ khí chính xác, điện, điện tử; Công nghiệp khai khoáng và chế biến khoáng sản; Các ngành công nghiệp khác; Phát triển tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn; Phấn đấu giá trị sản xuất trong toàn ngành nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 20% trong đó công nghiệp trung ương tăng 21% công nghiệp địa phương tăng 18,5% công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17%.

+ Đối với ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn; Ngành nông nghiệp: Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, tạo ra bước chuyển biến mới trong sản xuất; Ngành Lâm nghiệp: Tập chung vào đầu tư xây dựng vốn rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng, phần lớn diện tích rừng, đất

rừng được giao cho các đơn vị, các tổ chức cá nhân quản lý, hạn chế được tình trạng khai thác rừng bừa bãi, trái phép.

Phân đầu giá trị sản xuất trong toàn ngành nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 6,5%; Giá trị tăng thêm GDP hàng năm tăng 5%. Trong đó trồng trọt tăng 3,5%, chăn nuôi tăng 7%; Thủy sản tăng 6% và lâm nghiệp tăng 6%. Cơ cấu toàn ngành đến 2010 đạt: Trồng trọt 65,3%, chăn nuôi 31%, dịch vụ toàn ngành 3,7%.

+ Phát triển ngành dịch vụ, thương mại: Phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân hàng năm 15%, khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 15% và khối lượng luân chuyển hành khách tăng hàng năm 18% [15].

3.2. QUAN ĐIỂM VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN Ở TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2010

- Tập trung cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ nguồn thu và nhiệm vụ chi của NSNN cấp huyện để tăng cường tính chủ động của cấp ngân sách địa phương, xác định rõ nhiệm vụ trọng yếu như nâng cao tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước, cụ thể tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, đường điện, trường học, trạm xá theo chủ trương giai đoạn II Quyết định 135/1998/QĐ-TTG ngày 31/7/1998 phê duyệt chương trình phát triển kinh tế- xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa.

- Động viên về thuế, phí vào ngân sách nhà nước song phải giải quyết hài hoà được lợi ích kinh tế giữa Nhà nước, doanh nghiệp, xã hội, phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tiến trình hội nhập khu vực, quốc tế, hạn chế tối đa tình trạng thất thu, trốn lậu thuế, thực hiện thu đúng, thu đủ mọi nguồn thu vào NSNN.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả điều hành ngân sách trên địa bàn; tích cực khai thác mọi nguồn thu cho ngân sách từ các khu vực kinh tế, đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng, triệt để tiết kiệm trong chi thường

xuân, ưu tiên chi đầu tư phát triển; Tổ chức tốt thực hiện dự toán thu, chi ngân sách đã được HĐND các huyện, thành phố, thị xã thông qua hàng năm. Đảm bảo chi ngân sách phục vụ cho việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế xã hội do đại hội Đảng bộ đề ra.

Chấp hành tốt Luật ngân sách Nhà nước; Tiết kiệm trong chi tiêu, thực hiện tốt pháp lệnh về thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Tăng cường kiểm tra kiểm soát, đưa dần các khoản chi ngân sách trên địa bàn đi vào nề nếp theo đúng chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Từng bước nâng số xã phường tự cân đối được ngân sách. Khai thác triệt để mọi nguồn thu ngân sách từ các khu vực kinh tế, trong đó huy động tối đa các nguồn thu trong nước để đáp ứng nhu cầu chi ngân sách.[15]

3.3. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

3.3.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán

Lập dự toán là việc lên kế hoạch thu, chi ngân sách cho năm ngân sách tới, toàn bộ các dự kiến về các khoản thu, chi ngân sách cho năm ngân sách tới, các dự kiến về các khoản thu như thuế, phí, lệ phí . . . và các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển. . . Lập dự toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản lý ngân sách cũng như làm cho ngân sách có tính ổn định, an toàn và hiệu quả như vậy chất lượng của công tác quản lý ngân sách phụ thuộc rất nhiều vào công tác lập dự toán.

- Theo Luật Ngân sách năm 2002 thì lập dự toán ngân sách nhà nước phải căn cứ vào phương hướng, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ phát triển kinh tế - Văn hoá - Xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương trong năm kế hoạch và những năm tiếp theo, song với thực trạng trong khâu lập dự toán cấp huyện tại Thái Nguyên cần phải hạn chế ngay tình trạng dự toán của đơn vị trực thuộc xây dựng thiếu căn cứ, thiếu định mức, xa rời khả năng ngân sách, nộp dự toán chậm.

- Cần phân cấp công tác thu ngoài quốc doanh trên địa bàn cho cấp huyện và cho được hưởng 100% khoản thu này nhằm giảm trợ cấp cân đối ngân sách từ tỉnh về; Có như vậy mới nâng cao vai trò quản lý nhà nước của cấp huyện trong việc quản lý các doanh nghiệp và tạo được cơ chế thu hút vốn đầu tư tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó sẽ tạo ra nguồn thu cho địa phương và chủ động trong sử dụng nguồn thu.

- Lập dự toán ngân sách nhà nước phải tính đến các kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách của các năm trước, đặc biệt là của năm báo cáo. Lập dự toán ngân sách nhà nước phải dựa trên các chế độ chính sách, tiêu chuẩn, định mức cụ thể về thu, chi tài chính.

- Lập dự toán ngân sách nhà nước phải đảm bảo đúng trình tự và thời gian. Đối với số thu của các doanh nghiệp phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, các Luật thuế, Pháp lệnh về phí, lệ phí và các chế độ thu ngân sách; Cần dự kiến số thuế và các khoản phải nộp ngân sách, dự kiến số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo chế độ; Gửi cơ quan thuế và cơ quan được nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách. Chi cục thuế cấp huyện lập dự toán thu ngân sách trên địa bàn và cơ sở tính toán từng nguồn thu, dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ cho các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý gửi cục Thuế tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân, phòng Tài chính thành phố, thị xã, các huyện cần có trách nhiệm tích cực trong việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi mình quản lý, phối hợp với cơ quan thuế đồng cấp lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự kiến số thuế giá trị gia tăng theo chế độ cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Dự toán ngân sách nhà nước phải được xây dựng trên cơ sở tính đúng, tính đủ các khoản thu theo quy định của pháp luật và phân tích, dự báo về yếu tố tăng trưởng kinh tế, thị trường giá cả, lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời thực hiện đầy đủ các quy định về khuyến khích sản xuất, kinh

doanh, tăng xuất khẩu, mở rộng thị trường, Thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý thu, hoàn thuế giá trị gia tăng, thu hồi số thuế bị chiếm đoạt, chống thất thu, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Xây dựng dự toán chi ngân sách phải căn cứ vào các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi tiêu, các chế độ chính sách của Nhà nước, giá cả thị trường hợp lý và khả năng khoản trợ cấp cân đối tỉnh giao. Thiết lập hệ thống định mức phân bổ chi ngân sách khoa học phù hợp với từng địa phương có thể định mức theo dân số hoặc số đầu mối quản lý. Phải thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục, thời gian xây dựng dự toán ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành quyết toán ngân sách. Nâng cao chất lượng lập dự toán để đảm bảo quy mô, cơ cấu các khoản chi hợp lý nhằm hạn chế lãng phí, ỷ lại, bao cấp trong khâu lập dự toán, đồng thời tăng khả năng chấp hành ngân sách, tiết kiệm và hiệu quả chi ngân sách.

3.3.2. Tăng cường kiểm tra kiểm soát các khoản thu ngân sách

- Tăng cường kiểm tra, quản lý thu ở các đơn vị sự nghiệp có thu, công ty TNHH một thành viên:

+ Đối với doanh nghiệp nhà nước như Công TNHH một thành viên quản lý và môi trường đô thị và các Ban quản lý đô thị thuộc các huyện, thị xã sông công cần phải xây dựng giá dịch vụ trên cơ sở Quyết định số 17/2001/QĐ-BXD ngày 07/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về bộ đơn giá chuyên ngành vệ sinh môi trường, công tác thu gom và vận chuyển, xử lý rác, qua đó sẽ làm tăng độ chính xác, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Cần mở rộng mô hình, mô hình hoạt động dịch vụ thông qua việc thực hiện tốt Pháp lệnh phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ “sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP"; Thông tư 71/2003/TT-BTC ngày 30/7/2003 Của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tăng cường mở rộng các hoạt dịch vụ văn hoá, thể thao, dịch vụ tài chính, quản lý môi trường, Ban quản lý chợ cần tăng cường quản lý, cho thuê mặt bằng, địa điểm kinh doanh, thu phí trông giữ xe máy xe đạp; Qua đó phấn đấu giảm cấp bù từ ngân sách các huyện, thành phố, thị xã và từ đó có thể giao cho các đơn vị tự đảm bảo và đảm bảo một phần kinh phí, tự cân đối được kinh phí sự nghiệp của mình.

- Tăng cường công tác quản lý thu, chú trọng những lĩnh vực còn thất thu lớn, chủ yếu là thất thu ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thực hiện các biện pháp, bồi dưỡng các nguồn thu, tăng cường kiểm tra doanh thu, giá cả hàng hoá bán ra; Chi phí hợp lệ tính thuế, các khoản lương, vận chuyển, tăng cường kiểm tra chống thất thu về hộ, kiểm tra chặt chẽ các khoản thuế đầu vào trên các bảng kê của các đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, đặc biệt là các đơn vị có số thuế giá trị gia tăng lớn, phải hoàn thuế.

Tăng cường quản lý thu ở các xã, phường, thực hiện đấu thầu cho thuê ao, hồ, mặt nước, để nuôi trồng thủy sản, thực hiện cơ chế thích hợp đối với các khoản thu khác.

Cơ quan thuế các Huyện, thành phố, thị xã tập trung hướng dẫn, đưa luật thuế mới vào đời sống nhân dân, thông qua việc tuyên truyền, hỗ trợ các đối tượng nộp thuế, từ đó thu đúng, thu đủ không để kết dư, tồn đọng thuế. Từng bước phối hợp với Cục thuế tỉnh cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính trong công tác thu thuế, thực hiện công khai, minh bạch trong công tác thu thuế, tổ chức thu, quản lý thu một cách khoa học, chính xác, đơn giản đảm bảo cho các đối tượng nộp thuế chủ động và tự giác; Áp dụng, tin học hóa trong quá trình thu và quản lý thuế, khắc phục những yếu điểm trước đây như chậm trễ, phiền hà, tắc trách trong ngành thuế;

Trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ của ngành thuế tại thời điểm cần tăng cường dịch vụ tư vấn thuế đề nghị, kiến nghị với Cục Thuế, Tổng cục thuế cho thành lập phòng tuyên truyền và hỗ trợ nhằm giải thích, hướng dẫn các vướng mắc về chính sách, các thủ tục kê khai, tính thuế; Mặc dù công tác này còn khá mới mẻ đối với các huyện, thành phố, thị xã song nếu công tác này được thực hiện tốt thì các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn sẽ có điều kiện để tìm hiểu và dễ dàng thực hiện, chấp hành Luật thuế tốt và đúng quy định.

Tích cực động viên, khai thác mọi nguồn thu cho ngân sách từ các khu vực kinh tế; Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung chi cho các công trình trọng điểm, mang lại hiệu quả cao.

3.3.3. Tăng cường kiểm soát chi ngân sách

Tăng cường sự kiểm soát của Kho bạc Nhà nước đối với chi ngân sách: Kho bạc nhà nước các huyện, thành phố, thị xã cần cương quyết từ chối thanh toán đối với các khoản chi chưa đủ điều kiện chi theo Luật ngân sách Nhà nước. Cần thực hiện tốt chủ trương thanh toán hết, đầy đủ nguồn vốn xây dựng cơ bản do phòng tài chính các huyện, thành phố, thị xã quyết toán chuyển sang phòng cấp phát đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kho bạc quản lý.

Kho bạc nhà nước các huyện, thành phố, thị xã thực hiện việc cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản, khi có nguồn hoặc xác định được nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản UBND các huyện, thành phố, thị xã mới quyết định cho thực hiện, triển khai dự án.

Tất cả các khoản chi ngân sách nhà nước đều phải được kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau quá trình cấp phát thanh toán. Nâng cao hiệu quả các khoản chi để thúc đẩy cấp phát thanh toán, phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Để làm được điều này đòi hỏi phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã phải thực hiện kiểm tra dự toán của đơn vị thu hưởng ngân sách nhà nước trước khi cấp phát hạn mức kinh phí cho đơn vị. Dự toán hàng quý phải đảm bảo phù hợp

với dự toán năm về nội dung chi tiết. Đối với các khoản chi đầu tư các công trình xây dựng theo Thông tư 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Chính Phủ thì mới được cấp phát kinh phí, hoặc có thể tiến tới thực hiện cam kết chi trong việc cấp phát kinh phí này.

Phải thực hiện đúng định mức chế độ tiêu chuẩn đã ban hành. Tại Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính quy định: Các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách nhà nước được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền quyết định chi. Người ra quyết định chi phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu sai phải bồi hoàn công quỹ.

Phòng Tài chính các huyện, thành phố, thị xã cần thực hiện nghiêm túc và cương quyết đối với những khoản chi không nằm trong dự toán được duyệt, vi phạm định mức tiêu chuẩn của Nhà nước. Các khoản chi xây dựng cơ bản không theo đúng trình tự thủ tục, các khoản mua sắm tài sản cố định lớn (như ô tô) chưa được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc tài sản có giá trị trên 100 triệu đồng chưa được đấu thầu công khai mua sắm thì cương quyết không quyết toán chi.

Các khoản thu phí, lệ phí như phí chợ, phí trông giữ xe đạp, ô tô, xe máy, phí lệ đường, bến bãi, mặt nước, phí, phí qua cầu . . . đều phải được hạch toán kế toán đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Đối với trường phổ thông trung học cơ sở và tiểu học cơ sở đủ điều kiện thực hiện khoán theo nghị định 10/2002/NĐ-CP của Chính phủ thì cần phải bồi dưỡng kịp thời về chuyên môn nghiệp vụ đồng thời tổ chức mua và áp dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS cho các trường để đảm bảo việc báo cáo đúng biểu mẫu, thời gian quy định, tương thích với các phần mềm tổng hợp ở cấp huyện và tỉnh như phần mềm Tổng hợp Quản lý ngân sách 5.0.

Tiếp tục bổ sung kế toán cho các trường còn lại để tiến đến năm 2007 khoán chi cho 100% các trường trung học và tiểu học cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức kiểm tra, rà soát, kiểm kê lại tài sản của cơ quan đơn vị để quản lý một cách chặt chẽ đúng chế độ quản lý tài sản công như mở sổ sách theo dõi, tính hao mòn, thực hiện chế độ báo hỏng, trang bị đúng định mức sử dụng của nhà nước về nhà cửa, ô tô . . .

Nâng cao hiệu quả của các khoản chi như: Chi sự nghiệp kinh tế, chi sự nghiệp kinh tế, chi sự nghiệp nông thôn các khoản chi này sẽ đóng góp thúc đẩy sản xuất phát triển đồng thời giảm thiểu các khoản chi tạm ứng ngoài ngân sách, khoản chi này càng lớn thể hiện việc xây dựng dự toán của đơn vị và cơ quan cấp trên không có sự ăn khớp, thống nhất đây chính là nguyên nhân của việc áp đặt, ấn định dự toán thu, chi.

Thường xuyên tăng cường phối hợp giữa phòng tài chính các huyện, thành phố, thị xã với các phòng, ban trong huyện trong quản lý chi ngân sách.

3.3.4. Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguyên tắc” Hiệu quả đầu tư” phải trở thành nguyên tắc tối cao, được quán triệt trên mọi phương diện và cấp độ. Phân bổ hợp lý và sử dụng vốn hiệu quả là con đường ngắn nhất tăng nhanh tiền lực tài chính [20] như vậy để tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản cần tổ chức tập huấn, phổ biến cho lãnh đạo và các ban tài chính xã, phường, thị trấn chế độ quản lý vốn đầu tư và xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ; Các Nghị định hướng dẫn việc đấu thầu trong xây dựng cơ bản như Nghị định 88/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu thầu; Nghị định số

14/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ; Nghị định số 66/2003/NĐ-CP ngày 16/6/2003 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế đấu thầu.

UBND các huyện, thành phố, thị xã cần chỉ đạo các ban, ngành, đơn vị nghiêm cấm tình trạng xây dựng cơ bản ở các xã, phường, thị trấn không theo kế hoạch và trình tự, dẫn đến nợ đọng kéo dài; Trường hợp xảy ra phải xử lý nghiêm khắc theo pháp luật hiện hành.

Chính quyền các xã, phường, thị trấn cần có giải pháp huy động nguồn vốn do dân đóng góp, khai thác và phát huy nội lực địa phương để thực hiện tốt chủ trương kiên cố hóa kênh mương nội đồng và giao thông nông thôn để các công trình bộ mặt nông thôn này được hoàn thành đúng thời hạn và đảm bảo quyết toán được thuận lợi.

Đổi mới cơ chế quản lý đầu tư xây dựng phải đạt được mục tiêu nâng cao hiệu quả đầu tư, chống lãng phí, tham ô, tham nhũng trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng trước hết là trong các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước; Các dự án ngân sách cấp phát cần quy định rõ hơn trách nhiệm của cấp quyết định đầu tư và chủ đầu tư, có biện pháp cụ thể đánh giá, phân loại năng lực chủ đầu tư. Chỉ có thể giao việc quản lý dự án cho các chủ đầu tư có đủ điều kiện và năng lực. Các dự án của các ngành không chuyên về xây dựng cơ bản cần kiên quyết áp dụng các biện pháp thích hợp như thành lập ban quản lý dự án mang tính chuyên nghiệp, sau khi dự án hoàn thành sẽ bàn giao lại cho các chủ đầu tư khai thác sử dụng.

Hàng năm, đơn vị chủ đầu tư công trình có trách nhiệm thực hiện quyết toán các công trình xây dựng cơ bản dở dang gửi đến các cơ quan có liên quan. UBND huyện, thành phố, thị xã cần đôn đốc, chỉ đạo các Phòng kế hoạch, phòng Tài chính, phòng quản lý đô thị hoặc phòng xây dựng và các phòng liên quan duyệt quyết toán các công trình đúng tiến độ chấm dứt tình trạng các công trình xây dựng của các đơn vị xã phường không quyết toán như hiện nay.

3.3.5. Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ quản lý ngân sách

Trong công tác quản lý ngân sách nhà nước thì nhân tố có ý nghĩa quyết định và đặc biệt quan trọng là cán bộ quản lý; Cán bộ phải có phẩm chất tốt, tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên quyết mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện đúng đường lối chính sách của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, không tham nhũng, có ý thức tổ chức kỷ luật, không cơ hội, được nhân dân tin nhiệm. Có trình độ chuyên môn, hiểu biết lý luận chính trị và các đường lối của Đảng, Nhà nước, có sức khỏe để làm việc, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao; Hơn nữa riêng đối với cán bộ quản lý ngân sách còn phải có phẩm chất đạo đức, phẩm chất chính trị và năng lực công tác.

Trong giai đoạn hiện nay cán bộ quản lý ngân sách cần phải được trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị làm việc tối thiểu như máy vi tính, máy in, thông tin tài chính liên quan để họ có thể cập nhật hàng ngày từ giá cả thị trường cho đến những thông tin kinh tế quốc tế.

Từ những yêu cầu đó, Đảng bộ và chính quyền cơ quan đơn vị phải tăng cường giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức tư tưởng cho cán bộ công chức nói chung và cán bộ quản lý ngân sách nói riêng. Cần thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ, các lớp lý luận chính trị trung, cao cấp, quản lý nhà nước, tin học quản lý ...vv.

Xuất phát từ tình hình thực tế cho thấy hầu hết thủ trưởng các đơn vị thụ hưởng ngân sách cấp II tại các huyện, thành phố, thị xã ít quan tâm đến công tác quản lý tài chính mà chỉ quan tâm đến nhiệm vụ chuyên môn; Quyền quyết chi là do thủ trưởng đơn vị song sử lý, hạch toán khoản chi lại do kế toán chính vì vậy các khoản chi đè nặng lên cán bộ kế toán; Như vậy việc tổ

chức các lớp bồi dưỡng về kiến thức quản lý tài chính cho các chủ tài khoản đơn vị sử dụng ngân sách hẳn là điều cần thiết trong giai đoạn này.

Cần có chế độ thưởng, phạt rõ ràng riêng đối với các cá nhân, tổ chức làm tốt công tác quản lý ngân sách nhà nước; Cần kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý ngân sách từ huyện đến xã. Có cơ chế tuyển chọn phù hợp ưu tiên những cán bộ trẻ được đào tạo chính quy có kinh nghiệm; Cộng điểm ưu tiên cho các sinh viên có lực học giỏi, đề thi công chức vào ngành tài chính môn chuyên ngành phải do sở Tài chính biên soạn.

3.3.6. Một số giải pháp khác

Trong công tác đấu thầu: Cần thực hiện hình thức đấu thầu vào tất cả các lĩnh vực như đấu thầu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đấu thầu mua sắm hàng hóa, máy móc thiết bị; Đấu thầu trong các hoạt động dịch vụ công, hạn chế việc chỉ thầu, trong trường hợp đặc biệt khi được UBND tỉnh phê duyệt mới được chỉ thầu; Chỉ có hình thức đấu thầu rộng rãi mới hạn chế và chống được lãng phí và thất thoát; Phân loại rõ đối tượng, giá trị phải áp dụng hình thức đấu thầu, Ví dụ trong hoạt động dịch vụ công cần công khai cho đấu thầu thuê địa điểm kinh doanh, cây xanh công viên, dịch vụ cấp, thoát nước, nước phục vụ nông nghiệp đấu thầu quản lý thu phí qua cầu, đấu thầu điểm trông giữ xe đạp, ô tô, xe máy; Giao cho các phường, xã, thị trấn tổ chức đấu thầu trong việc quản lý và thu phí vệ sinh . . .vv.

Trong công tác công khai tài chính: Thực hiện công khai tài chính nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế đồng thời tạo điều kiện cho việc kiểm tra giám sát của quần chúng, trong việc sử dụng ngân sách. Đồng thời góp phần thực hiện tốt chính sách tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí trong cơ quan nhà nước, làm lành mạnh hóa nền tài chính, tạo ra sự tin tưởng trong cộng đồng, từ đó thực hiện tốt đoàn kết nội bộ.

+ Công khai chi tiết dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã được Hội đồng nhân dân đồng cấp phê duyệt.

+ Công khai chi tiết dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND các huyện, thành phố, thị xã đã được cấp có thẩm quyền giao; Quyết toán chi ngân sách hàng năm của các đơn vị này đã được cơ quan tài chính thẩm định.

+ Công khai dự toán, quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách hàng năm của các xã, phường, thị trấn; Bổ sung từ ngân sách cấp tổng các nguồn kinh phí ủy quyền cho chính quyền cấp dưới từ nội dung giao, phê chuẩn hoặc thẩm định.

+ Việc công khai phải niêm yết tại trụ sở của đơn vị, công bố trong hội nghị cán bộ công chức của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân Huyện, Thành phố, Thị xã có Nghị quyết về quyết định dự toán, phê chuẩn quyết toán ngân sách hàng năm.

+ Công khai hóa việc sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức cá nhân. Hàng năm các đơn vị dự toán xã, phường, thị trấn có nguồn thu từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân. Các khoản này phải công khai cho người đóng góp biết rõ mục đích huy động, mức đóng góp và việc sử dụng các nguồn huy động đó. Hình thức công khai phải niêm yết tại trụ sở của Cơ quan.

+ Thủ trưởng các đơn vị, chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện công khai phải có trách nhiệm trả lời chất vấn của các tổ chức, cá nhân về các vấn đề liên quan đến nội dung đã được thực hiện công khai tài chính.

Trong công tác giáo dục lý luận chính trị: Tăng cường tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về Luật Ngân sách nói chung, quản lý ngân sách nói riêng cho đội ngũ cán bộ công chức các cơ quan, ban ngành có liên quan đến công tác quản lý ngân sách. Quản lý ngân sách có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cơ quan do vậy để tăng cường công tác quản lý ngân sách trước hết cần tăng cường công tác tuyên truyền chính sách chế độ quản lý ngân sách như Luật ngân sách, các thông

tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về Luật ngân sách cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo các ngành, các cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn nhận thức đầy đủ, cần thiết về Luật ngân sách, các chế độ chi tài chính để tổ chức thực hiện đúng quy định hiện hành. Ngoài ra còn sử dụng các biện pháp tuyên truyền khác như trên phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo, qua đó thực hiện tốt cơ chế “ dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong lĩnh vực tài chính.

Trong kiểm tra, giám sát: Thực hiện chấn chỉnh công tác kế toán của các xã, phường, các đơn vị dự toán trực thuộc; Thực hiện nghiêm pháp lệnh kế toán thống kê. Trường hợp nếu vi phạm như gửi báo cáo tài chính chậm có hệ thống, để ngoài sổ kế toán các khoản vật tư, tiền vốn và các vi phạm khác cần thực hiện chế độ xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê theo quy định tại Nghị định 60/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/6/2003.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong quá trình chấp hành ngân sách, sử dụng ngân sách: Hàng năm Thanh tra Huyện, thành phố, thị xã cần phối hợp với phòng tài chính đồng cấp lên kế hoạch thanh tra, kiểm tra các đơn vị, các xã phường có sử dụng ngân sách trình UBND đồng cấp phê duyệt; Qua thanh tra, kiểm tra, kiến nghị với cơ sở khắc phục những sai phạm trong quản lý ngân sách. Nếu cá nhân đơn vị nào vi phạm pháp luật thì kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của Pháp Luật.

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa các ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong việc quản lý ngân sách; Cụ thể Đảng bộ địa phương thực hiện lãnh đạo bằng việc đề ra các chủ trương, đường lối, định hướng chi ngân sách phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Như vậy dự toán ngân sách hàng năm của địa phương phải được thông qua Cấp ủy để có ý kiến chỉ đạo đúng hướng; Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương mình; Quyết

định những chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết nghị đối với các đơn vị sử dụng ngân sách; UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào Nghị quyết của HĐND, quyết định giao nhiệm vụ thu, chi cho từng xã, phường, thị trấn, từng đơn vị trực thuộc và tổ chức điều hành thực hiện ngân sách, phối hợp với cơ quan Nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước theo lĩnh vực trên địa bàn; UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phòng Tài chính, các ban, ngành thực hiện tốt dự toán ngân sách đã được thông qua, thực hiện nghiêm túc chế độ trực báo về tình hình thực hiện dự toán thu, chi để có biện pháp chỉ đạo kịp thời, thực hiện chi tiêu đảm bảo đúng chế độ, tiết kiệm, có hiệu quả.

+ Tăng cường phối hợp, xin ý kiến chỉ đạo của Sở Tài chính về hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, định kỳ phối hợp với sở Tài chính, Bộ Tài chính mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách cấp huyện và cấp xã.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Ngân sách nhà nước nói chung và ngân sách huyện nói riêng là một trong những công cụ của chính sách tài chính nhà nước và địa phương để quản lý kinh tế vĩ mô nhằm đáp ứng những mục tiêu ổn định Kinh tế - Xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy tăng cường quản lý ngân sách nhà nước có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, đáp ứng tốt nhu cầu chi tiêu của bộ máy nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng.

1.2. Với nỗ lực của UBND các huyện, thành phố, thị xã, các ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian qua đã từng bước cố gắng, tuy nhiên thu ngân sách vẫn còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn trợ cấp cân đối của Ngân sách tỉnh; Việc làm thế nào để thực hiện quản lý ngân sách cấp Huyện đạt hiệu quả cao từng bước tăng số xã, huyện đảm bảo tự cân đối là một vấn đề bức xúc đặt ra hiện nay của các cơ quan quản lý.

1.3. Với thực trạng quản lý ngân sách cấp Huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, những tồn tại và hạn chế cụ thể trong các khâu: Lập dự toán thu, chi ngân sách, về kế toán và quyết toán ngân sách, về chế độ công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước, về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách nhà nước, về cơ chế quản lý tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cho thấy công tác quản lý ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh chưa thực sự đáp ứng được các quy định của Luật ngân sách đồng thời chưa sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả và chưa thực sự thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương, nâng cao đời sống nhân dân.

1.4. Qua khảo sát thực trạng công tác quản lý ngân sách cấp Huyện ở tỉnh Thái Nguyên luận văn đã có một số kết quả và hạn chế nhất định như sau:

Những mặt đã đạt được: Công tác lập dự toán ngân sách nhà nước cấp huyện nhìn chung đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản, bám sát kế hoạch phát

triển kinh tế xã hội địa phương; Công tác thu, chi ngân sách nhà nước của các huyện, thành phố, thị xã đã sử dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo đúng, đủ và kịp thời, Công tác quyết toán và kiểm toán, thanh tra kiểm tra các khoản chi thường xuyên luôn được thực hiện tốt.

Những tồn tại cần khắc phục: Đối với Lập dự toán ngân sách hàng năm của các phường, xã các đơn vị dự toán thuộc các huyện, thành phố, thị xã còn chậm; Đối với thu ngân sách còn xảy ra tình trạng thất thu ở một số xã, phường; Chi ngân sách còn nhiều bất cập đối với chi thường xuyên cũng như chi cho đầu tư xây dựng cơ bản; Về kế toán và quyết toán ngân sách qua kiểm tra thực tế cho thấy chất lượng kế toán còn yếu. các đơn vị chưa chấp hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh kế toán thống kê; Chế độ công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước chưa được thực hiện nghiêm túc.

1.5. Để khắc phục tình trạng trên và tăng cường công tác quản lý ngân sách cấp Huyện đạt hiệu quả cao; Luận văn đã đưa ra hệ thống nhóm các giải pháp:

Một là : Nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán;

Hai là : Tăng cường kiểm tra kiểm soát các khoản thu ngân sách;

Ba là : Tăng cường kiểm soát chi ngân sách đối lĩnh vực, mọi ngành;

Bốn là : Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản;

Năm là : Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ quản lý ngân sách;

Sáu là : Nhóm các giải pháp khác như trong công tác đấu thầu, trong công khai tài chính, trong giáo dục lý luận, chính trị, trong công tác kiểm tra giám sát.

Với nhóm các giải pháp này nếu được thực hiện tốt thì việc quản lý ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sẽ đạt được hiệu quả cao, đồng thời đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội mà Đảng bộ và chính quyền các huyện, thành phố, thị xã đã đề ra.

2. Một số đề nghị

Qua nghiên cứu lý luận, trên cơ sở thực trạng quản lý ngân sách cấp huyện và những kinh nghiệm mà học viên đã thu nhận được trong thời gian

qua tìm hiểu tại Sở Tài chính, phòng Tài chính Thành phố, phòng Tài chính Huyện Định Hóa, học viên xin mạnh dạn nêu lên một số kiến nghị đối với trung ương và tỉnh Thái Nguyên về những vấn đề liên quan nhằm hoàn thiện công tác quản Ngân sách huyện ở tỉnh Thái Nguyên, mong muốn giúp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Ngân sách cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2.1. Đối với Trung ương

- Đổi mới công tác kiểm toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, xoá bỏ tình trạng nhiều đầu mỗi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm mọi khoản thu nộp trực tiếp vào quỹ ngân sách nhà nước thông qua hệ thống kho bạc.

- Tăng cường triệt để việc thực hiện cơ chế khoán kinh phí đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp với lý do:

- + Khoán chi hành chính đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp là việc xác định tổng mức kinh phí mà đơn vị được hưởng. Song có điều kiện khác biệt cơ bản là ở chỗ đơn vị được quyền sử dụng số tiền tiết kiệm được để bổ sung tiền lương, thu nhập, khen thưởng cho cán bộ công nhân viên, bổ sung nguồn mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công việc và cải thiện điều kiện làm việc cho đơn vị.

- + Xuất phát từ thực trạng nền hành chính nước ta là tổ chức bộ máy còn rất cồng kềnh, biên chế đông, hiệu quả chất lượng công việc chưa cao, điều kiện làm việc của nhiều cơ quan còn rất khó khăn, chi tiêu ngân sách lãng phí, trong khi nguồn vốn ngân sách nhà nước còn ít, nên việc thực hiện cơ chế khoán kinh phí sẽ góp phần tích cực khắc phục tồn tại trên; Đối tượng khoán kinh phí hành chính là cơ quan hành chính nhà nước bao gồm cả các cơ quan Đảng, tổ chức Đoàn thể.

- Hoàn thiện Luật ngân sách nhà nước về các vấn đề như phân cấp quản lý ngân sách nhà nước tuy bước đầu tạo thế chủ động cho chính quyền địa phương nhưng có mặt còn hạn chế, tiến hành chậm, chưa thực sự phát huy và khuyến

khích thế mạnh ở địa phương. Thủ tục cấp phát ngân sách còn rườm rà, qua nhiều khâu, tốn nhiều thời gian và công sức của đơn vị thụ hưởng ngân sách.

- Hoàn thiện hệ thống định mức tiêu chuẩn thu, chi ngân sách nhà nước, rà soát các định mức, tiêu chuẩn chi tiêu; Xóa bỏ các định mức, tiêu chuẩn chi lạc hậu; Ban hành đủ các định mức có tính khoa học và khả thi cần thiết cho quản lý ngân sách. Do bức xúc của tình hình, nhiều địa phương đã tự quy định một số chế độ riêng, ngoài quy định của Trung ương. Để khắc phục tình trạng này, đề nghị phân cấp, phân quyền cho địa phương được phép ban hành một số chế độ tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách với những yêu cầu và điều kiện nhất định theo mức trong khung do Trung ương quy định. Chính phủ cần thống nhất quản lý việc ban hành các chế độ tiêu chuẩn định mức bao gồm: Các định mức do trung ương ban hành; các định mức do trung ương quy định mức khung, giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể sao cho phù hợp với đặc điểm địa phương. Xây dựng khung định mức chi ngân sách với các hệ số khác nhau để phù hợp với đặc điểm và khả năng ngân sách của từng cấp chính quyền; Phù hợp với đặc điểm và điều kiện địa lý của các vùng, lãnh thổ; Phù hợp với quy mô và tính chất đặc thù của cơ quan quản lý nhà nước.

Áp dụng định mức khung chi theo công việc thay cho áp dụng định mức cho theo biên chế như lâu nay. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn chế độ trang thiết bị và phương tiện làm việc phù hợp với từng loại chức danh công chức, viên chức để áp dụng thống nhất trong các cơ quan nhà nước. Trên cơ sở hệ thống định mức, tiêu chuẩn chế độ trên, cho phép cơ quan, đơn vị được quyền điều chỉnh trong quá trình thực hiện, phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng ngân sách của đơn vị.

Những yêu cầu cần đạt được trong việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn định mức, phải đảm bảo căn cứ khoa học, phải phù hợp với thực tế và khả năng ngân sách nhà nước; phải tạo quyền chủ động cho các đơn vị trong quá trình thực hiện.

2.2. Đối với tỉnh Thái Nguyên

- Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác lập dự toán, giao cho kế hoạch thu chi ngân sách. Cụ thể: Khắc phục việc phân bổ kinh phí hành chính theo đầu người, không tính đến đặc thù của đơn vị; Phải đảm bảo phát huy quyền chủ động của các huyện, thành phố, thị xã đảm bảo tính khoa học và thực tiễn của dự toán ngân sách để có sự trợ cấp cân đối hợp lý; Giao chỉ tiêu ngân sách chậm nhất trong tháng 12 hàng năm.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc phân cấp thu, chi ngân sách cho các huyện, thành phố, thị xã nhất là các khoản đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn. Theo điều 34 Luật ngân sách nhà nước có ghi nhiệm vụ chi xây dựng cơ bản đối với ngân sách cấp huyện “phải có chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập các cấp, các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị đang thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh”. Vì vậy, trong thời gian tới cần bổ sung nhiệm vụ chi xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị như công trình điện chiếu sáng công cộng, cấp thoát nước ... cho ngân sách thành phố, thị xã.

- Đầu tư cơ sở vật chất về công nghệ, thông tin để đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý ngân sách được đúng tầm, tạo ra sự đồng bộ, thống nhất nhanh trong số liệu thu, chi giữa các ngành Tài chính - Kho bạc - Thuế đáp ứng được theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền cũng như phục vụ cân đối ngân sách trên địa bàn huyện.

- Sở Tài chính cần phải phối hợp với, Cục thuế tỉnh, UBND thành phố, phòng Tài chính Thành phố quy định cơ chế thanh toán đối với các sản phẩm dịch vụ công của công ty TNHH một thành viên môi trường và công trình đô thị cung cấp cho xã hội.

- Tỉnh cần tăng cường hướng dẫn, định kì kiểm tra nghiệp vụ chuyên môn về chính sách, chế độ đối với cán bộ làm công tác quản lý tài chính ở các huyện, thành phố, thị xã, các xã phường, thị trấn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2003), *Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện quyển I*, Nxb Tài Chính, Hà nội 2003.
2. Bộ Tài chính(2003), Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định 60/2003/NĐ-CP.
3. Bộ Tài chính(2004), *Báo cáo kết quả khảo sát kinh nghiệm của Trung Quốc về quản lý tài chính – Ngân sách*.
4. Bộ Tài chính(2007), *Báo cáo kết quả khảo sát kinh nghiệm của Hàn Quốc về quản lý tài chính – Ngân sách*.
5. Bộ Tài chính(2007), *Báo cáo kết quả khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm quản lý tài chính–ngân sách của cộng hoà liên bang Đức và Thụy sĩ*.
6. Chính Phủ (2003), Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.
7. Cục Thống Kê Thái Nguyên(2006), *Niên giám thông kê tỉnh Thái Nguyên năm 2006*. Thái Nguyên 2006.
8. Đinh Tích Linh (2003), *Những điều cần biết về ngân sách nhà nước để thực hiện Luật ngân sách nhà nước mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
9. GS.TSKH Tào Hữu Phùng (2004), *An ninh tài chính quốc gia lý luận- cảnh báo- đối sách*, Nxb Tài chính 2004.
10. Học viện Tài chính (2003), *Giáo trình lý thuyết tài chính*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
11. MoF Dự án hỗ trợ cải cách ngân sách (2003), *100 câu hỏi và giải đáp về Luật ngân sách Nhà Nước*, Nxb Tài Chính, Hà Nội 2003.
12. Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003) *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân*.
13. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI (2002), *Luật*

ngân sách nhà nước, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Thủ Tướng Chính Phủ (1998), *Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ.*
15. Tỉnh Thái Nguyên (2006), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020.* Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
16. Ủy ban nhân dân Huyện Định Hoá(2004,2005,2006), *Tổng hợp quyết toán ngân sách các năm 2004-2005-2006 Huyện Định Hoá.*
17. Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Nguyên (2004,2005,2006), *Tổng hợp quyết toán ngân sách các năm 2004-2005-2006 TP Thái Nguyên.*
18. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên(2004,2005,2006), *Tổng hợp quyết toán ngân sách các năm 2004-2005-2006 tỉnh Thái Nguyên.*
19. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên(2006), *Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện năm đầu tiên kế hoạch năm 2006 – 2010.*
20. Website Bộ Tài Chính(2005),*Kinh nghiệm uỷ nhiệm thu của xã Kiến Xương tỉnh Thái Bình*,<http://www.mof.gov.vn/Default.asp>.
21. Website Tỉnh Thái Bình (2007),*Kinh nghiệm Quản lý thu, chi của Huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình* <http://www.thaibinh.gov.vn/end-user/>.